CafeLand TIN NHANH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2013/QĐ -UBND	*Ninh Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, như sau:

1. Bảng giá đất nông nghiệp:

a) Đất trồng cây hàng năm;

b) Đất trồng cây lâu năm;

c) Đất nuôi trồng thủy sản;

d) Đất rừng sản xuất.

(Có Bảng giá đất nông nghiệp kèm theo)

2. Bảng giá đất phi nông nghiệp:

a) Bảng giá đất ở

- Bảng giá đất ở đô thị (thành phố Ninh Bình, thị xã Tam Điệp là đô thị loại III, thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V);

- Bảng giá đất ở ven đô thị, đầu mối giao thông, ven trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp;

- Bảng giá đất ở tại nông thôn.

(Có Bảng giá đất ở kèm theo)

b) Bảng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

- Bảng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các khu công nghiệp

(Có Bảng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các khu công nghiệp kèm theo)

- Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài khu công nghiệp tại các huyện, thành phố, thị xã tính bằng 70% giá đất ở cùng loại đường phố và vị trí theo bảng giá đất ở các huyện, thành phố, thị xã.

3. Giá đất phi nông nghiệp là đất ở quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được áp dụng cho khuôn viên đất có diện tích bám mặt đường chính (chiều sâu từ 0 m đến 20 m); mức giá đất ở đối với diện tích còn lại (từ trên 20 m đến hết lô đất) được tính theo các mức như sau:

a) Bằng 70 % mức giá đất ở quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 20 m đến 60 m;

b) Bằng 60 % mức giá đất ở quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 60 m đến 100 m;

c) Bằng 50 % mức giá đất ở quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 100 m đến hết lô đất;

d) Mức giá đất ở bình quân thấp nhất của mỗi khuôn viên quy định tại Điểm a, b, c, Khoản này không được thấp hơn mức giá đất ở khu dân cư còn lại của xã, phường, thị trấn đó;

4. Giá đất phi nông nghiệp là đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này áp dụng cho khuôn viên có diện tích bám mặt đường chính (chiều sâu từ 0 m đến 50 m); diện tích còn lại (từ trên 50 m đến hết lô đất) được tính theo các mức như sau:

a) Bằng 70 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 50 m đến 100 m;

b) Bằng 60 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 100 m đến 150 m;

c) Bằng 50 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 150 m đến 200 m;

d) Bằng 40 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 200 m đến 250 m;

đ) Bằng 30 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 250 m đến 300 m;

e) Bằng 20 % mức giá đất quy định tại Tiết điểm thứ 2 Điểm b Khoản 2 Điều này đối với phần diện tích của khuôn viên đất từ trên 300 m đến hết lô đất;

f) Mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thấp nhất của mỗi khuôn viên quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản này không được thấp hơn mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu dân cư còn lại của xã, phường, thị trấn đó.

5. Giá đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại khu vực dân cư nông thôn, tại đô thị, ven trục đường giao thông, đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này được xác định theo hiện trạng.

6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ) và đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn học nghệ thuật) áp dụng mức giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở vùng lân cận.

7. Đất sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai và các loại đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa) áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề.

8. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản áp dụng giá đất nuôi trồng thủy sản quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này; nếu sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng, khai thác thủy sản thì áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

9. Đất nông nghiệp khác là đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; đất xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp áp dụng giá đất trồng cây lâu năm liền kề.

Điều 2. Giá các loại đất quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng để thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

Điều 3. Các trường hợp phải xác định lại giá đất, xác định bổ sung giá đất:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng các đường phố mới, khu dân cư mới.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước cho thuê đất, xác định lại đơn giá cho thuê đất, thu hồi đất, tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân; xác định giá trị quyền sử dụng đất đối với tài sản thi hành án và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, xác định giá trị quyền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất, tính tiền bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất, tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 và thay thế: Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng giá các loại đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc bổ sung giá đất ở tại xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn vào Bảng giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc bổ sung giá đất sản xuất kinh doanh khu công nghiệp Khánh Cư, huyện Yên Khánh vào Bảng giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc bổ sung giá đất ở tại khu đô thị mới Hồ Cánh Võ, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình vào bảng giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh NB;
- Lưu: VT, VP3,4,5.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Trần Văn Điến

Tài liệu này được lưu trữ tại http://canbo.vn

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Phần I
BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Tên đơn vị hành chính		Giá đất		Ghi chú
		Khu vực Đồng bằng	Khu vực Miền núi	
I. Thành phố Ninh Bình				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	69	68	
	Đất lúa màu	65	64	
	Đất 2 lúa	63	62	
	Đất 1 lúa	61	60	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	100	90	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	52	51	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	90	80	
II. Thị xã Tam Điệp				
1. Các phường thuộc Thị xã Tam Điệp				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu		60	
	Đất lúa màu		56	
	Đất 2 lúa		55	

Tài liệu được sưu tầm tại http://cafeland.vn

	Đất 1 lúa		53	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư		44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		80	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư		35	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		78	
4. Đất rừng sản xuất			21	
2.Các xã thuộc thị xã Tam Điệp				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu		50	
	Đất lúa màu		47	
	Đất 2 lúa		46	
	Đất 1 lúa		42	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư		44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		70	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư		35	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		69	
4. Đất rừng sản xuất			21	
III. Huyện Hoa Lư				
1. Thị trấn Thiên Tôn				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	63		
	Đất lúa màu	59		
	Đất 2 lúa	58		
	Đất 1 lúa	56		
	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	40		

Tài liệu tải tại http://cafeland.vn

2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	80		
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	78		
2. Các xã thuộc huyện Hoa Lư				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	55	53	
	Đất lúa màu	52	50	
	Đất 2 lúa	50	49	
	Đất 1 lúa	49	48	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44	44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	75	65	
3. Đất nuôi trồng thuỷ sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42	40	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	73	63	
IV. Huyện Gia Viễn				
1. Thị trấn Me				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	60		
	Đất lúa màu	56		
	Đất 2 lúa	55		
	Đất 1 lúa	50		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	70		
3. Đất nuôi trồng thuỷ sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	35		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		

Tài liệu này được tải từ http://cafeland.vn

4. Đất rừng sản xuất		21		
2. Các xã thuộc huyện Gia Viễn				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	52	50	
	Đất lúa màu	48	47	
	Đất 2 lúa	47	46	
	Đất 1 lúa	43	42	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44	44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69	58	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42	35	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	68	56	
4. Đất rừng sản xuất			21	
V. Huyện Nho Quan				
1. Thị trấn Nho Quan				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu		60	
	Đất lúa màu		56	
	Đất 2 lúa		55	
	Đất 1 lúa		50	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư		44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		70	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư		35	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		69	
2. Các xã thuộc huyện Nho Quan				
	Đất màu		50	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vicafeland.vn

	Đất màu đồi		44	
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất lúa màu		47	
	Đất 2 lúa		46	
	Đất 1 lúa		42	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư		44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		58	
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư		35	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở		56	
4. Đất rừng sản xuất			21	
VI. Huyện Yên Khánh				
1. Thị trấn Ninh				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	60		
	Đất lúa màu	56		
	Đất 2 lúa	55		
	Đất 1 lúa	50		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	70		
3 Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	35		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		
2. Các xã thuộc huyện Yên Khánh				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	52		
	Đất lúa màu	48		
	Đất 2 lúa	47		

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caifuen.vn

	Đất 1 lúa	43		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	68		
VII. Huyện Yên Mô				
1. Thị trấn Yên Thịnh				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	60		
	Đất lúa màu	56		
	Đất 2 lúa	55		
	Đất 1 lúa	50		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	70		
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	35		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		
2. Các xã thuộc huyện Yên Mô				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	52	50	
	Đất lúa màu	48	47	
	Đất 2 lúa	47	46	
	Đất 1 lúa	43	42	
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44	44	
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69	58	
	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42	35	

Tài liệu này được tải tại http://cafeland.vn

3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	68	56	
4. Đất rừng sản xuất			21	
VIII. Huyện Kim Sơn				
1. Thị trấn Phát Diệm, Thị trấn Bình Minh				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	60		
	Đất lúa màu	56		
	Đất 2 lúa, cói	55		
	Đất 1 lúa	50		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	70		
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	35		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		
2. Các xã thuộc huyện Kim Sơn				
1. Đất trồng cây hàng năm	Đất màu	52		
	Đất lúa màu	48		
	Đất 2 lúa, cói	47		
	Đất 1 lúa	43		
2. Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm ngoài khu dân cư	44		
	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	69		
3. Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nuôi trồng thuỷ sản ngoài khu dân cư	42		
	Đất nuôi trồng thuỷ sản (đất ao) trong khu dân cư, không được công nhận là đất ở	68		

Tài liệu này được tải tại http://cafeland.vn

Phần II
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

BẢNG SỐ 1: GIÁ ĐẤT Ở - THÀNH PHỐ NINH BÌNH

A. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ NINH BÌNH (Đô thị loại III)

I. GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH - THÀNH PHỐ NINH BÌNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Đường Trần Hưng Đạo**	Ranh giới phía Bắc phường Ninh Khánh giáp huyện Hoa Lư	Cầu Lim		
	Đoạn 1	Ranh giới phía Bắc phường Ninh Khánh	Đường Vạn Hạnh	7.000	
	Đoạn 2	Đường Vạn Hạnh	Đường Trịnh Tú	8.000	
	Đoạn 3	Đường Trịnh Tú	Đường Đinh Tất Miễn	10.000	
	Đoạn 4	Đường Đinh Tất Miễn	Đường Đào Duy Từ	13.000	
	Đoạn 5	Đường Đào Duy Từ	Ngã Tư Xuân Thành	15.000	
	Đoạn 6	Ngã tư Xuân Thành	Cầu Lim	18.000	
2	**Đường 30 tháng 6**	Cầu Lim	Hết đất thành phố		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Hồ lâm sản	13.000	
	Đoạn 2	Hồ lâm sản	Đường Tuệ Tĩnh	11.000	
	Đoạn 3	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Phan Chu Chinh	9.000	
	Đoạn 4	Đường Phan Chu Chinh	Ngã ba cầu Vũng Trắm	8.000	
	Đoạn 5	Ngã ba cầu Vũng Trắm	Cầu Vòm	6.500	
	Đoạn 6	Cầu Vòm	Cây xăng Đại Dương	5.500	
	Đoạn 7	Cây xăng Đại Dương	Hết đất thành phố	4.500	
3	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vạn Hạnh		
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thăng	16.000	
	Đoạn 2	Đường Lương Văn Thăng	Đường Tràng An	15.000	
	Đoạn 3	Đường Tràng An	Đường Trịnh Tú	12.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 4	Đường Trịnh Tú	Đường Lưu Cơ	10.000	
	Đoạn 5	Đường Lưu Cơ	Đường Vạn Hạnh	6.500	
4	**Đường Tôn Đức Thắng (phía Đông nhà thi đấu)**	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đinh Điền (trụ sở HĐND tỉnh)	11.000	
5	**Đường Vạn Hạnh**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường ĐT477		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	4.000	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Hết TT cai nghiện	4.000	
	Đoạn 3	Hết TT cai nghiện	Cống vòm	3.500	
	Đoạn 4	Nhà ông Thiều	Đường ĐT477	1.000	
6	**Đường Lưu Cơ**	Đường Lê Thái Tổ	Đường Phạm Hùng (Hết khu trung tâm Quảng trường)		
	Đoạn 1	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	4.500	
	Đoạn 2	Đền Bình Yên	Đường Phạm Hùng	6.000	
7	**Đường Trịnh Tú**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Hùng (Hết khu trung tâm Quảng trường)	7.000	
8	**Đường Nguyễn Bặc**				
	Đoạn 1	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	3.500	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Hết công ty xăng dầu	3.500	
	Đoạn 3	Hết công ty xăng dầu	Đường Phạm Hùng	6.500	
9	**Đường Đinh Điền**	Đường Lê Thái Tổ	Đê sông Đáy		
	Đoạn 1	Đường Lê Thái Tổ	Ngõ 99 đường Đinh Điền	4.500	
	Đoạn 2	Ngõ 99 đường Đinh Điền (đường giáp nhà VH phố Bắc Thành)	Đường Trần Hưng Đạo	3.000	
	Đoạn 3	Đường Trần Hưng Đạo	Miếu Từ Bi	3.500	
	Đoạn 4	Miếu Từ Bi	Đường Tôn Đức Thắng	9.000	
	Đoạn 5	Đường Tôn Đức Thắng	Đê sông Đáy	7.000	
	Đường Đinh Tất Miễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Lê Thái Tổ		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
10	Đoạn 1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	8.000	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ	7.000	
11	**Đường Tràng An**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết đất thành phố		
	Đoạn 1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Thái Tổ	13.000	
	Đoạn 2	Đường Lê Thái Tổ	Hết đất thành phố	8.000	
12	**Đường Đào Duy Từ**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tôn Đức Thắng	10.000	
13	**Đường Lê Thái Tổ (KTN phía Tây Thành phố)**	Đường Vạn Hạnh	Nút giao thông N18 (khu Phúc Trì)		
	Đoạn 1	Đường Vạn Hạnh	Khách sạn Thùy Anh	3.000	
	Đoạn 2	Khách sạn Thùy Anh	Đường Tràng An	7.000	
	Đoạn 3	Đường Tràng An	Đường Hải Thượng Lãn Ông	6.500	
	Đoạn 4	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Tuệ Tĩnh	5.500	
	Đoạn 5	Đường Tuệ Tĩnh	Nút giao thông N18 (khu Phúc Trì)	4.500	
14	**Đường Lương Văn Thăng**	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Non Nước mới		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng	15.000	
	Đoạn 2	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu Non Nước mới	13.000	
15	**Đường Xuân Thành**	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ninh Xuân		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	9.000	
	Đoạn 2	Đường Thành Công	Đường Lê Thái Tổ	7.000	
	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	6.000	
	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Bưu điện Kỳ Vỹ	6.000	
	Đoạn 5	Bưu điện Kỳ Vỹ	Trạm biến thế Kỳ Vỹ (đầu đường trục xã)	4.000	
	Đoạn 6	Trạm biến thế Kỳ Vỹ (đầu đường trục xã)	Cầu Ninh Xuân	2.500	
16	**Đường Tây Thành**	Đường Xuân Thành	Đường 30/6		
	Đoạn 1	Đường Xuân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	3.500	
	Đoạn 2	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết khu dân cư mới phố Phúc Chỉnh	2.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://canlaw.vn

	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 3	Hết khu dân cư mới phố Phúc Chỉnh	Đường 30/6	3.500	
17	**Đường Thành Công**	Đường Đinh Điền	Đường Xuân Thành		
	Đoạn 1	Đường Đinh Điền	Đường Tràng An	6.000	
	Đoạn 2	Ngõ 95 đường Thành Công (Đường 1 phố Khánh Thành cũ)	Đường Xuân Thành	5.500	
18	**Đường Đông Phương Hồng**	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đinh Điền		
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đào Duy Từ	5.000	
	Đoạn 2	Đường Đào Duy Từ	Đường Đinh Điền	6.000	
19	**Đường Phạm Văn Nghị**	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thăng	9.000	
20	**Đường Chiến Thắng**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	5.000	
21	**Đường Cát Linh**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 28 đường Cát Linh	7.000	
	Đoạn 2	Ngõ 28 đường Cát Linh (Công an phường Tân Thành cũ)	Ngõ 60 đường Cát Linh	5.500	
	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	4.500	
22	**Đường Nguyễn Văn Giản**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	4.000	
23	**Đường Nguyễn Thái Học**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng (đường Thành Công kéo dài)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuy	7.000	
	Đoạn 2	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuy (Nhà văn hoá Nhật Tân cũ)	Đường Nguyễn Lương Bằng	6.000	
24	**Đường Cù Chính Lan**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuy	6.000	
	Đoạn 2	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuy	Đường Nguyễn Lương Bằng	4.000	
25	**Đường Lê Hồng Phong**	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Cầu Vân Giang	19.000	
	Đường Lương Văn Tuy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thánh Tông		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
26	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuỵ	12.000	
	Đoạn 2	Ngõ 70 đường Lương Văn Tuỵ	Đường Nguyễn Lương Bằng	11.000	
	Đoạn 3	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Thái Tổ	8.000	
	Đoạn 4	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông	4.000	
27	**Đường Võ Thị Sáu**	Đường Lê Hồng Phong	Cổng Cty cấp nước Ninh Bình	12.000	
28	**Đường Dương Vân Nga**	Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)	Đường Trần Hưng Đạo		
	Đoạn 1	Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)	Chợ Rồng	12.000	
	Đoạn 2	Chợ Rồng	Đường Trần Phú	11.000	
	Đoạn 3	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	8.000	
29	**Đường Phạm Hồng Thái**	Đường Lê Hồng Phong	Phố 11		
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	12.000	
	Đoạn 2	Đường Vân Giang	Phố 11	8.000	
30	**Đường Phan Đình Phùng**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Vân Giang	7.000	
31	**Đường Nam Thành**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ (KTN tây TP)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tiến Thành	3.500	
	Đoạn 2	Đường Tiến Thành	Đường Long Thành	3.000	
	Đoạn 3	Đường Long Thành	Đường Lê Thái Tổ (KTN tây TP)	2.500	
32	**Đường Phúc Thành**	Trương Hán Siêu	Đường Lê Thái Tổ		
	Đoạn 1	Trương Hán Siêu	Đường Tây Thành	6.000	
	Đoạn 2	Đường Tây Thành	Đường Lê Thái Tổ	3.500	
33	**Trương Hán Siêu**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông	12.000	
34	**Đường Vân Giang**	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Lê Hồng Phong (Hiệu sách)	23.000	
35	**Đường Kim Đồng**	Đường Trương Hán Siêu	Đường Hải Thượng Lãn Ông	7.500	
	Đường Trần Phú	Đường Dương Vân Nga	Đường Phan Chu Chinh		

	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn	Đường Dương Vân Nga	Đường Trần Hưng Đạo	10.000	
36	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông	8.000	
	Đoạn 3	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Tây Thành	5.000	
	Đoạn 4	Đường Tây Thành	Đường Phan Chu Chinh	4.000	
37	**Đường Lý Tự Trọng**	Đường Trần Hưng Đạo (cột bưu điện)	Đường Trương Hán Siêu	8.500	
	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30/6	Đường Nguyễn Minh Không (Đường 477)		
	Đoạn 1	Đường 30/6	Hết bệnh viện Sản nhi Tỉnh	8.500	
	Đoạn 2	Hết bệnh viện Sản nhi Tỉnh	Đường Lê Thái Tổ	7.000	
38	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	6.000	
	Đoạn 4	Lê Thánh Tông (kênh Đô Thiên)	Đường Nguyễn Hữu An (đường vào UB xã Ninh Tiến)	5.000	
	Đoạn 5	Đường Nguyễn Hữu An	Đường Nguyễn Minh Không (Đường 477)	3.000	
	Đường Nguyễn Hữu An (đường vào UB xã Ninh Tiến)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Nhà ông Sâm		
39	Đoạn 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết trạm xá xã Ninh Tiến	3.000	
	Đoạn 2	Hết trạm xá xã Ninh Tiến	Cổng trường cấp 2	2.000	
	Đoạn 3	Cổng trường cấp 2	Nhà ông Sâm	1.000	
	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)	Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)		
40	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)	Cầu Vân Giang	19.000	
	Đoạn 2	Cầu Vân Giang (cầu xi măng cũ)	Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)	12.000	
	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư cầu Lim	Ngã 3 cầu Vũng Trắm		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Rạp chiếu phim	13.000	
41	Đoạn 2	Rạp chiếu phim	Hết đất phường Nam Bình	10.000	
	Đoạn 3	Hết đất phường Nam Bình	Phía Bắc Cầu vượt	9.000	
	Đoạn 4	Phía Nam Cầu vượt	Ngã 3 cầu Vũng Trắm	8.000	
42	**Đường Lê Văn Tám**	Đường Lê Đại Hành	Đường Lý Thái Tổ	8.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
43	**Đường Hoàng Diệu**	Đường Lê Đại Hành	Cổng CTy Xếp dỡ đường thuỷ nội địa		
	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự	7.000	
	Đoạn 2	Đường Ngô Gia Tự	Cổng CTy Xếp dỡ đường thuỷ nội địa	5.000	
44	**Đường Hoàng Hoa Thám**	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự	9.000	
45	**Đường Lý Thái Tổ**	Ngã ba Lê Đại Hành (Đối diện Bảo tàng NB)	Đường Hoàng Hoa Thám	9.000	
46	**Đường Trương Định**	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 306 Ngô Gia Tự (Ngõ 4 Ngô Gia Tự cũ)		
	Đoạn 1	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự	4.000	
	Đoạn 2	Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Công Trứ	7.000	
	Đoạn 3	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 306 Ngô Gia Tự	5.500	
47	**Đường Ngô Gia Tự**	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Huệ		
	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Diệu	7.000	
	Đoạn 2	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	6.000	
	Đoạn 3	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 304 Ngô Gia Tự	9.000	
	Đoạn 4	Ngõ 304 Ngô Gia Tự	Đường Bắc Liêu	9.000	
	Đoạn 5	Đường Bắc Liêu	Đường Nguyễn Trãi	7.000	
	Đoạn 6	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hai Bà Trưng	7.000	
	Đoạn 7	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Huệ	7.000	
48	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	6.000	
49	**Đường Nguyễn Công Trứ**	Ngã tư cầu Lim	Hết địa phận xã Ninh Phúc		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Hết SN 175 đường Nguyễn Công Trứ	12.000	
	Đoạn 2	SN 177 đường Nguyễn Công Trứ	Giao với đường Lý Nhân Tông	13.000	
	Đoạn 3	Đường Lý Nhân Tông	Đường Vũ Duy Thanh	9.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanfelaw.vn

	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 4	Đường Vũ Duy Thanh	Ngõ 969 đường Nguyễn Công Trứ	6.500	
	Đoạn 5	Đường rẽ vào cảng Ninh Phúc	Hết chợ Bợi	5.000	
	Đoạn 6	Hết chợ Bợi	Hết địa phận thành phố	4.000	
50	**Đường Nguyễn Tử Mẫn**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	2.500	
51	**Đường Lý Thường Kiệt**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
52	**Đường Nguyễn Du**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	5.500	
53	**Đường Hùng Vương**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
54	**Đường Bà Triệu**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
55	**Đường Bắc Liêu (cạnh rạp chiếu phim)**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.500	
56	**Đường Bùi Thị Xuân**	Đường Hùng Vương	Rạp chiếu phim	4.500	
57	**Đường Nguyễn Trãi**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
58	**Đường Tuệ Tĩnh**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ	10.000	
59	**Đường Phan Chu Chinh**	Đường 30/6	Đường Lê Thái Tổ	5.000	
60	**Đường Hai Bà Trưng**	Đường Nguyễn Huệ	Nhà ông Thịnh		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
	Đoạn 2	Đường sắt phố Phong Đoài	Cầu anh Trỗi	4.000	
	Đoạn 3	Cầu anh Trỗi	Ngã tư Phúc Lộc	2.500	
61	**Đường Lý Nhân Tông**	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Giáp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	4.000	
	Đoạn 2	Giáp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	Cầu Anh Trỗi	3.000	
	Đoạn 3	Cầu Anh Trỗi	Đường Trần Nhân Tông	2.500	
	Đoạn phía phường Thanh Bình	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	5.000	
	Đoạn phía phường Bích Đào	Đường Lý Nhân Tông	Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	3.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại thuvienphapluat.com

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
62	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	Đường Nguyễn Công Trứ	Đê sông Đáy		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	
	Đoạn 2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	5.000	
	Đoạn 3	Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	Đê sông Đáy	2.000	
63	**Đường Triệu Việt Vương (Tuyến 17)**	Đường Lý Nhân Tông	Đường Trần Nhân Tông	2.500	
64	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai (T19)**	Đường Lý Nhân Tông (Tuyến 16)	Đường Vũ Duy Thanh	2.500	
65	**Đường Trần Nhân Tông**	Đường 30 tháng 6	Cảng Ninh Phúc		
	Đoạn 1	Đường 30 tháng 6	Hết đất Ninh Phong	3.500	
	Đoạn 2	Hết đất Ninh Phong	Cảng Ninh Phúc	3.000	
66	**Đường Du lịch tam cốc bích động**	Cầu Vòm	Hết đất Thành phố	3.500	
67	**Đường Lê Thánh Tông (kênh Đô Thiên)**	Đường Xuân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	5.000	
68	**Đường Phạm Thận Duật**	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Nhân Tông		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	UBND phường cũ	3.000	
	Đoạn 2	UBND phường cũ	Đường Trần Nhân Tông	2.500	
69	**Đường Trần Quang Khải**	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Trường MN Ninh Sơn	3.000	
	Đoạn 2	Trường MN Ninh Sơn	Đường Trần Nhân Tông	2.500	

Tài liệu bản quyền được lưu trữ tại https://cafeland.vn

II. GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC PHƯỜNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Phường Vân Giang				
1	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	4.500	
2	Ngõ 12 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	ĐườngVân Giang	4.500	
3	Ngõ 1 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	4.000	
4	Ngõ 2 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.000	
5	Ngõ 8 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.500	
6	Ngõ 9 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	4.000	
7	Ngõ 15 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18, LHP	4.000	
8	Ngõ 22 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.500	
9	Ngõ 23 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18, LHP	3.000	
10	Ngõ 28 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.000	
11	Ngõ 37 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Vân Giang	4.000	
12	Ngõ 38 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.000	
13	Ngõ 83, Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Phan Đình Phùng	3.000	
14	Ngõ 74, Vân Giang	Đường Vân Giang	Hết ngõ	3.000	
15	Ngõ 52 Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Trần Phú	3.500	
16	Ngõ 41,47 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Dương Vân Nga	3.500	
17	Ngõ 42 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3.500	
18	Ngõ 10 Trần Phú	Trần Phú	Đường 7, Phan Đình Phùng	3.500	
19	Ngõ 50 Trần Phú	Trần Phú	Hết ngõ	3.500	
20	Ngõ 01, Trần Phú	Trần Phú	Hết ngõ	3.500	
21	Ngõ 923 Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	2.500	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
22	Ngõ 947 Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	3.000	
23	Ngõ 1015,1047,1089,1109 Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	3.000	
24	Ngõ 21, đường Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Phan Đình Phùng	3.000	
25	Đất dân cư còn lại			2.000	
	Phường Đông Thành				
1	Ngõ 169 Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trung Đông	4.000	
2	Ngõ 105,89,83,67 đường Trần Hưng Đạo phố 10	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	4.000	
3	Ngõ 185; 225; 265 đường Trần Hưng Đạo phố 1, 5, 7	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	3.000	
4	Ngõ 69 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Đường Chiến Thắng	3.000	
5	Ngõ 70 Lương Văn Thăng phố 7	Đường Chiến Thắng (Đường Đông Nhất cũ)	Lương Văn Thăng	3.500	
6	Ngõ 77 Lương Văn Thăng phố 10	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đào Duy Từ	3.500	
7	Ngõ 89,125,155,25 đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết ngõ	3.000	
8	Các ngõ đường Lương Văn Thăng	Đường Lương Văn Thăng	Hết ngõ	3.000	
9	Ngõ 5, 21,27 đường Đinh Tiên Hoàng phố 2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết phố	3.500	
10	Ngõ 62;50;38; 24;12 đường Đinh Tiên Hoàng, ngõ 71 đường Phạm Văn Nghị phố 3 (đường 1,2,3,4,5,6 phố 3 cũ)	Đường Phạm Văn Nghị	Đường Đinh Tiên Hoàng	6.000	
11	Ngõ 2; 8 ;10; 22; 36; 52; 70; 90 đường Phạm Văn Nghị, phố 4 (đoạn trong khu phố cũ)	Đường Phạm Văn Nghị	Hết phố	6.000	
12	Ngõ 22,36,52,70,90 đường Phạm Văn Nghị phố 4 (Quy hoạch mới Cánh Võ)	Đường Phạm Văn Nghị	Hết phố	7.000	
13	Khu đô thị mới Hồ Cánh Võ			9.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caselaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
14	Ngõ 85 đường Đinh Tiên Hoàng, phố 6	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngõ	3.000	
15	Ngõ 99,125,143,161 đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết phố	3.500	
16	Ngõ 124 đường Lương Văn Thăng phố 8	Đường Lương Văn Thăng	Đường Chiến Thắng	3.000	
17	Ngõ 100 đường Chiến Thắng, phố 6			2.500	
18	Ngõ 181,197 đường Đinh Tiên Hoàng (Các đường khu vườn Táo phố 9 cũ)			6.000	
19	Ngõ 42,43 đường Đào Duy Từ phố 11 (Khu Chùa trẻ cũ)			8.000	
20	Ngõ 1,2,3,4 đường Tôn Đức Thắng phố 11 (Khu Chùa trẻ cũ)			8.000	
21	Ngõ 181,185 đường Đông Phương Hồng phố 12 (khu Vườn Am)			6.000	
22	Ngõ 44, 48, đường Đinh Tất Miễn (Đường phố phía trong phố 12)			6.000	
23	Đất khu dân cư còn lại			2.000	
	Phường Tân Thành				
1	Ngõ 6 đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 740 đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tất Miễn	2.500	
2	Ngõ 18 đường Đinh Tất Miễn	Đường Đinh Điền	Đường Đinh Tất Miễn	3.500	
3	Ngõ 32 đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 740 đường Trần Hưng Đạo (đường 4 Khánh Trung)	Đường Đinh Tất Miễn	3.500	
4	Ngõ 740 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	3.500	
5	Ngõ 95 đường Thành Công	Đường Thành Công	Ngõ 30 đường Xuân Thành	4.000	
6	Ngõ 97; 8; 6;101 đường Thành Công	Đường Thành Công	Ngõ 30 đường Xuân Thành	3.500	
7	Ngõ 2 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 30 đường Xuân Thành	3.500	
8	Ngõ 810 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 137 đường Xuân Thành		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 63 đường Xuân Thành	5.000	
	Đoạn 2	Ngõ 63 đường Xuân Thành	Ngõ 137 đường Xuân Thành	4.000	
9	Ngõ 862 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường phía đông Sân vận động	4.500	

Tải bản gốc tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
10	Ngõ 850 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường phía đông Sân vận động	3.500	
11	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng	4.500	
12	Ngõ 38 đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tuy	Đường Tô Vĩnh Diện	6.000	
13	Ngõ 70 đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tuy	Đường Tô Vĩnh Diện	6.000	
14	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Cát Linh	Đường Lương Văn Tuy	6.500	
15	Ngõ 46; 50 đường Tô Vĩnh Diện	Đường Tô Vĩnh Diện	Hết	2.500	
16	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Tây Thành	3.500	
17	Ngõ 167; 177; 189; 193 đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết	2.500	
18	Ngõ 63 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 810 đường Trần Hưng Đạo	3.500	
19	Ngõ 195 đường Lê Thái Tổ	Ngõ 137 đường Xuân Thành	Đường Lê Thái Tổ (Kênh TN chính)	2.500	
20	Ngõ 202 đường Tây Thành	Ngõ 137 đường Xuân Thành	Đường Lê Thái Tổ (Kênh TN chính)	2.500	
21	Ngõ 137 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 195 đường Lê Thái Tổ	2.500	
22	Ngõ 151; 147; 145; 141 đường Thành công	Đường Thành Công	Ngõ 99 đường Đinh Điền	2.500	
23	Ngõ 4 đường Đinh Tất Miễn	Đường Tràng An	Đường Đinh Tất Miễn	4.500	
24	Đường phố trong khu tây nam đường Xuân Thành			3.500	
25	Ngõ 195; 207 đường Lê Thái Tổ	Đường Lê TháI Tổ	Hết	2.500	
26	Ngõ 251; 235; 219 đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thái Tổ	Hết	3.500	
27	Ngách 251; 235 ngõ 55 đường Thành Công	Ngõ 55 đường Thành Công	Hết	3.000	
28	Đường phố trong khu đô thị Tân An			5.500	
29	Đường phố trong khu phía Nam Cát Linh			3.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
30	Ngõ 56 đường Thành Công (Đường trước cổng UBND phường cũ)	Đường Lê Thái Tổ	Đường Thành Công	5.000	
31	Khu Đồng Son			3.000	
32	Đất khu dân cư còn lại			2.000	
	Phường Phúc Thành				
1	Ngõ 928,952,976 Trần Hưng Đạo (3 ngõ Phố Phúc Trung cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết	3.000	
2	Ngõ 53 đường Lương Văn Tuy	Đường Lương Văn Tuy	Đường Nam Thành	4.000	
3	Ngõ 1028 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	3.500	
4	Ngõ 1064,1084 Trần Hưng Đạo (Các ngõ phố Phúc Trực cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đền Trực Độ	3.000	
5	Ngõ 50 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Đường Nam Thành	4.000	
6	Ngõ 4, 10, 14 đường Kim Đồng (Đường 1,2,3 phố Phúc Lộc cũ)	Đường Trần Quốc Toản	Đường Kim Đồng	4.500	
7	Ngõ 65 đường Trần Phú (Ngõ 1 Trần Phú-phố Phúc Lộc cũ)	Đường Trần Phú	Hết ngõ	3.000	
8	Ngõ 37 đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết	3.000	
9	Ngõ 1108 đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Hết	4.000	
10	Ngõ 43, 47, 51 đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết	3.000	
11	Ngõ 55 đường Kim Đồng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	3.500	
12	Ngõ 38 đường 30/6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	4.500	
13	Ngõ 36, đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	3.500	
14	Ngõ 44, đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết	3.000	
15	Ngõ 30, đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	3.500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
16	Ngõ 96, Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	4.000	
17	Ngõ 158,136 Trần Phú, Nghách 17/96 Hải Thượng Lãn Ông (Các đường ngõ phố Phúc Thiện cũ)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Hết ngõ	2.500	
18	Ngõ 136, Đường Trần Phú	Đường Trần phú	Đường Nguyễn Văn Trỗi	3.000	
19	Ngõ 191, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Hết ngõ	3.500	
20	Ngõ 145, ngõ 161 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Đường Trần phú	3.500	
21	Ngách 2/77, ngách 8/77 đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Quốc Toản	Hết ngõ	3.000	
22	Ngõ 77, Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Đường Trần Phú	4.500	
23	Ngõ 123, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Đường Trần phú	4.500	
24	Ngõ 102, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Hết đường	3.500	
25	Ngõ 118, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán siêu	Hết đường	3.000	
26	Ngõ 31 đường Phúc Thành (Ngõ vào khu công an phố Phúc Hưng)	Đường Trương Hán siêu	Hết đường	3.000	
27	Ngõ 91, Đường Lương Văn Tuy	Đường Lương Văn Tuy	Đường Nam Thành	3.000	
28	Ngõ 43,55 đường Phúc Thành (Các ngõ khu gia đình công an phố Phúc Nam)	Đường Phúc Thành	Hết ngõ	3.000	
29	Ngõ 139, đường Lương Văn Tuy	Trường Lương Văn Tuy	Đường nam Thành	2.000	
30	Ngõ 212, đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phúc Thành	3.500	
31	Ngõ 135, ngõ 145 đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết	3.000	
32	Ngõ 119, ngõ 101 đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết	3.500	
33	Khu dân cư phía đông chùa Nội			3.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
34	Khu dân cư nam đường Lương Văn Tuỵ	Đường Lê Lợi	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	3.500	
35	Ngõ 179 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Ngõ 96 đường Hải Thượng Lãn Ông	4.500	
36	Ngõ 135 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Hết ngõ	4.500	
37	Đất khu dân cư còn lại			2.000	
	Phường Nam Thành				
1	Đường vào hồ Lâm sản				
	Đoạn 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30 tháng 6	3.000	
	Đoạn 2	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã tư hồ Lâm sản	3.000	
2	2 ngõ đội Xây dựng -phố Võ Thị Sáu	Ngã tư hồ Lâm sản	Đường 30 tháng 6	2.000	
3	Ngõ 62 đường 30/6	Đường 30/6	Hết ngõ	3.000	
4	Các ngõ khu dân cư bánh kẹo	Đường Tây chùa Phúc Chỉnh	Hết ngõ	1.800	
5	Ngõ vào khu vật liệu chất đốt-phố Minh Khai	Đương Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	2.000	
6	Đường Tây chùa Phúc Chỉnh	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã 3 sân kho HTX Phúc Chỉnh	2.500	
7	Các ngõ của phố Phúc chỉnh			1.800	
8	5 đường phố Trung Thành			1.800	
9	Đường 1,2 giao 5 đường phố Trung Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết phố	1.800	
10	Các ngõ phố Văn Miếu	Đường 1 Phúc Chỉnh	Hết phố	1.800	
11	Các đường khu tái định cư phố Yết Kiêu	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết ngõ	2.500	
12	Các đường khu tái định cư phố Bạch Đằng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư	2.500	
13	Đường cửa làng, phố Phúc Trì			1.800	
14	Khu dân cư cũ còn lại của phố Phúc Trì	Đường Trần Hưng Đạo	Chùa Phúc trì	1.500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luatvietnam.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
15	Các đường khu tái định cư I phố Hoà Bình			1.800	
16	Đường phố Hoà Bình			2.000	
17	Các ngõ còn lại của phố Hoà Bình	Đường Trần Hưng Đạo	Đến hết phố (nhà ông vạn)	1.500	
18	Đường vào Cty xây dựng số 9-đê sông Chanh			2.000	
19	Khu dân cư Cánh Ngàn 1+2 Phố Phúc Trì	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất Nam Thành	2.000	
20	Khu dân cư Cửa Đình			2.300	
21	Khu dân cư mới phố Phúc Trì				
	Các lô bám mặt đường kênh Đô Thiên			5.000	
	Các lô bên trong			3.000	
22	Khu dân cư đối diện Bệnh viện 700 giường			4.500	
23	Các lô đất của khu Cống Đá			3.500	
24	Khu 83 lô phía Tây đường Trương Hán Siêu				
	Các lô đất bám mặt kênh đô thiên			7.000	
	Các lô đất bám mặt đường Trương Hán Siêu			5.000	
	Các lô đất bên trong			4.000	
25	Các lô phía trong khu dân cư phía Tây Bệnh Viện Sản Nhi mới (phố Yết Kiêu- khu đấu giá năm 2012)			4.000	
26	Đất khu dân cư còn lại			1.500	
	Phường Nam Bình				
1	Ngõ 304 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Huệ	4.500	
2	Ngõ 306 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 299 Nguyễn Du	4.500	
3	Đường Hùng Vương II	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 3 Hùng Vương	4.500	
4	Ngõ 3 - Hùng Vương - phố Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Nguyễn Du	4.500	
5	Ngõ 312 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Ngô Gia Tự	Nhà văn hoá Ngô Quyền	4.000	
6	Ngõ 105 Nguyễn Huệ - Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	5.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
7	Ngõ 2 Bùi Thị Xuân - Phố Ngô Quyền	Cửa nhà ông Vân	Hết dân cư	3.500	
8	Ngõ 4 Bùi Thị Xuân - Phố Ngô Quyền	Số nhà 04 (Giáp nhà bà Tuyến)	Sau cây xăng	3.500	
9	Các ngõ đường Bùi Thị Xuân - phố Ngô Quyền	Đường Bùi Thị Xuân	Hết ngõ	3.500	
10	Ngõ 5 Bà Triệu - Ngô Quyền	Đường Bà Triệu	Nhà văn hoá phố Ngô Quyền	4.000	
11	Ngõ 348 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	Hết ngõ	3.500	
12	Ngõ 360 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	Đường Bùi Thị Xuân	3.500	
13	Ngõ 376 Ngô Gia Tự - Phong Quang	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 17 Bắc Liêu	3.000	
14	Ngõ 17, Ngõ 23 Bắc Liêu - phố Phong Quang	Đường Bắc Liêu	Ngõ 360 Ngô Gia Tự	2.500	
15	Ngõ 10 Bắc Liêu - phố Phong Quang	Đường Bắc Liêu	Hết ngõ	3.000	
16	Ngõ 161 Nguyễn Huệ - phố Phong Quang	Đường Nguyễn Huệ	Ngõ 3 Bắc Liêu	3.500	
17	Đường Phùng Hưng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.000	
18	Ngõ 28 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang	Đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Phùng Hưng	1.500	
19	Ngõ 36 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang	Đường Nguyễn Trãi	Hết nhà ông ập	1.500	
20	Ngõ 16 Ngô Gia Tự - phố Ngọc Hà	Ngõ 207 Nguyễn Huệ, Ngọc Hà	Hết đường	4.000	
21	Đường 27/7	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	5.000	
22	Ngõ 271 Nguyễn Huệ - Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Hết ngõ	1.500	
23	Đường Cống Lọng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	7.000	
24	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	5.500	
25	Ngõ 474, 482, 494, 526, 548, 558 Ngô Gia Tự; Ngõ 9, 38 đường Cống Lọng - Ngọc Hà, Chu Văn An (khu tái định cư Đông Sông Vân)			4.000	
26	Ngõ 15 Hai Bà Trưng - Chu Văn An	Đường Hai Bà Trưng	Hết đường	1.500	
27	Ngõ 19, ngách 2/19 Hai Bà Trưng - Chu Văn An	Đường Hai Bà Trưng	Đến nhà ông Nho	2.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
28	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 265 Nguyễn Văn Cừ		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 203 Nguyễn Văn Cừ	3.000	
	Đoạn 2	Ngõ 203 Nguyễn Văn Cừ	Ngõ 57 Nguyễn Văn Cừ	1.500	
	Đoạn 3	Đường 40m (TĐC đường sắt 2)	Ngõ 265 Nguyễn Văn Cừ	2.500	
29	Đường 2 - Phú Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Hai Bà Trưng		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 7	3.500	
	Đoạn 2	Ngõ 7	Đường Hai Bà Trưng	2.500	
30	Ngõ 1,2 đường 2 - Phú Xuân, Đại Phong	Đường 2	Hết đường	2.500	
31	Ngõ 3,4,5,6,7 đường 2, phố Phú Xuân, phố Đại Phong	Đường 2 - Phú Xuân	Ngõ 384 Nguyễn Công Trứ	2.500	
32	Ngõ 203,18,54,56 Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 2 - Phú Xuân	2.500	
33	Ngõ 338, 326, phố Phong Sơn (Đường 1,2)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	3.000	
34	Ngõ 314 (Đường 3 - Phong Sơn)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	3.000	
35	Ngõ 354 Nguyễn Công Trứ - Phú Sơn	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà văn hoá Phú Sơn	1.500	
36	Ngõ 1,11,25,39 Lý Nhân Tông-Bắc Phong	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	3.000	
37	Ngõ 57,251 Nguyễn Văn Cừ-Chu Văn An (khu TĐC đường Sắt)	Đươờng Nguyễn Văn Cừ	Đường 2	2.500	
38	Ngõ 205, 265 Nguyễn Văn Cừ, Ngõ 88 đường 2, ngõ 95 đường Hai Bà Trưng, ngách 1,2 ngõ 225 - Chu Văn An (khu TĐC đường Sắt)			2.000	
39	Ngõ 288, 300, ngách 2/300 Lý Nhân Tông, ngõ 139 Hai Bà Trưng	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	2.000	
40	Đường Vũ Duy Thanh	Đường Hai Bà Trưng	Hết đường	2.000	
41	Ngõ 384 Nguyễn Công Trứ (đường điện 35 KW)	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 7, đường 2	2.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
42	Ngách 43 ngõ 314 Nguyễn Công Trứ	Đường 3 Phong Sơn (ngõ 314)	Ngõ 354	2.500	
43	Các đường ngõ trong khu Tái định cư đường sắt II	Đường 2 Phú Xuân	Đường Nguyễn Văn Cừ	2.500	
44	Đất khu dân cư còn lại của phường			1.000	
	Phường Thanh Bình				
1	Ngõ 118 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Tiểu học Thanh Bình	3.500	
2	Ngõ 29 Lê Đại Hành	Đường Lê Văn Tám	Đường Lê Đại Hành	5.000	
3	Ngõ 131, 119, 111, 97, 81, 69 Lê Đại Hành	Đường Lê Đại Hành	Đường Lý Thái Tổ	6.500	
4	Ngõ 41 đường Hoàng Hoa Thám				
	Đoạn 1	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	4.000	
	Đoạn 2	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	Hết ngõ	4.000	
5	Ngách 2/41 đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 41 Đường Hoàng Hoa Thám	Hết đường	4.000	
6	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 262 Ngô Gia Tự	4.000	
7	Ngõ 266, 262, 256, 252, 248, đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám (Đường ngõ nhà thờ cũ)	4.500	
8	Ngõ 176, 186 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	4.500	
9	Ngõ 198, 232, 244 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	4.500	
10	Ngõ 212 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	4.500	
11	Ngõ 136, 150, 162 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	4.500	
12	Đường Hoàng Diệu B	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cổng chính nhà máy điện NB	4.500	
13	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu B	Hoàng Diệu	Lâm viên núi Cánh Diều	3.000	
14	Ngõ 1, 13, 27 đường Hoàng Diệu	Hoàng Diệu	Tường NM Điện	3.500	

Tài liệu này được chia sẻ tại http://caflan.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
15	Ngõ 29, 45 đường Hoàng Diệu	Hoàng Diệu	Tường phía cổng NM Điện	3.500	
16	Ngõ 17 đường Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lâm viên núi Cánh Diều	4.500	
17	Ngõ 47, 57, 67, 77, 87, 101, 113, 125, 137, 149, 161 đường Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lâm viên núi Cánh Diều	4.500	
18	Ngõ 173 đường Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	4.500	
19	Ngách 1/127 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	Hết đường	4.500	
20	Ngõ 245 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Lâm viên núi Cánh Diều	6.000	
21	Ngõ 255 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (đường Đông Hồ cũ)	4.500	
22	Ngách 1/255 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 255 Nguyễn Công Trứ	phía Bắc khu nhà 5 tầng của nhà máy điện NB	4.500	
23	Ngách 2/255 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 255 Nguyễn Công Trứ	phía Bắc khu nhà 5 tầng của nhà máy điện NB	4.500	
24	Ngách 1/245 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (Đường đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	4.500	
25	Ngách 9/245 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (Đường đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	4.500	
26	Ngách 17/245 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (Đường đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	4.500	
27	Ngách 25/245 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (Đường đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	4.500	
28	Ngõ 203 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết Đường	5.000	
29	Ngách 1/1, ngách 2/1 đường Hoàng Diệu			3.000	
30	Ngõ 259 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Lâm viên núi Cánh Diều	4.500	
31	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 47 đường Nguyễn Văn Cừ	3.500	
32	Ngách 6/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu	3.000	

Tài liệu được số hóa lưu trữ tại http://caselaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
33	Ngõ 30/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu	3.000	
34	Ngõ 63 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Hết đường	3.500	
35	Khu dân cư còn lại			2.000	
	Phường Bích Đào				
1	Đường Trần Quang Khải	Đầu đường	Đường Nguyễn Công Trứ	1.500	
2	Đường Vũ Duy Thanh	Đường Triệu Việt Vương	Đường Nguyễn Công Trứ	2.500	
3	Đường Phạm Thận Duật			3.000	
4	Ngõ 5 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cống chân chim cũ)	2.000	
5	Ngõ 15 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông	1.500	
6	Ngõ 36 Nguyễn Thị Minh Khai và ngõ 29 Lý Nhân Tông	Đầu ngõ các đường Nguyễn Thị Minh Khai và đường Lý Nhân Tông	Cuối ngõ	1.500	
7	Ngõ 65, 77, 89, 105, 107 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cống chân chim cũ)	1.500	
8	Các ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối ngõ	1.500	
9	Các ngách của ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân	Đầu ngách	Cuối ngách	1.500	
10	Ngõ 122 đường Nguyễn Viết Xuân kéo dài đến đường Phạm Thận Duật				
	Đoạn 1	Ngõ 122	đường Vũ Duy Thanh	2.000	
	Đoạn 2	Đường Vũ Duy Thanh	đường Phạm Thận Duật	2.500	
11	Ngõ 96 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Hết ngõ	1.500	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
12	Khu tập thể cảng và phía Tây đài tưởng niệm phường	Đầu ngõ, ngách thuộc các đường Nguyễn Viết Xuân, đường Triệu Việt Vương	Hết ngõ, ngách	1.500	
13	Ngõ 385 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Thị Minh Khai	2.500	
14	Ngõ 361 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	2.000	
15	Ngõ 377 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	1.500	
16	Ngõ 373 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	2.000	
17	Ngõ 395 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	2.000	
18	Ngõ 447, 461, 487 đường Nguyễn Công Trứ	Đầu ngõ	Hết ngõ	1.500	
19	Ngõ 497 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Sát Trường Quân Sự	2.000	
20	Ngõ 543 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.500	
21	Ngõ 515,517 đường Nguyễn Công Trứ	đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1.500	
22	Ngách 31, 41 ngõ 543 đường Nguyễn Công Trứ	Đầu ngõ 543	Hết ngõ	1.500	
23	Các ngõ hẻm còn lại phố Bích Sơn	Đầu ngõ	Hết ngõ	1.500	
24	Ngõ 631, 641, 675 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1.500	
25	Ngõ 795 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.500	
26	Ngõ 825 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.500	
27	Các ngõ 943, 919 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.500	
28	Đường vào cảng Ninh Phúc				
	Ngõ 969 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường vào Cảng khô ICD	1.800	
	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông	Cảng khô ICD	2.500	
29	Các ngõ 2, 14, 28, 38, 62 đường Triệu Việt Vương	Đường Triệu Việt Vương	Cuối ngõ	1.500	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
30	Các ngõ hẻm còn lại của phố Phúc Thịnh	Đầu ngõ	Cuối ngõ	1.500	
31	Các lô đất cạnh nhà văn hoá phố Hưng Thịnh			1.500	
32	Ngõ 154, 172,184, 194, 196,200 đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Hết ngõ	1.500	
33	Ngõ 61, 62, 80, 82 đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết ngõ	1.500	
34	Khu dân cư phía Đông UBND phường (phố Bắc Sơn)			1.500	
35	Ngõ 4, 6 đường Vũ Duy Thanh	Đường Vũ Duy Thanh	Hết ngõ	1.500	
36	Khu dân cư phố Bích Sơn (đấu giá năm 2010)			2.000	
37	Khu TĐC nhà máy điện (đấu giá năm 2012)				
	Các lô đất bám mặt đường Phạm Thật Duật và Triệu Việt Vương			4.000	
	Các lô đất còn lại			3.000	
38	Khu dân cư còn lại			1.500	
	Phường Ninh Phong				
1	Khu dân cư dãy trong đường Nguyễn Huệ (phía Tây đường Nguyễn Huệ)	Phố Tương Lai	Phố Đoàn Kết	2.500	
2	Ngõ 702 đường 30/6 (Đường trục phố Vân Giang)			2.000	
3	Các ngõ phố Vân giang			1.500	
4	Ngõ 178 đường Hai Bà Trưng	Ngã tư Phúc Lộc	SN 63 Phố Đa Lộc (nhà ông Tuyên)	2.500	
		SN 63 Phố Đa Lộc (nhà ông Tuyên)	SN 125 Phố Phúc Lâm (chùa Phúc Lộc)	2.000	
		Ngã tư Phúc Lộc	SN 30 phố Phúc Lộc (nhà ông Thịnh)	2.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
5	Ngõ 104 đường Hai Bà Trưng	SN 104 Đường Hai Bà Trưng	Hết SN 64 ngõ 104 (Cửa chùa An Lạc)	1.800	
6	Ngõ 1 đường 30/6	Đường 30/6	Cửa chùa An lạc	1.800	
		Cửa chùa An lạc	Cầu Đức thế	1.800	
7	Ngõ 85 đường Trần Nhân Tông	SN 85 (Đường An Hoà)	SN 03 (Phố Phúc Lai)	1.500	
8	Ngõ 3 đường Lý Nhân Tông	Cầu Đức Thế	SN 04 phố Đức Thế (Nhà ông Luân)	1.200	
9	Khu dân cư 65 lô An Hòa	Trạm biến thế An hoà	Đường Bê tông	2.000	
10	Khu dân cư Triều Cả				
	Ngõ 11 đường Nguyễn Huệ (Đường cạnh Công ty Vật tư Nông nghiệp cũ)	Công ty Vật tư Nông nghiệp	Đường Ngô Gia Tự	5.500	
	Dãy 2 đường Nguyễn Huệ			3.500	
	Các lô đất còn lại			3.000	
11	Các lô dãy trong của khu Tái định cư đường Trần Nhân Tông			2.000	
12	Khu dân cư Phong Đoài (các lô đất bám đường gom)	Đường Hai Bà Trưng	Cầu vượt	2.000	
13	Tuyến T21 qua phố Nam Phong và Phong Đoài			2.000	
14	Đất khu dân cư còn lại			1.000	
	Phường Ninh Khánh				
1	Đường vào thảm len	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	3.000	
2	Đường giáp UBND phường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xa Liên Hậu	3.000	
3	Đất khu dân cư sau đình Voi Đá			3.000	
4	Khu dân cư Xa Liên				
	Các lô bám mặt đường sau đường Trần Hưng Đạo			3.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://dcvdanang.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Các lô quy hoạch nhà vườn và các lô đất còn lại phía trong			2.500	
5	Khu dân cư Xa Liên Hậu			2.500	
6	Khu dân cư phía Tây Khánh Tân				
	Các lô bám mặt đường sau đường Trần Hưng Đạo			3.000	
	Các lô đất còn lại phía trong			2.500	
7	Khu dân cư Tiền Đồng				
	Các lô bám mặt đường sau đường Trần Hưng Đạo			3.000	
	Các lô quy hoạch nhà vườn và các lô đất còn lại phía trong			2.500	
8	Đất khu Quảng trường trung tâm				
	Khu dân cư QTTT 1	Các lô đất còn lại phía trong		6.000	
	Đất khu QTTT 2	Các lô đất còn lại phía trong		5.500	
9	Khu trung tâm dịch vụ khách sạn			4.500	
10	Khu dân cư phía Đông phố Mía			3.500	
11	Khu dân cư Bắc quảng trường	Các lô đất còn lại		2.500	
12	Khu TĐC trạm điện 220KV	Các lô đất còn lại (phía trong)		2.000	
13	Khu dân cư Vườn Sau (phố Trung Thành)			3.000	
14	Khu DC mới Tây Xa Liên Hậu			1.200	
15	Khu TĐC Thảm len				
	Các lô đất bám mặt đường 20,5m			2.500	
	Các lô đất phía trong			2.000	
16	Đất dân cư còn lại			1.200	
	Phường Ninh Sơn				
1	Ngõ 466,488 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 1,2 phố Thanh Bình)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết Ngõ	2.000	

Tài liệu được lưu trữ tại https://bafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
2	Ngách 2,4,8 thuộc ngõ 466 đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 1 phố Thanh Bình cũ)			1.800	
3	Ngách 2,,3,6,10,13 thuộc ngõ 488 đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 2 phố Thanh Bình cũ)			1.800	
4	Ngõ 914 đường Nguyễn Công Trứ (Đường Đông Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	2.000	
5	Khu dân cư Chùa Chấm, Tây đường vành đai			2.000	
6	Khu dân cư Giếng Mỹ, Vườn Am			2.000	
7	Ngõ 522 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà ông Thịnh	1.500	
8	Ngõ548;594;632;656;688;704;754;822;860 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1.500	
9	Ngõ57,83,141,171,189,217,249,287,319,367,381,391,399,425,465,483,503,539,565,585 (Các ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Đường Nguyễn Quang Khải	1.200	
10	Ngõ 47,;333;345;361 đường Phạm Thận Duật (ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Hết ngõ	1.200	
11	Ngõ 51 đường Trần Quang Khải (khu DC Bắc Thịnh cũ)			1.200	
12	Đất khu dân cư các phố Thượng Lân, Bích Đào, Phong Đào, Bắc Thịnh			1.200	
13	Khu DC Dọc Bồng, Miếu Cậy			1.500	
14	Khu dân cư còn lại			700	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanfeland.vn

B. GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

1. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Ninh Nhất				
1	Đường trục	Bưu điện Kỳ vỹ	Trường Mầm non Kỳ Vỹ	3.000	
		Trường Mầm non Kỳ Vỹ	Cống Phúc sơn	2.000	
		Trạm biến thế kỳ vỹ	Cống đầm Ninh Nhất	2.500	
		Cống đầm Ninh Nhất	Chợ Ninh Nhất	1.500	
2	Đường liên thôn khu vực HTX Ninh Nhất	Chợ Ninh Nhất	Đường Vạn Hạnh	1.500	
		Chợ Ninh Nhất	Đường Nguyễn Minh Không (Đường 477)	1.500	
3	Khu dân cư Kỳ Vỹ			900	
4	Khu dân cư Ích Duệ			1.500	
5	Khu dân cư Đồng Cửa			3.000	
6	Khu dân cư Đông Hậu			2.000	
7	Khu dân cư mới phía Nam đại học Hoa Lư			2.500	
8	Khu tái định cư Cửa Bạc	Đường Lê Thánh Tông (kênh Độ Thiên)	Đường trục xã	1.200	
		Các lô đất còn lại phía trong		600	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caferland.vn

	Xã Ninh Tiến				
1	Đường trục chính xã	Hết trạm xá xã	Cầu Hoàng Sơn	2.500	
		Cầu Hoàng Sơn	Đầu làng hết khu dân cư mới	800	
		Đầu làng hết khu dân cư mới	Cầu Khê Hạ	600	
2	Khu dân cư (mới) Đồng sau thôn Phúc Sơn			2.500	
	Xã Ninh Phúc				
1	Đường Đinh Tốn (đường trục xã)	Chợ Bợi	UBND xã	1.800	
		UBND xã	Hết Trạm xá xã Ninh Phúc	1.000	
		Hết Trạm xá xã Ninh Phúc	Phúc Trung	800	
		Phúc Trung	Sông Vạc	600	
		Đường Nguyễn Công Trứ	Chùa Gạo	800	
		Đường Nguyễn Công Trứ	Thôn Vĩnh Tiến	800	
2	Đường vào cảng Ninh Phúc				
	Đường vào Cảng cũ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường vào Cảng khô ICD	1.500	
	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông	Cảng khô ICD	1.200	

Tài liệu này được lưu trữ tại thuvienphapluat.vn

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Khu vực đồng bằng	Khu vực miền núi	
	Xã Ninh Nhất					
1	Khu TĐC Ninh Nhất				250	
2	Khu TĐC Nguyên Ngoại					
	Các lô đất giáp đường Vạn Hạnh				500	
	Các lô đất phía trong				400	
3	Khu dân cư còn lại xã Ninh Nhất				700	
	Xã Ninh Tiến					
1	Khu dân cư Hoàng Sơn Đông, Hoàng Sơn Tây (Khu dân cư Hoàng Sơn cũ)			500		
2	Khu dân cư Phúc Sơn 1, Phúc Sơn 2,, Cổ Loan Hạ 1, Cổ Loan Hạ 2			500		
3	Khu dân cư Cổ Loan Trung 1, Cổ Loan Trung 2	Đường trục xã	Khu đô thị mới Phúc Trì	500		
4	Đường 1 Cổ Loan Trung			800		
5	Khu dân cư Cổ Loan Thượng			500		
6	Khu dân cư mới phía Đông đường trục xã			2.000		
7	Khu dân cư mới phía Tây đường trục xã			2.000		
8	Khu dân cư mới phía Nam đường Hải Thượng Lãn ông kéo dài			2.000		
	Xã Ninh Phúc					
1	Khu dân cư HTX Yên Phúc, khu dân cư Mả Lẻ, Nghĩa Trang			500		
2	Khu dân cư Đào Công, Phúc Trung			400		
3	Khu dân cư Phúc Hạ- Yên Khoái			400		
4	Khu dân cư phía Tây đường vành đai (các lô giao đất phía trong)			1.000		

Tài liệu này được tải tại http://cafeland.vn

BẢNG SỐ 2: GIÁ ĐẤT Ở THỊ XÃ TAM ĐIỆP

A - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ XÃ TAM ĐIỆP (ĐÔ THỊ LOẠI III)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Phường Bắc Sơn				
1	Đường Quang Trung	Đường Thiên Quan	Cổng Chi cục Thuế Tam Điệp	8.000	
		Cổng Chi cục Thuế Tam Điệp	Cầu Lạnh Đông	10.000	
2	Đường Ngô Văn Sở	Đường Thiên Quan	Gặp Đường Phan Huy Ích		
		Phía đồi		1.200	
		Phía Suối		500	
		Đường Phan Huy Ích	Ngã 3 cổng trường dạy nghề gặp Đường Trần Phú và Đường Huỳnh Thúc Kháng	1.200	
3	Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Trung	Ngã tư gặp Đường Trần Phú và Đường Vạn Xuân	4.500	
4	Đường Suối Ngầm	Đường Quang Trung	Gặp Đường Trần Phú	2.500	
5	Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	Gặp cổng Trung tâm y tế Tam Điệp	3.500	
		Cổng Trung tâm y tế Tam Điệp	Gặp Đường Vũ Duy Thanh	1.000	
		Đường Vũ Duy Thanh	Gặp Đường Trần Phú	1.000	
6	Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	Nhà văn hóa Tổ 10B	2.500	
		Nhà văn hóa Tổ 10B	Hết cổng trường PTCS Đồng Giao	5.000	
		Hết cổng trường PTCS Đồng Giao	Hết địa phận P. Bắc Sơn	3.000	
7	Đường Trần Phú	Ngã 3 cổng trường CĐDNCĐXD	Gặp Đường Tạ Uyên	3.000	
		Đường Tạ Uyên	Ngã tư Đường Đồng Giao, Trần phú	4.000	
		Ngã tư Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	4.000	

Tài liệu lưu trữ http://luatvietnam.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
8	Đường Thanh Niên	Đường Quang Trung	Ngã tư Gặp Đường Đồng Giao	4.500	
		Ngã tư Gặp Đường Đồng Giao	Gặp Đường Trần Hưng Đạo	2.500	
		Đường Trần Hưng Đạo	Gặp Đường Xuân Thủy	800	
		Đường Xuân Thủy	Gặp Đường Trần Phú	1.500	
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Gặp Đường Tạ Uyên	2.500	
		Đường Thanh niên	Gặp Đường Hoàng Quốc Việt (Khu dân cư trận địa pháo)	2.000	
10	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	2.500	
11	Đường Vạn Xuân	Ngã tư Đường Trần Phú	Đường Xuân Thủy	1.500	
12	Đường Phan Huy Ích (Đường Ngô Văn Sở nhánh 1)	Đường Quang Trung	Gặp Đường Ngô Văn Sở (Hết đất bà Hiền)		
		Phía đồi		1.200	
		Phía Suối		500	
13	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường bê tông >=700,0m)	Ngã 3 cổng trường CĐDNCĐXD	Gặp Đường Xuân Thủy	800	
14	Đường Xuân Thủy (Đường Thanh Niên nối dài cũ, Đường QH rộng 15,0m)	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Gặp Đường Thanh Niên nối dài	800	
		Đường Thanh Niên nối dài (đất nhà ông Chung)	Gặp Đường Trần Hưng Đạo	1.500	
15	Đường Thiên Quan (QL12B cũ)	Đường Quang Trung	Hết địa giới Phường Bắc Sơn	3.500	
16	Đường Trần Hưng Đạo (Đường Thanh Niên nối dài)	Đường Trần Phú	Gặp Đường Thanh niên	1.500	
		Đường Thanh niên	Ranh giới giữa p. Bắc Sơn và xã Quang Sơn	1.000	
17	Đường Trần Quang Diệu (Đường Khu dân cư Đồi 3, Đường rộng >=7,0m)	Đường Quang Trung	Gặp Đường Nguyễn Trung Ngạn	800	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
18	Đường Nguyễn Trung Ngạn (đi qua Khu dân cư tổ 2;4)	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Quang Diệu	1.000	
		Đường Trần Quang Diệu	Gặp Đường Phan Huy Ích	800	
19	Đường Trương Công Định (đi qua Khu dân cư tổ 13;6)	Đường Quang Trung	Ngã tư Đường rẽ đi TT Y Tế thị xã Tam Điệp	1.000	
		Ngã tư Đường rẽ đi TT Y Tế thị xã Tam Điệp	Gặp Đường Vũ Duy Thanh	800	
20	Đường Vũ Duy Thanh (Đi theo hướng tổ 10A)	Đường Trần Phú	Gặp Đường Tạ Uyên	800	
		Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	1.500	
21	Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu dân cư phía Đông Đường Đồng Giao)	Đường Thanh niên	Gặp Đường Nguyễn Du	1.000	
22	Đường Hoàng Quốc Việt (Đường dân cư cũ tổ 19;20)	Đường Quang Trung	Gặp Đường Đồng Giao	1.200	
		Đường Đồng Giao	hết Khu dân cư dãy 14 (Khu đất phía Bắc Đồng Giao)	1.800	
		hết Khu dân cư dãy 14 (Khu đất phía Bắc Đồng Giao)	Hết đường	1.000	
23	Đường Lý Thường Kiệt (Khu dân cư phía bắc Đường Đồng Giao)	Đường Đồng Giao	Hết dãy 8	1.500	
		Hết dãy 8	Hết dãy 14	1.000	
		Hết dãy 14	Hết đường	1.000	
24	Đường trong Khu dân cư phía Bắc Đồng Giao	Từ dãy 2	Đến hết dãy 8	1.500	
		Từ dãy 9	Đến hết dãy 14	1.000	
		Từ dãy 15	Đến hết dãy 17	800	
25	Đường trong Khu dân cư có quy hoạch, đường từ 5,0m trở lên đã được bê tông toàn bộ hoặc một phần bề mặt đường	Khu dân cư tổ 10B;11;19;20;4;9		900	
		Các khu dân cư khác còn lại		800	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luatvietnam.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
* 26	Đường có quy hoạch <5,0m, Các ngách cụt vào nhà, Các Đường khác chưa có mặt bê tông	Trong tất cả các khu dân cư		400	
	Phường Trung Sơn				
1	Đường Quang Trung	Ranh giới hành chính giáp Xã Yên Bình	Giáp Đường Voi Phục	500	
		Đối diện Đường Trương Hán Siêu	Cầu Lạnh Đông	8.000	
		Cầu Lạnh Đông	Hết địa giới phường	5.000	
2	Đường Quyết Thắng	Đường Quang Trung	Đường Lê Hồng Phong	4.500	
		Đường Lê Hồng Phong	Cổng Quân Đoàn I	3.800	
3	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Quang Trung	Cầu Ngô Thì Nhậm	3.000	
		Cầu Ngô Thì Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	1.700	
4	Đường Núi Vàng	Đường Quang Trung	Đường Sắt	3.500	
		Đường Sắt	Ngã tư đi Khu CN Tam Điệp	2.000	
		Ngã tư đi Khu CN Tam Điệp	Hết địa phận P. Trung Sơn	1.000	
5	Đường vào 2 bên chợ Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	2.000	
6	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quyết Thắng	Đường Ngô Thì Nhậm	2.500	
7	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	1.200	
		Đường Lê Đại Hành	Hết Đường	700	
8	Đường Voi Phục	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1.000	
9	Đường Dốc Diệm	Đường Lê Trọng Tấn	Hết Đường thuộc phường	700	
10	Đường Cảnh Hưng	Đường Núi Vàng	Đường Bạch Đằng	800	

Tài liệu này được lưu trữ tại thuvienphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
11	Đường Lê Đại Hành	Đường Núi Vàng	Nhà ông Mạo (Hết Đường, phía Tây Nam chợ Đồng Giao)	1.000	
12	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Quang Trung(Hết Đường)	1.500	
13	Đường Ngọc Hồi	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	1.000	
14	Đường Bạch Đằng	Đường Quang Trung	Hết Đường	700	
15	Đường Đô Đốc Long	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Hồng Phong	1.000	
16	Đường Đô Đốc Lân (Đường Ngô Thị Nhậm nhánh 2 cũ)	Cầu Ngô Thì Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	1.700	
17	Đường Vũ Phạm Khải (Đường Núi Vàng cũ)	Ngã ba trụ sở UBND Phường Trung Sơn (Đường Núi Vàng)	Đường Ngô Thì Nhậm	1.500	
18	Đường Nguyễn Khuyến (Nhánh 2 Đường Núi Vàng, đập tràn)	Ngã 3 đi đập tràn	Đường Núi Vàng	700	
19	Đường Lê Trọng Tấn (Đường viện 145)	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1.000	
		Đường Dốc Diệm	Hết Đường thuộc phường	800	
20	Đường Cao Bá Quát (cũ tuyến Đường đi qua tổ 13;12;11,mặt Đường BT, Đường rộng >=7,0m)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	700	
21	Đường Chu Văn An (qua tổ 14,23, mặt Đường BT, Đường rộng >=7,0m)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	700	
22	Đường Lý Nam Đế (qua dãy 2 tổ 17, mặt Đường BT, Đường rộng 7,0m)	Đường Vành Đai	Hết địa phận Phường Trung Sơn	700	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://canlaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
23	Đường ô tô vào được (Mặt Đường bê tông xi măng, Đường rộng >=7,0m)			700	
24	Đường ô tô vào được còn lại			500	
25	Khu dân cư còn lại			300	
	Phường Nam Sơn				
1	Đường Quang Trung	Giáp Phường Trung Sơn	Ngặt kéo	6.000	
		Ngặt kéo	Cổng UBND Phường Nam Sơn	5.000	
		Cổng UBND Phường Nam Sơn	Đường Ngô Thì Sỹ	3.000	
		Đường Ngô Thì sỹ	Hết địa phận phường	2.500	
2	Đường Ngô Thì Sỹ	Đường Quang Trung	Hết địa phận phường	800	
3	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	Ngã 3 (Hết cán thép)	1.500	
		Ngã 3 (Hết cán thép)	Hết Đường	800	
4	Đường Lam Sơn	Đường Thung Lang (Đất nhà ông Bát)	Hết Đường	500	
5	Đường Lê Lai (Đường vào ga Đồng Giao cũ)	Đường Quang Trung	Ga Đồng Giao	550	
6	Đường Choong Đèn	Đường Quang Trung	Nhà Văn Hóa Tổ 14	500	
		Nhà Văn Hóa Tổ 14	Đường sắt	350	
7	Đường Thiên Lý	Đường Quang Trung	Đầu núi	550	
		Từ Đầu núi	Đến hết Đường	350	
8	Đường Bãi Đá	Đường Quang Trung	Hết Đường	250	
9	Đường Hoàng Diệu (cũ, đường vào kho K894, đổi tên)	Đường Ngô Thì Sỹ	Đường vào kho K894, C302	250	
10	Đường Lê Hữu Trác (cũ, đường H13, đổi tên)	Đường Quang Trung	Cổng H13	1.500	
		Cổng H13	Nhà Văn Hóa Tổ 8	350	
11	Đường Ngô Sỹ Liên (cũ đường 27/7)	Đường Quang Trung	Hết Đường	450	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
12	Đường Phan Đình Phùng (Đường rộng 7m)	Đường Quang Trung	Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	400	
13	Đường Đinh Công Trứ (Đường Hoàng Hoa Thám cũ)	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	400	
14	Đường Nguyễn Hiền (đường rộng 10,0m)	Đường Quang Trung	Đến nhà máy nước Phường Nam Sơn	350	
15	Đường Nguyễn Bặc (đường rộng 7,0m dãy 2;3)	Từ trụ sở UBND Phường Nam Sơn	Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	350	
		Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết Đường	550	
16	Đường Đinh Điền (đường rộng 7,0m dãy 3;4)	Từ trụ sở UBND Phường Nam Sơn	Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	350	
		Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết Đường	550	
17	Đến Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	Đường Quang Trung	Đến hết Đường	350	
18	Đường ô tô vào được (Mặt Đường bê tông xi măng, Đường rộng >=7,0m, từ tổ 2 đến tổ 20)			350	
19	Đường ô tô vào được (Mặt Đường bê tông xi măng, Đường rộng >=7,0m, từ tổ 21 đến tổ 23)			350	
20	Khu dân cư còn lại của phường			300	
	Phường Tây Sơn				
1	Đường Quang Sơn	Đường Quang Trung	Ngã ba Hồ Xuân Hương	2.000	
		Ngã ba Hồ Xuân Hương	Ngã ba Tân Hạ	1.200	
2	Đường Quang Trung (QL1A)	Cầu lạnh đông	Đường Quang Sơn	5.000	
		Đường Quang Sơn	Ngặt kéo	6.000	
3	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Quang Trung	Đường Quang Sơn	2.000	

Tài liệu này được lưu trữ

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
4	Đường Ngọc Hân Công chúa (đường Z879 - Lữ 279)	Đường Quang Trung	Cổng Z879 -Lữ 279	500	
5	Đường Chi Lăng	Đường Quang Trung	Cổng NM Xi măng Tam Điệp	1.800	
6	Đường Đặng Tiến Đông	Đường Đồng Giao	Đường Quang Sơn	800	
7	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Đồng Giao	Đường Hồ Xuân Hương	800	
8	Đường Phan Bội Châu	Đường Đồng Giao	Đường Quang Sơn (Điểm đỗ xe nhà hàng Kim Sơn)	800	
9	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Ngọc Hân Công Chúa	500	
10	Đường Hoàng Quốc Việt (Đường dân cư cũ tổ 19,20 p. Bắc Sơn và tổ 1 p. Tây Sơn)	Đường Quang Trung	Hết địa giới Phường Tây Sơn	1.000	
11	Các đường còn lại khu dân cư mới thuộc tổ 1, tổ 7			800	
12	Đường còn lại ô tô vào được (Mặt Đường bê tông xi măng, Đường rộng >= 7,0m)			500	
13	Khu dân cư còn lại của phường			300	
	Phường Tân Bình				
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quang Trung cũ)	Cầu Do	Đường Tôn Thất Tùng (đường vào Bệnh viện Điều Dưỡng)	3.000	
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Thiên Quan (cũ ngã 3 Chợ Chiều)	4.000	
2	Đường Thiên Quan (đường 12B)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở	3.500	
		Đường Ngô Văn Sở	Đường Vườn Chanh	2.000	
		Đường Vườn Chanh	Đường Tráng Sơn	1.400	
		Đường Tráng Sơn	Hết tổ dân phố 6	1.300	
		Hết tổ dân phố 6	Cầu thủng	800	

Tài liệu này được lưu trữ tại https://thuvienphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
3	Đường Tôn Thất Tùng (đường vào bệnh viện Điều Dưỡng)	Đường Quang Trung	Bệnh viện Điều Dưỡng	2.000	
		Bệnh viện Điều Dưỡng	Đường Thiên Quan	1.000	
4	Đường Đồng Quýt (thuộc tổ 3)	Đường Thiên Quan	Đường Quang Hiển	400	
5	Đường Vườn Chanh (thuộc tổ 4)	Đường Thiên Quan	Cổng trụ sở Công ty VLXL Tam Điệp	400	
		Cổng trụ sở Công ty VLXL Tam Điệp	Giao Đường Đồng Quýt và Đường Quang Hiển	300	
6	Đường Quang Hiển (thuộc tổ dân phố 12)	Đường Đồng Quýt	Đầu Núi Cửa Khâu	250	
		Đầu Núi Cửa Khâu	Đê sông Bến Đang	200	
7	Đường Yên Quang (đi qua tổ 8,9,10)	Đường Lý Quốc Sư	Đường Tráng Sơn	200	
8	Đường Tráng Sơn (thuộc tổ 10,11)	Đường Thiên Quan	Đền Tráng Sơn	200	
9	Đường Cao Sơn (tổ 10 cũ)	Đường Thiên Quan	Đầu Núi Địa Lý	200	
10	Đường Tiền Phong (thuộc tổ 11,12 cũ)	Đường Tráng Sơn	Đường Quang Hiển	200	
11	Đường Lý Quốc Sư (thuộc tổ 8 cũ)	Đường Thiên Quan	Đê sông Bến Đang	200	
12	Đường Lưu Cơ (thuộc tổ 9 cũ)	Đường Lý Quốc Sư	Đầu Núi Gai	200	
13	Đường Lương Quận Công (thuộc tổ 1;2 cũ)	Đường Quang Trung	Đầu Núi Dóng Than	300	
14	Đường Trần Nhật Duật (thuộc tổ 1 cũ)	Đường Lương Quận Công	Đường Quang Trung	600	
15	Khu giao đất Đồi Me			300	
16	Khu dân cư tổ 1, 2, 3, 4			300	
17	Khu dân cư còn lại			200	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanlaw.com

B - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính:1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Yên Bình				
1	**Đường Quang Trung (QL1A)**				
	Phía tây	Cầu Gềnh	Đường Vào khu dân cư Đường Vòng (Hết đất bà Liễu)	3.200	
		Đường Vào khu dân cư Đường Vòng (Hết đất bà Liễu)	Cầu Do	2.500	
	Phía Đông	Cầu Gềnh	Đối diện đường Thiên Quang (cũ QL12B)	200	
2	**Khu dân cư Đường Vòng**				
	Đường vào nhà máy XM Duyên Hà	Đường Quang Trung	Đầu cầu (hết đất thị xã)	1.000	
	Đường Vành đai	Từ đường vào nhà máy xi măng Duyên Hà	Đến giáp phường Tân Bình	800	
	Đường các lô bám đường quy hoạch	Dãy thứ nhất tính từ đường Quang Trung vào		800	
		Dãy thứ 2, thứ 3 tính từ đường Quang Trung vào		700	
	Lô số 17	Bám đường rẽ từ đường Quang Trung vào(phía Thanh Hoá)		1.000	
3	Đường trường Cơ Giới	Đường Quang Trung	Cổng phụ phía nam trường Cơ Giới	1.000	
4	Đường Thôn Lý Nhân	Đường Quang Trung	Nhà ông Cử (Hết đường)	700	
	Xã Đông Sơn				
1	Đường Quyết Thắng	Cổng Quân Đoàn I	Ngã tư Nông Trường chè	1.200	
2	Đường Ngô Thì Nhậm	Hết địa giới phường Trung Sơn	Đường Quyết Thắng	1.400	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vbpl.vn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
3	Đường Ninh Tốn	Ngã tư Nông Trường chè	Ngã 3 trường Văn Hoá	1.500	
		Ngã 3 trường Văn Hoá	Ngã 3 đê hồ Mừng	1.000	
		Ngã 3 đê hồ Mừng	Hết đường	400	
4	Đường đi 701	Ngã 3 trường Văn Hoá	Hết đất 701	800	
		Cổng 701	Đê hồ Đồng Đèn	500	
5	Đường Lam Sơn	Ngã tư đường Ninh Tốn	Hết đường (giáp P.Nam Sơn)	700	
	Xã Yên Sơn				
1	Đường Thiên Quang (cũ Đường 12B, đổi tên)	Cầu thủng	Trường Tiểu Học Yên Sơn	800	
		Trường Tiểu Học Yên Sơn	Hết thôn Vĩnh Khương	1.000	
		Hết thôn Vĩnh Khương	Hết địa giới thị xã	800	
	Xã Quang Sơn				
1	Đường Đồng Giao	Tiếp phường Bắc Sơn	Đường vào UBND xã Tây Sơn	500	
		Đường vào UBND xã Tây Sơn	Đường vào thôn Trại Vòng	500	
		Đường vào thôn Trại Vòng	Hết địa giới thị xã Tam Điệp	350	
2	Đường Chi Lăng	Hết đất Lữ 279	Cổng nhà máy XM Tam Điệp	1.800	
		Cổng nhà máy XM Tam Điệp	Ngã 3 đường Ngô Thị Sỹ	1.000	
3	Đường Ngô Thị Sỹ	Ngã 3 đường Ngô Thị Sỹ	Ngã 3 đường Băng tải	600	
		Ngã 3 đường Băng tải	Ngã 3 Tân Nhuận	400	
4	Đường Quang Sơn	Ngã 3 Tân Hạ	Đường rẽ nhà ông Lân Hương	1.400	
		Đường rẽ nhà ông Lân Hương	Ngã 3 đường lên Đền Thượng	1.000	
		Ngã 3 đường lên Đền Thượng	Ngã 3 trường Tiểu học Quang Sơn	700	
		Ngã 3 trường Tiểu học Quang Sơn	Ngã 3 đường Hồ than	400	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caferenot.vn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
5	Đường thôn Bãi Sải	Ngã 3 đường Hồ than	Ngã 3 đường trục Bãi Sải	250	
		Ngã 3 đường trục Bãi Sải	Đường băng tải đi Hang nước	200	
6	Đường thôn Tân Trung	Đường Trung Thượng	Cổng 1 nhà máy XM Tam Điệp (đến Đường Quang Sơn)	250	
		Chợ Quang Sơn	Ngã 3 ông Sửu	250	
		Ngã 3 ông Sửu	Đường Trung Thượng	350	
7	Đường Đền Thượng	Đường Quang Sơn	Đền Thượng	200	
8	Đường trường Tiểu học Quang Sơn	Đường Quang Sơn	Trường tiểu học Quang Sơn	300	
9	Đường thôn Tân Nhuận	Từ Cửa Mạnh Như đến nhà Ông Duyệt	Cổng Mạnh Như	200	
10	Đường giáp Khu Chuyên Gia C.Ty xi măng Tam Điệp		Các lô bám đường bê tông	500	
			Các lô dãy trong	400	
11	Đường téc nước	Téc nước	Hết đất nhà ông Hùng	600	
		Nhà ông Phòng	Đường Vành Đai	800	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://thuvienphapluat.vn

II. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m2

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Yên Bình				
1	Bám đường trục thôn Đồi Cao1, Đồi Cao 2, thôn Quyết Thắng			300	
2	Bám trục đường thôn Đàm Khánh Tây, thôn Đàm Khánh Đông			300	
3	Khu trung tâm xã (Khu trụ sở UBND xã)			500	
4	Đường xóm có mặt đường lớn hơn 3,0m và nhỏ hơn 10,0m			300	
5	Đường xóm có mặt đường rộng 3,0m			200	
	Xã Đông Sơn				
1	Thôn 4A; 4B; 4C			300	
2	Thôn còn lại			200	
	Xã Yên Sơn				
1	Thôn trung tâm xã (thôn Vĩnh Khương; Đoàn Kết; Yên Phong)			300	
2	Thôn còn lại			200	
	Xã Quang Sơn				
1	Thôn cận nhà máy xi măng (Thôn Tân Trung)			300	
2	Thôn cận nhà máy xi măng (Thôn Tân Nam)			300	
3	Thôn cận nội thị (Thôn Tân Hạ)			400	
4	Thôn cận Trung Tâm xã (Thôn Tân Thượng)			200	
5	Thôn Tân Nhuận, Bãi Sải			200	
6	Các thôn còn lại			150	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

BẢNG SỐ 3: GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN HOA LƯ

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ: THỊ TRẤN THIÊN TÔN (ĐÔ THỊ LOẠI V)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Trục đường	Nam Vạn Xuân may mặc	Đường rẽ làng Đa Giá (Song song đường 1A)	3.000	
		Giáp QL1A	Giáp Đền hàng Tổng	1.800	
		Đường vào trường cấp II-Ninh Mỹ	Giáp nhà bà Diếp	1.000	
		Giáp đường QL1A	Giáp đất La Phù	1.300	
		QL1A rẽ Tr.DL Hoa Lư	Giáp ngã tư nhà bà Diếp	1.100	
		Từ đường 12C (Đường vào trường cấp III Hoa Lư)	Ngã ba vào làng Đa Giá	2.000	
		Ngã ba vào làng Đa Giá	Đến Chùa Hà	2.100	
		Giáp ngã tư nhà bà Diếp	Ngã tư vào làng Đa Giá (trạm biến áp)	1.000	
		Đường rẽ 12C	Núi Gai (đường 24m)	2.100	
		Các đường còn lại xung quanh khu vực UB huyện và khu vực đường nội thị, đường xương cá		1.500	
2	Khu dân cư Thổ Trì, Đồng Ía			1.300	
3	Khu dân cư Trình Ngư	Các lô đất giáp đường QH 15 m		1.800	
		Các đường nhánh còn lại		1.500	
4	Khu dân cư Đông núi Gai			2.500	
5	Khu dân cư	Khu dãy II Đồng ốc		900	
		Khu vực Chợ Cầu Huyện		1.300	
		Khu dân cư còn lại		800	
6	Trục đường dọc theo kênh Đô Thiên			1.500	

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Đường 1A**				
	Thị trấn Thiên Tôn	Cầu La Mai	Hết Núi Hú	5.500	
		Hết Núi Hú	Đường rẽ vào chợ Ninh Mỹ	6500	
	Xã Ninh Giang	Cầu gián	Hết cầu La Mai	4.500	
	Xã Ninh Mỹ	Nam chợ Ninh Mỹ	Giáp đất Ninh Khánh	6.000	
	Xã Ninh An	Giáp cầu Yên	Cắt ngang đường sắt	4.500	
		Cắt ngang đường sắt	Cầu vó (Tây đường)	4.000	
2	**Đường ĐT 478 (Đường 12C)**				
	Thị trấn Thiên Tôn	Giáp đường 1A	Rẽ trường cấp 3 Hoa Lư A	4500	
		Đường rẽ trường cấp 3 Hoa Lư A	Đường rẽ Động Thiên Tôn	4000	
		Đường rẽ Động Thiên Tôn	Hết Cầu Thiên Tôn	2500	
	Xã Ninh Hoà	Hết cầu Thiên Tôn	Đến Cầu Ninh Hoà	1.700	
		Hết Cầu Ninh Hoà	Đến Quèn ổi	1.700	
		Hết Quèn ổi	Đến Phủ Thành Hoàng	1.500	
		Hết Phủ Thành Hoàng	Giáp Trường Yên	1.600	
	Xã Trường Yên	Cống Vọng	Đến Phủ Thành Hoàng	1.800	
		Hết Phủ Thành Hoàng	Ngã 3 Yên Trạch	2.200	
		Ngã 3 Yên Trạch	Cầu Đông	2.600	
		Hết Cầu Đông	Đến Cầu Rền	3.000	
		Hết Cầu Rền	Đến Nhà Ông Uyên	2.300	
		Hết Nhà Ông Uyên	Đến Ngã ba đê	2.000	
		Hết Ngã ba đê	Đến Núi Nghẽn	1.500	
		Hết Núi Nghẽn	Đến Cầu Đen	1.300	

Tài liệu lưu trữ huyện Yên Thành

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đường Du lịch Tam Cốc Bích Động				
	Xã Ninh Thắng	Giáp đất Ninh Phong	Đến Cống Khai Hạ	2.800	
		Cống Khai Hạ	Đến Bến xe Đồng Gừng	3.000	
	Xã Ninh Hải	Bến xe Đồng Gừng	Đến Hội trường Văn Lâm	4.000	
		Hội trường Văn Lâm	Đến Cầu Chợ Ninh Hải	3.500	
		Cầu Chợ Ninh Hải	Đến Trạm bơm Liên Trung	2.500	
		Trạm bơm Liên Trung	Đến Cầu Phướn chùa Đá	2.500	
		Cầu Phướn chùa Đá	Đến Chùa Bích Động	2.500	
		Đình Các	Đến Đền Thái Vi	2.000	
4	**Đường Ninh Xuân - Trường Yên - ĐT491b**				
	Xã Ninh Xuân	Đình thôn Nội	Chùa Hoa Lâm	1.500	
		Chùa Hoa Lâm	Máng nước (Giáp Trường Yên)	650	
		Đền Nấm Khê Hạ	Đình Thôn Nội	1.000	
		Hết Trạm bơm Khê Thượng	Giáp Đ.trục chính du lịch Tràng An	1.300	
	Xã Trường Yên	Hết Máng Nước	Hết Cầu Đá Bàn	800	
		Hết Cầu Đá Bàn	Đình Quèn Thự Mộc	1.000	
		Hết Cầu Ghềnh Tháp	Đường 12C (Bà Lốc)	1.500	
5	**Đường 477**				
	Xã Ninh Giang	Giáp QL 1A	Giáp Ninh Hoà	2.000	
	Xã Ninh Hoà	Giáp Ninh Giang	Giáp Ninh Mỹ	2.000	
	Xã Ninh Mỹ	Giáp Ninh Hoà	Trạm bơm Chùa La	1.500	
	Xã Ninh Thắng	Giáp Ninh Phong	Đê Đồng Vạn	2.000	
6	**Đường Tràng An**				
	Xã Ninh Xuân	Giáp đất TP Ninh Bình	Đường rẽ vào khu bến thuyền	3.000	
	Xã Trường Yên	Trung tâm bến thuyền	Đền Vực	2.500	
7	**Đường trục các xã**				

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Trường Yên				
	Đường trục xã	Ngã 3 ông Vết	Giáp Đền Lê	3.000	
	Xã Ninh Giang				
	Đường trục xã	Đường QL1A (qua UBND xã)	Ngã ba ông Tài - xóm Nam	1.500	
		Trạm Y tế	Giáp TT Thiên Tôn	950	
	Đường 30	Giáp đường 477	Xóm Đông thôn Trung Trữ	1.200	
	Đường chiến lược	Cây đa ông Kiển	Giáp đê Hoàng Long	1.200	
	Xã Ninh Khang				
	Đường trục Bạch Cừ	Trạm điện	Ông Mạch- xóm Đông Phú	700	
		Hết Ông Quyên-xóm Đông	Hết Cầu 3 xã	800	
		Hết Cầu 3 xã	Đến nhà ông Bạo	1.000	
		Hết nhà ông Bạo	Đến HT xóm Đông Phú	900	
		Đến HT xóm Đông Phú	Đê (mốc giới)	1.300	
		Đầu đường Quyết Thắng (nhà cô Sơn)	Trường tiểu học Bạch Cừ	600	
		Cầu ba xã	Kênh cứng (Đồng Chằm)	2.500	
		Kênh cứng (Đồng Chằm)	Kênh Chìm (Đồng Quán)	2.500	
		Kênh Chìm (Đồng Quán)	Trạm bơm tháng 10	3.500	
		Các đường xương cá khu ĐG Đồng Chằm		2.500	
	Xã Ninh Mỹ				
	Trục đường xã	Đường 1A	Chùa Hà (Trạm điện)	2.500	
		Chùa Hà(Trạm điện)	Ngã 4 nhà ông Thơ Nham	1.000	
		Đường 1A	Núi Soi	2.000	
	Xã Ninh Xuân				

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luutru.ninhbinh.gov.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đường Xuân Thành	Cầu Xuân Thành	Đình Thôn Nội	1.500	
	Xã Ninh An				
	Đường 1A đi Ninh Vân-Hệ dưỡng	Đường QL 1A	Hết Nhà máy phân lân	3.500	
		Hết Nhà máy phân lân	Giáp Ninh Vân	2.500	
		Đường mới vào Ximăng Hệ dưỡng		2.000	
	Trục đường xã	Đường QL 1A	Giáp N. Vân (Đê sông Vó)	1.400	
	Xã Ninh Vân				
		Ranh giới giáp NinhVân - Ninh An	Ngã ba lương thực	2.000	
		Nhà máy XM Hệ Dưỡng	Giáp đất Ninh An	1.500	
	Xã Ninh Thắng				
	Khu dân cư Đồng Đốt	Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (đường 19m)	2.000	
		Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (đường 12m)	1.500	
		Các đường xương cá trong khu đấu giá		1.200	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanfelaw.vn

II. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Xã Trường Yên					
1	Đường liên 3 thôn (Trường Xuân, Trường Thịnh, Tân Hoa)	Đê Hoàng Long	Hết Cầu Dền		1.000	
		Ngã 3 Trường Thịnh	Hết Cầu Đông		1.000	
2	Đường trục thôn xóm	Đường trục thôn Yên Trạch			550	
		Đường trục thôn Tụ An			450	
		Đường trục 6 thôn Thắng Thành : Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Tam Kỳ			650	
		Đường trục các thôn còn lại			550	
3	Khu dân cư	Khu dân cư Yên Trạch			450	
		Khu dân cư thôn Chi Phong			350	
		Khu dân cư thôn Tụ An			350	
		6 thôn Thắng Thành : Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Tam Kỳ			550	
		Khu dân cư các thôn còn lại			500	
4	Khu Tái định cư Hang Muối Cạn				500	
5	Khu TĐC Ngòi Gai	Tuyến đường 1-1			470	
		Các đường nhánh còn lại			300	
6	Đất ở thuộc các thung				250	
	Xã Ninh Hoà					
1	Đường liên thôn	Đền Hành Khiển	Hết Trạm bơm Hồng Phong		700	
		Đường 12C (nhà ông Hưng)	Hết Thanh Hạ		700	
		Đường 12C (Bưu điện)	Hết Ngô Thượng		700	
		Đường 12C (Quèn Ổi)	Hết Thanh Hạ		450	
		Cuối làng Thanh Hạ	Hết Ngô Hạ		400	
		Đường 12C	Đầu xóm Vinh Quang		500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Đường 12C	Hết Vinh Sơn (ĐT 477)		500	
		Đường Thống Nhất	Cầu Đại Áng		700	
2	Khu dân cư còn lại				350	
	Xã Ninh Giang					
1	Đường trục La Mai	Cổng làng	Ngã 3 ông Thứ	650		
		Ngã 3 ông Thứ	Cổng ông Duyên	500		
		Chùa Thượng La Mai	Giáp đê sông Đáy	850		
		Các nhánh đường còn lại		450		
2	Đường trục La Vân	Cổng làng	Hết nhà Ông Thành cuối làng	650		
		Hết nhà Ông Mậu (QL1A)	Hết Chùa Phong Phú	800		
		Các nhánh đường còn lại		450		
3	Đường trục Bãi Trữ	Ngã ba ông Huyến	Ngã ba bà Thiệp	600		
		Ngã ba bà Thiệp	Ngã ba ông Lương	600		
		Ngã ba ông Lương	Ngã ba ông Huyến	600		
		Cầu Xuân Thành	Hết Nhà ông Thảo	600		
		Các nhánh đường còn lại		450		
4	Đường trục Trung Trữ	Hết nhà Ông Hiền(xóm Tây)	Hết nhà Ông Mây (xóm Nam)	600		
		Hết nhà Ông Tài (xóm Nam)	Hết nhà Ông Thành	600		
		Đường 30	Hết nhà Bà Quế(xóm Tây)	600		
		Các nhánh đường còn lại		450		
5	Đường trục Phong Phú	Hết Đình Phong Phú	Ngã 3 nhà ông Bốn	600		
		Các nhánh đường còn lại		450		

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caselaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
6	Đê sông Chanh	Từ núi Gạc	Đến trạm bơm Quan Vinh	600		
7	Khu dân cư còn lại			350		
	Xã Ninh Khang					
1	Đường trục La Phù	Mốc chỉ giới (giáp Thị trấn)	Đất ông Tam (Châu)	1.000		
		Hết Đất nhà ông Tam Châu	Cuối làng La Phù	800		
		Cuối làng La phù	Giáp Đê	1.000		
2	Đường trục Phú Gia	Hết Nghĩa trang	Hết Trạm xá	700		
3	Các nhánh đường còn lại			500		
4	Các khu dân cư còn lại trong xã			400		
	Xã Ninh Mỹ					
1	Trục đường xã	Giáp TT Thiên Tôn	Núi Ngang	800		
		Chùa Hà (Trạm điện)	Kho A04	800		
		Các đường 2,3,4 khu ĐG núi Soi		900		
		Các trục đường còn lại		600		
2	Khu dân cư	Khu vực dân cư tiếp giáp TT Thiên Tôn và thôn Đa giá		500		
		Thôn xóm còn lại (Vinh Viên, Thạch tác, Nam Chiêm, Nhân lý, Thạch quy, Quan đồng, Đông Đình, Tây đình.)		400		
		Thôn xóm còn lại		350		
	Xã Ninh Xuân					
1	Đường trục xã	Bám mặt đường du lịch	Hang Múa		650	
		Đầu làng thôn Ngoại	Cây Đa ông Trung (Toang)		600	
2	Khu dân cư	Khu dân cư toàn xã			450	
		Khu dân cư ven núi			330	
		Khu Lò Vôi; Cửa Xí; Hang Diêm			600	
		Khu Mạ Đình Khê Thượng			450	
		Khu Mạ đường ngang Khê Thượng			450	

Tải tại http://caiteland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
4	Đất ở thuộc các thung				250	
	Xã Ninh An					
1	Trục đường xã	Các đường xương cá trong khu đấu giá (đê sông Vó)		800		
		Trục đường thôn Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		500		
		Trục đường thôn Đông Thịnh, Đông Hội		450		
2	Đường Cán cờ	QL1A	Đến cống xã	800		
		Cống xã	Trạm bơm Đò Chủ	600		
3	Khu dân cư	Khu dân cư thôn Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		450		
		Khu dân cư thôn Đông Thịnh, Đông Hội		400		
	Xã Ninh Vân					
1	Đường 1A đi Ninh Vân-Hệ dưỡng	Ngã ba lương thực	Hết làng Xuân Vũ		700	
		Ngã ba nhà ông Huyến	Hết xi măng Hệ Dưỡng		600	
		Ngã ba lương thực	Ngã tư cửa đền Vũ Xá		550	
		Ngã tư cửa đền Vũ Xá	Hết UBND xã mới		600	
		Hết UBND xã mới	Ngã tư Chiến Mùi		550	
		Ngã tư Chiến Mùi	Hết Trại giam		500	
		Ngã 3 Ông Hiền	Sau chùa Chấn		450	
		Ngã 3 ông Huyến	Đường vào Chùa Xuân		450	
		Đường vào Chùa Xuân	Nhà ông Tâm ngã 5		450	
		Ngã 5 Thượng	Hết cống Núi Am		450	
		Ngã 3 ông Dãn Thượng	Hết Chợ Hệ		450	
		Ngã 4 cửa đền Vũ Xá	Hết nhà ông Duy		450	
		Ngã 3 ông Tuần	Ngã 4 ông Lương		450	
		Hết cống núi Am	Hết nhà ông Bần (Phú Lăng)		500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luatvietnam.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
2	Trục đường xã	Nhà ông Bần (Phú Lăng)	Đường vào NM XM Duyên Hà		550	
		Đường vào NM XM Duyên Hà	Cầu Vạn Lê		500	
		Hết Chùa Xuân	Hết Chùa Chấn		400	
		Ngã 5	Hết NM XM Hệ Dưỡng		450	
		Cầu Bến Đang	Cổng nhà máy XM Duyên Hà		700	
		Nhà ông Duy	Hết làng Chấn Lữ		450	
		Hết làng Chấn Lữ	Hết trạm y tế xã		450	
		Ngã 4 ông Lương	Hết Nhà ông Bồng		450	
		Cầu Vạn Lê	Đến ga Ghềnh		450	
3	Khu dân cư còn lại	Khu dân cư thôn Xuân Phúc, Xuân Thành, Đông Quan, Tân Dưỡng I, Tân Dưỡng II			400	
		Khu dân cư thôn Vũ Xá, Chấn Lữ, Thôn Thượng, Phú Lăng, Vạn Lê, Hệ Dưỡng Hạ, Hệ Dưỡng Thượng			300	
	Xã Ninh Thắng					
1	Đường trục xã (đường du lịch cũ)	Giáp đất Ninh Phong	Cống Khai Hạ		700	
		Cây đa Ninh Thắng	Chùa Khả Lương		1.000	
		Chùa Khả Lương	Giáp đất Ninh Xuân		600	
		Đường du lịch cũ	Bến đò Hành Cung		900	
		Đường Quai Vac	Sông Hệ		700	
		Đường du lịch mới	Bến đò Tuân Cáo		600	
		Đưng bê tông ông Long - Đội 4	Vườn Tấm Khả Lương		600	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Trạm y tế xã	Kênh cấp II Đồng Cửa		600	
3	Đất ở các thung				250	
4	Khu dân cư còn lại				500	
	Xã Ninh Hải					
1	Trục đường xã	Ngã ba ông Nhật	Cổng trường cấp 1		650	
		Ngã ba ông Nam	Hết nghĩa trang cũ		650	
		Hết nghĩa trang cũ	Hết chùa Sở đò Xước		550	
		Ngã ba chùa Bích Động	Trạm bơm Hải Nham		600	
2	Khu dân cư	Thôn Văn Lâm			500	
		Ven núi thôn Văn Lâm			500	
		Thôn Hải Nham			400	
		Thôn Khê Ngoài, Gôi Khê, Khê Trong			400	
3	Đất ở thuộc các thung				250	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luutru.gov.vn

BẢNG SỐ 4: GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN GIA VIỄN

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN ME (Đô thị loại V)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường ĐT477	Giáp đất xã Gia Phương	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Giáp đất xã Gia Phương	Đầu đường vào Tế Mỹ	1.800	
	Đoạn 2	Đầu đường vào Tế Mỹ	Đường rẽ vào TT Giáo dục thường xuyên	2.500	
	Đoạn 3	Đường rẽ vào TT Giáo dục thường xuyên	Giáp hội trường Phố Mới	3.000	
	Đoạn 4	Giáp hội trường Phố Mới	Hết đất Thị trấn	1.800	
2	Đường ĐT477 mới	Đường vào lò vôi	Ngã 3 rẽ vào Trinh Phú xã Gia Thịnh (Hết đường ĐT477 mới)	2.000	
3	Đường Tiến Yết	Trạm điện Thị trấn	Ngã 3 ông Tương	900	
4	Đường khu Tái định cư	Đường ĐT477 cũ	Đầu đường ĐT477 mới	3.500	
5	Đường vào xã Liên Sơn	Đường ĐT477 cũ	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Đường ĐT477 cũ	Giáp cổng chợ Me	2.000	
	Đoạn 2	Giáp cổng chợ Me	Hết đất Thị trấn	1.300	
6	Đường chuyên dùng của NN XM the Vissai.	Đầu đồi Kẽm Chè	Giáp đường ĐT 477	600	
7	Đường ĐT477c (đường Thống Nhất)	Ngã 3 bưu điện huyện	Hết đất Thị trấn (ngã 4 đường ĐT477c)	2.300	
8	Đường phía đông bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	1.000	
9	Đường phía tây bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	800	
10	Đường sông Me	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	1.800	
11	Đường vào Tế Mỹ	Đường ĐT477 cũ	Giáp đất Gia Vượng	800	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caferm.vn

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
12	Đường vào TT Giáo dục thường xuyên	Đường ĐT477 cũ	Hết TT Giáo dục thường xuyên	1.200	
13	Các đường phố còn lại (Phố Mới, Thống Nhất, Phố Me, khu dân cư phố Tiến Yết)			800	
14	Đường vào bãi khai thác đá	Đầu đường ĐT 477 mới	Bãi khai thác đá	650	
15	Đường phía Bắc chợ Me			1.000	
16	Đường vào đồi Kẽm Chè (Đường ĐT 477b cũ)	Đường ĐT 477 cũ	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Đường ĐT 477 cũ	Đầu đồi Kẽm Chè	1.200	
	Đoạn 2	Đầu đồi Kẽm Chè	Hết đất Thị trấn	800	
17	Đường phía tây kênh Bản Đông	Đường ĐT 477 mới	Giáp kênh cứng Gia Vượng (hết đất Thị trấn)	800	
18	Khu dân cư Đồng Xá			800	
19	Đường vào khối cơ quan	Ngã 3 đường ĐT 477 mới	Hết đất Thị trấn	800	
20	Đường liên thôn khác (xã Gia Vượng cũ)			500	
21	Khu dân cư còn lại sinh hoạt như nông thôn			500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanland.vn

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đường 1A				
1	Xã Gia Thanh	Cầu Khuốt	Hết đất Gia Thanh	4.500	
2	Xã Gia Xuân	Giáp đất Gia Thanh	Hết đất Gia Xuân	5.000	
3	Xã Gia Trấn	Giáp đất Gia Xuân	Hết đất Gia Trấn		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Xuân	Đường vào UBND xã	5.000	
	Đoạn 2	Đường vào UBND xã	Hết đất Gia Trấn	5.000	
	Đường ĐT477	**Ngã 3 cầu Gián**	**Hết đất Gia Viễn**		
1	Xã Gia Trấn	Bắt đầu ngã 3 Gián vào đường ĐT 477	Hết đất Gia Trấn	4.000	
2	Xã Gia Tân	Giáp đất Gia Trấn	Hết đất Gia Tân	3.500	
3	Xã Gia Lập	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Phía Nam đường ĐT 477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lãng Nội	2.000	
	Đoạn 2	Đường vào Lãng Nội	Hết đất Gia Lập	1.800	
	Phía Bắc đường ĐT 477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lãng Nội	1.200	
	Đoạn 2	Đường vào Lãng Nội	Hết đất Gia Lập	1.000	
4	Xã Gia Vân	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	Phía Nam đường ĐT 477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào đền Vua Đinh	1.500	
	Đoạn 2	Đường vào đền Vua Đinh	Hết bưu điện xã Gia Vân	2.000	
	Đoạn 3	Hết bưu điện xã Gia Vân	Hết đất Gia Vân	1.500	
	Phía Bắc đường ĐT 477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào Vân Long	800	
	Đoạn 2	Đường vào Vân Long	Hết đất Gia Vân	700	

	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
5	Xã Gia Phương	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương		
	Phía Nam	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	1.200	
	Phía Bắc (Phía kênh)	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	600	
6	Xã Gia Thịnh	Giáp đất Thị Trấn Me	Hết đất Gia Thịnh	1.200	
7	Xã Gia Phú	Giáp đất Gia Thịnh	Hết đất Gia Phú		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thịnh	Đường vào thôn Đồi	800	
	Đoạn 2	Đường vào Thôn Đồi	Đường vào thôn Kinh Trúc	1.000	
	Đoạn 3	Đường vào thôn Kinh Trúc	Giáp Đê Hoàng Long	900	
	Đường ĐT477 mới	Giáp đường ĐT 477	Giáp đất Thị trấn Me	1.500	
	Đường ĐT477 b				
1	Xã Gia Hoà				
	Phía Tây đường				
	Đoạn 1	Dốc Kẽm Chè (Giáp TT Me)	Cầu Thượng	900	
	Đoạn 2	Cầu Thượng	Đê Đầm Cút	600	
	Đoạn 3	Đê Đầm Cút	Giáp Hòa Bình	500	
	Phía Đông đường	Cầu Thượng	Đê Đầm Cút	900	
2	Xã Gia Vượng				
	Đường Tiến Yết	Ngã 3 đầu đường ĐT477 mới	Ngã 3 giáp Gia Phương	1.200	
	Đường Tiến Yết dãy 2,3			600	
3	Xã Gia Phương				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Thắng	1.200	
4	Xã Gia Thắng				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Tiến	1.200	
5	Xã Gia Tiến				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Thắng	Giáp đê Hoàng Long		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thắng	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	1.200	
	Đoạn 2	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	Giáp đê Hoàng Long	400	

Tài liệu này được lưu trữ

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 3	Cầu Trường Yên	Đường Tiến Yết cũ	1.200	
	Đường ĐT477C (Đường Thống Nhất)				
1	Xã Gia Vượng	Giáp đất Thị Trấn Me	Hết đất Gia Vượng		
	Đoạn 1	Giáp đất Thị Trấn Me	Hết Thôn Trại Đức	2.000	
	Đoạn 2	Hết thôn Trại Đức	Hết đất Gia Vượng	1.500	
2	Xã Gia Thịnh	Giáp gia Vượng	Đê Hoàng Long	1.500	
3	Xã Gia Lạc	Giáp đê hữu sông Hoàng Long	Hết đất Gia Lạc	500	
4	Xã Gia Phong	Giáp đất Gia Lạc	Hết đất Gia Phong	500	
	Đường trục các xã				
1	**Xã Gia Thanh**				
	Bám đường Đê Đáy	Hết xứ đồng Cửa Lò	Giáp Gia Xuân		
	Đường xung quanh chợ Đò				
		Dãy 1		1.200	
		Dãy 2		1.000	
		Dãy 3		700	
2	**Xã Gia Sinh**				
	Đường 12c (Đường 491, Anh Trỗi)	Giáp đất Trường Yên (Hoa Lư)	Hết đất Gia Sinh (Giáp Sơn Lai - Nho Quan)		
	Đoạn 1	Giáp đất Trường Yên	Đường rẽ vào hang Long ẩn	1.500	
	Đoạn 2	Đường rẽ vào hang Long ẩn	Đường rẽ vào xóm 8	1.200	
	Đoạn 3	Đường rẽ vào xóm 8	Hết đất Gia Sinh	800	
	Đường vào UBND xã	Bưu điện xã	Ngã 3 ông Hào	1.500	
	Khu Tái định cư				
	Dãy 1			1.500	
	Dãy 2, 3			900	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanlaw.vn

T	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đường tuyến 8 (WB2)	Đường 12c	Đê Đồng Lâm		
	Đoạn 1	Đường 12c	Ngã 3 hàng	1.500	
	Đoạn 2	Ngã 3 hàng	Ngã 4 ông Phương	1.000	
	Đoạn 3	Ngã 4 ông Phương	Đê Đồng Lâm	1.500	
	Đường phân lô xóm 10			1.300	
	Đường vành hồ	Tuyến 8	Giáp tuyến 6		
	Đoạn 1	Tuyến 8	Đường 12c	1.500	
	Đoạn 2	Đường 12c	Giáp tuyến 6	700	
	Đường Vành Nghè				
	Đoạn 1	Nhà ông Ninh	Nhà ông Sinh	1.200	
	Đoạn 2	Đường 12C	Giáp đường Vành Nghè	1.200	
	Đường khu vực cửa chùa giếng thần				
	Vị trí 1	Cổng chùa cổ	Ngã 3 nhà ông Chinh	1.300	
	Vị trí 2	Ngã 3 nhà ông Hường	Hết nhà ông Thơ	1.300	
	Các vị trí còn lại khu vực cửa chùa giếng thần			600	
3	**Xã Gia Trấn**				
	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT 477	Đê sông Hoàng Long		
	Đoạn 1 (Phía đông)	Phía đông đầu đường ĐT 477	Chùa Đô (Hết đất Gia Trấn)	2.000	
	Đoạn 2 (Phía đông)	Giáp đất xã Gia Tân	Đê sông Hoàng Long	500	
4	**Xã Gia Tân**				
	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT 477	Đê sông Hoàng Long		
	Đoạn 1 (Phía tây)	Đầu đường ĐT 477	Ngã 3 đường vào thôn Tùy Hối	2.000	
	Đoạn 2 (Phía tây)	Ngã 3 đường vào thôn Tùy Hối	Đê sông Hoàng Long	1.000	
	Phía Đông	Chùa Đô	Hết đất xã Gia Tân	1.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại https://vbland.vn

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Xã Gia Thanh					
1	Đường vào chùa Địch Lộng	Cầu Khuốt	Trạm bơm Phương Đông			
	Đoạn 1	Cầu Khuốt	Chùa Địch Lộng		600	
	Đoạn 2	Chùa Địch Lộng	Trạm bơm Phương Đông		400	
2	Đường thôn Thượng Hoà	Đầu đường 1A	Đê Đầm Cút			
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Hết khu dân cư		500	
	Đoạn 2	Hết khu dân cư	Đê Đầm Cút		300	
3	Đường Xóm Hống (bám đê)	Trạm bơm Phương Đông	Hết xóm Hống		300	
4	Bám Đê Đầm Cút					
	Đoạn 1	Trạm bơm Thượng Hòa	Hết Xóm Ruốm		450	
	Đoạn 2	Hết Xóm Ruốm	Đồi Cung Sỏi		350	
5	Khu dân cư còn lại				180	
	Xã Gia Xuân					
1	Đường vào thôn Miễu Giáp (nhà thờ) Phía Nam	Đầu đường 1A	Giáp nhà thờ thôn Miễu Giáp	1.000		
2	Dãy 2 đường vào thôn Miễu Giáp (nhà thờ) Phía Nam			500		
3	Đường vào thôn Miễu Giáp phía Bắc	Đầu đường 1A	Giáp thôn Miễu Giáp	600		
4	Đường vào Đồng Xuân	Đầu đường 1A	Hết UBND xã	700		
5	Khu dân cư mới (Vườn Thờ, Cửa Chùa)			400		
6	Khu dân cư mới Bái Đàn			350		
7	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn			600		
8	Khu dân cư còn lại			180		

Tài liệu này được chia sẻ tại http://cafeland.vn

	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Xã Gia Trấn					
1	Đường vào làng Cung Quế	Đầu đường 1A	Đình Cung Quế			
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	1.000		
	Đoạn 2	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	Đình Cung Quế	1.000		
2	Khu dân cư mới	Giáp trụ sở UBND xã cũ	Kênh N2	1.000		
3	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn	Giáp đất Gia Trấn	Đê sông Đáy	500		
4	Vị trí bám sông Hoàng Long	Cầu Gián	Hết đất Gia Trấn	500		
5	Đê Đáy	Cầu Gián	Giáp đất Gia Xuân	300		
6	Các vị trí bám đường liên thôn khác còn lại			300		
7	Khu dân cư còn lại			180		
	Xã Gia Tân					
1	Đường trục xã (vào đến UBND xã)					
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT 477	Đường cầu đất	700		
	Đoạn 2	Đường cầu đất	Ngã 3 UBND xã	400		
2	Khu nhà ở Thanh Bình			900		
3	Đường WB2	Điểm nối đường 30	Hết đất Gia Tân			
		Điểm nối đường 30	Đầu làng Vân Thị	500		
		Đầu làng Vân Thị	Hết đất Gia Tân	400		
4	Dãy 2 bám đường ĐT477	Giáp đất Gia Trấn	Hết đất Gia Tân			
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Trấn	Đường ra cảng NM The Vissai	750		
	Đoạn 2	Đường ra cảng NM The Vissai	Hết đất Gia Tân	400		
5	Vị trí bám đê Hoàng Long	Giáp đất Gia Trấn	Hết đất Gia Tân	300		
6	Đường vào trạm điện	Đầu đường ĐT477	Giáp làng Thiện Hối	500		
7	Đường vào làng Tuỳ Hối	Đầu đường ĐT477	Góc cua đầu tiên (gần nghĩa trang)	500		
8	Các vị trí bám đường liên thôn còn lại			300		
9	Khu dân cư còn lại			180		

Tài liệu sao lưu lưu trữ tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Xã Gia Lập					
1	Đường vào Cầu Đài	Đầu đường ĐT477	Hết kho lương thực	600		
2	Đường đi Sào Long	Đầu đường ĐT477	Hết trạm Y tế xã	850		
3	Đường vào đền Vua Đinh	Giáp đất Gia Vân (Đường ĐT 477)	Giáp đất Gia Phương			
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Ngã 3 rẽ vào Lãng Ngoại	550		
	Đoạn 2	Ngã 3 rẽ vào Lãng Ngoại	Giáp đất Gia Phương	400		
4	Dãy 2 bám đường ĐT477 (Phía Nam)	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập	500		
5	Khu Dân cư mới Chùa Roi	Chùa Cầu Đài	Giáp trụ sở UBND xã	450		
6	Đường vào Lãng Nội	Đầu đường ĐT477	Đê Đầm Cút			
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	200m	1.000		
	Đoạn 2	200m	Giáp đê Đầm Cút	700		
7	Ven đê Đầm Cút, các vị trí ven đường liên thôn còn lại			400		
8	Khu dân cư còn lại			200		
	Xã Gia Vân					
1	Đường vào Vân Long (Phía Đông)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút			
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học		900	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Giáp đê Đầm Cút		800	
2	Đường vào Vân Long (Phía Tây qua kênh)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút			
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học		600	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Ngã tư vào Trung Hoà		700	
	Đoạn 3	Ngã tư vào Trung Hoà	Giáp đê Đầm Cút		600	
3	Dãy 2 vào Vân Long (Phía Tây)				350	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caobang.gov.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
4	Dãy 2 bám đường ĐT477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		400	
5	Dãy 2 bám đường kênh	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		300	
6	Đường vào Đền Vua Đinh	Đầu đường ĐT477	Hết đất Gia Vân		400	
7	Đường quanh khu du lịch Vân Long				400	
8	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại				250	
9	Giáp đê Đầm Cút bám khu du lịch				400	
10	Khu dân cư còn lại				200	
	Xã Gia Phương					
1	Đường vào đồi Kẽm Chè	Đầu đường ĐT477 cũ	Đồi Kẽm Chè		250	
2	Đường vào thôn Hoài Lai	Đầu đường ĐT477	Giáp kênh Thanh Niên		250	
3	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477	Thôn Đồi		400	
4	Đường trục liên thôn	Đầu đường thôn Mã Bùi	Hết đường thôn Vinh Ninh		250	
5	Đường vào thôn Vĩnh Ninh	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 4 đường trục (đầu thôn Vĩnh Ninh)		250	
6	Đường vào thôn Văn Bồng	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 3 đường trục liên thôn		250	
		Thôn Phương Hưng	Thôn Vĩnh Ninh		180	
7	Khu dân cư còn lại				150	
	Xã Gia Vượng					
1	Đường đi xã Gia Trung	Ngã 3 đầu đường Tiến Yết	Hết đất Gia Vượng		500	
2	Đường đông bệnh viện xã Gia Vượng	Đầu đường ĐT 477 cũ	Đường ĐT 477 mới		800	
3	Đường phía Tây kênh Bản Đông	Kênh cứng (giáp đất TTMe)	Giáp đất Gia Thịnh		800	
4	Đường vào UBND xã					
	Đoạn1	Đường ĐT 477 mới	Giáp UBND xã		800	
	Đoạn 2	Giáp UBND xã	Kênh giáp đất thị Trấn		600	

Tài liệu này được lưu trữ http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Dãy 2, 3 (đoạn 2)				500	
5	Khu quy hoạch điểm dân cư ĐT 477 mới(Đường 2,3)	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Thịnh		700	
6	Đường cửa ông Rự	Đường ĐT 477 mới	Đầu đường ĐT 477 cũ		400	
7	Vị trí ven đường liên thôn khác				250	
8	Đường sông Cụt	Từ kênh T2	Giáp đất Gia Thịnh		700	
9	Khu dân cư còn lại				150	
	Xã Gia Thịnh					
1	Đường liên thôn	Đường ĐT 477 mới	Đầu làng Trinh Phú		300	
2	Đường phía Tây kênh Bản Đông	Giáp Gia Vượng	Thôn Đồng Chưa		600	
3	Đường Cầu Ngay	Đầu thôn Liên Huy	Đê Hoàng Long		200	
4	Các đường liên thôn còn lại				200	
5	Đường sông Cụt	Từ kênh T2	Hết sông cụt		700	
6	Khu dân cư còn lại				150	
	Xã Gia Trung					
1	Đường trục giao thông xã	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Tiến			
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vượng	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	550		
	Đoạn 2	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	Cống ông Giáo Chi Phong	750		
	Đoạn 3	Cống ông Giáo Chi Phong	Nhà thờ họ Giang Sơn	600		
	Đoạn 4	Nhà thờ họ Giang Sơn	Giáp đê tả Hoàng Long (Giáp đất Gia Tiến)	800		
2	Các đường trục thôn					
	Thôn Trung Đồng					
	Đoạn 1	Ngã 3 nhà Ông Báo	Đoạn ngoặt về Chi Phong	300		
	Đoạn 2	Nhà Ông Mạnh	Cống Nghệ Chi Phong	350		

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caitelaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
2	Thôn Chấn Hưng	Ngã 3 rẽ vào làng Chấn Hưng	Giáp đê tả Hoàng Long	450		
3	Đường ra nhà thờ họ Giang Sơn (Nghĩa trang Điềm Khê)	Nhà ông Trí (Liên)	Nhà thờ họ Giang Sơn	450		
4	Các trục đường mới quy hoạch khu Đồng Gôi			350		
5	Khu đường cống cửa nhà Ông Tài đi Đê Hoàng Long			350		
6	Khu Đồng La, Nam làng Đức Hậu, An Thái			300		
7	Tất cả các đường trục thôn còn lại			300		
8	Đê tả sông Hoàng Long			300		
9	Khu dân cư còn lại			200		
	Xã Gia Tiến					
1	Đường liên xã	Giáp đất Gia Tân	Bưu điện Văn hóa xã			
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đầu đường Tiến Yết	500		
	Đoạn 2	Đầu đường Tiến Yết	Bưu điện Văn hóa xã	600		
2	Đường Sách Khiếu	Đầu đường Tiến Yết	Giáp đê Hoàng Long			
	Đoạn 1	Đầu đường Tiến Yết	Đầu đường Xuân Lai	500		
	Đoạn 2	Đầu đường Xuân Lai	Giáp đê Hoàng Long	600		
3	Bám đê tả Hoàng Long	Giáp Gia Trung	Hết đất Gia Tiến (Núi Cấm Gươm)			
	Đoạn 1	Giáp Gia Trung	Đường rẽ thôn Xuân Lai	700		
	Đoạn 2	Đường rẽ thôn Xuân Lai	Hết đất Gia Tiến (Núi Cấm Gươm)	1.000		
4	Khu dân cư còn lại			180		
	Xã Gia Thắng					
1	Các trục đường thôn			300		
2	Khu dân cư còn lại			180		
	Xã Gia Phú					
1	Đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị Trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	700		
2	Dãy 2 đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị Trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	350		

http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
3	Đường vào thôn Thượng	Đầu đường ĐT 477	Giáp đê Hoàng Long	400		
4	Đường vào Liên Sơn	Đầu đường ĐT 477	Giáp đất Liên Sơn	350		
5	Đường vào thôn Đoan Bình	Đầu đường ĐT 477	Thôn Đoan Bình	400		
6	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT 477	Thôn Đồi	400		
7	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT 477 (Bưu điện)	Thôn Đồi	400		
8	Đường vào thôn Kính Trúc	Đường ĐT 477	Thôn Kính Trúc	400		
9	Dãy 2 bám đường ĐT 477	Giáp đất Gia Thịnh	Giáp đê tả sông Hoàng Long	300		
10	Đường Ngô Đồng Đồi đi Ngô Đồng Làng	Cuối Thôn Đồi	Giáp thôn Làng	300		
11	Khu dân cư còn lại			180		
	Xã Liên Sơn					
1	Đường 5 xã	Giáp đất Gia Phú	Hết đất Liên Sơn			
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Phú	Ngã 3 sông Cù		400	
	Đoạn 2	Ngã 3 sông Cù	Hết đất Liên Sơn		250	
2	Đường vào UBND xã cũ	Ngã 3 sông Cù	UBND xã cũ		300	
3	Ven đê Đầm Cút				300	
4	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại				200	
5	Khu dân cư còn lại				180	
	Xã Gia Hoà					
1	Đường 5 xã	Giáp đất Liên Sơn	Đê Đầm Cút xã Gia Hoà		400	
2	Đường Sẽ Chè - Đá Hàn	Cầu đổ Đá Hàn	Giáp đất Gia Thanh		300	
	Dãy 2 khu vực thôn Đá Hàn				350	
3	Đường trục xã					
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vân	Cầu Thượng		400	
	Đoạn 2	Cầu Thượng	UBND Xã Gia Hoà		500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caselaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Đoạn 3	UBND Xã Gia Hoà	Đường 5 xã		400	
4	Các tuyến đường phân lũ				350	
5	Ven đê Đầm Cút				350	
6	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại				250	
7	Khu dân cư còn lại				200	
	Xã Gia Hưng					
1	Đê tả sông Hoàng Long	Giáp đất Liên Sơn	K0 đập tràn			
	Đoạn 1 (Khu chợ Viến)	Giáp đất Liên Sơn	Đường Quang Trung		700	
	Đoạn 2	Ngã 3 đường Quang Trung	K0 đập tràn		300	
2	Đê Đầm Cút	K0 đập tràn	Giáp đất Liên Sơn		300	
3	Đường Quang Trung	Giáp đê Hoàng Long	Đê Đầm Cút		300	
4	Khu Bìa Cọt				300	
5	Đường Rừng Giang	Ngó 3 ao Chăm	Cầu rừng giang		300	
6	Đường Vua Đinh (Đi qua UBND xã)	Cống Nhong Nhỏng	Giáp đường Quang Trung		400	
7	Khu dân cư còn lại				180	
	Xã Gia Sinh					
1	Đường 19-8	Đường 12c	Âu Lê			
	Đoạn 1	Đường 12c	Trạm xá xã		1.000	
	Đoạn 2	Đường vào Xóm 4 (sau khu TĐC)	Âu Lê		500	
2	Đường tuyến 8b	Ngã 3 hàng	Trạm bơm Đồng Khám		900	
3	Đường quy hoạch	Đầu đường tuyến 8b	Ngã 4 nhà ông Thông		900	
4	Khu dân cư Ao Hồ				900	
5	Đường tuyến 6	Đường 12c	Hang Long Ân		600	
6	Khu Vụng Son và Khu dân cư Xuân Trì				900	
7	Đường du lịch cửa Ui	Đường 12c	Cửa Ui		500	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
8	Đường phân lũ chậm lũ	Tuyến 8	Ngã 4 Quai Trại		500	
9	Vị trí ven đường liên thôn còn				500	
10	Khu dân cư còn lại				250	
	Xã Gia Minh					
1	Đường trục xã	Đường ĐT477c	Ngã 4 chợ Gia Minh		200	
2	Đường đi xã Gia Phong	Cống Gia Minh	Xóm Đòng Bái (Giáp đất Gia Phong)		200	
3	Đường đi xóm Minh Đường xã Gia Lạc	Đầu xóm An Hoà	Giáp đất thôn Minh Đường		200	
4	Khu dân cư còn lại				180	
	Xã Gia Lạc					
1	Đường vào xóm Đông Thắng	Đầu đường ĐT477c	Giáp xóm Đông Thắng	250		
2	Đường vào UBND xã mới	Đầu đường ĐT477c	UBND xã mới	250		
		UBND xã mới	Nhà ông Vương xóm Nam Ninh	250		
3	Đường trục thôn Mai Sơn	Đầu đường ĐT477c	Giáp đê Hoàng Long	250		
4	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Thôn Lạc Thiện	250		
5	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Trạm biến thế thôn Lạc Thiện	250		
6	Đường Đồng Vài	Cửa nhà ông Tâm	Chợ Lạc Khoái mới	250		
7	Phía Đông, Nam khu chợ Lạc Khoái mới			250		
8	Đường vào chùa Hương Khánh	Đầu đường ĐT477c	Hết đất chùa Hương Khánh	250		
9	Phía Đông đê bắc sông Rịa	Đầu thôn Mai Sơn đI Gia Phong	Hết đất Gia L:ạc (Giáp đất Gia Phong)	250		
10	Đường 477c đi Gia Minh	Ngã 4 đường 477c đi Gia Minh	Hết đất Gia Lạc (giáp đất Gia Minh)	300		

Tài liệu này được lưu trữ tại http://confelandoan

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
11	Khu đồng Cổng Ngãi	Giáp khu dân cư Lạc Khoái	Mương tiêu khu đồng Vài	250		
12	Khu đồng Cổng Ngãi còn lại			250		
13	Phía trong đê hữu Hoàng Long	Lò gạch Gia Lạc	Đầu đập tràn	300		
	Phía trong đê hữu Hoàng Long	Đầu đập tràn	Giáp Âu Lê	250		
14	Khu tái định cư			180		
15	Khu dân cư còn lại			180		
	Xã Gia Phong					
1	Đường vào xóm Ngọc Động	Đầu đường ĐT477c	Đầu xóm 2,3 Ngọc Động	250		
2	Đường vào cánh chợ	Đường sân kho Ngọc Động	Đê Bắc Rịa	250		
3	Đường lên núi Con Mèo	Đầu đường ĐT477c	Núi con Mèo			
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477c	Chùa An Trạch	250		
	Đoạn 2	Chùa An Trạch	Núi Con Mèo	250		
4	Làn sông Bắc Rịa	Lò gạch ông Nguyên	Giáp cống Gia Lạc 4	250		
5	Khu dân cư còn lại			180		

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

BẢNG SỐ 5: GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN NHO QUAN

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN NHO QUAN (Đô thị loại V)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 477	Cầu Nho Quan	Hết bến xe khách TT Nho Quan	5.000	
2	Đường 12B	Hết Bến xe khách TT Nho Quan	Đến ngõ cổng Chợ dưới mới	4.500	
		Ngõ cổng Chợ dưới mới	Hộ ông Thêm (cũ)	4.200	
		Hộ ông Thêm(cũ)	Hết đất Thị trấn (mới)	3.000	
		Ngã tư bến xe	Hết Trạm xá Thị Trấn (cũ)	4.200	
		Hết Trạm xá Thị Trấn (cũ)	Bảng tin Phong Lạc (Lạng Phong cũ)	4.000	
		Hết bảng tin Phong Lạc (Lạng Phong cũ)	Đường rẽ Liêu Hạ	3.000	
		Đường rẽ Liêu Hạ	Đường vành đai	2.800	
		Đường vành đai	Hết đất Thị trấn (Giáp Văn Phong)	2.800	
3	Đường trước cổng UBND huyện	Bưu điện	Ngã tư Phong Lạc	2.500	
		Ngã tư Phong Lạc	Khu Phong Nhất	2.000	
4	Đường thanh niên	Ngã ba Phong Lạc	Hết trường mầm non Thị trấn	1.500	
		Hết trường mầm non Thị trấn	Hết trường tiểu học Thị trấn	1.200	
		Hết Trường tiểu học thị trấn	Đường 477(Ngã tư bến xe)	1.200	
5	Ngõ cổng chợ dưới	Đường 12B	Ngã ba vào chợ mới	2.000	
		Ngã ba vào chợ mới	Giáp đường Đồng Phong (Cũ)	1.500	
		Giáp đường Đồng Phong cũ	Đến hết đất Thị Trấn (Mới)	1.500	
6	Đường Phong Lạc	Đường 477	Bảng tin Phong Lạc	2.000	
7	Đường Bến than	Giáp đường Phong Lạc	Bờ kè đê Năm Căn	2.000	
		Cửa tường đê năm căn	Hồ Làng sào	1.400	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
8	Đường làng bái	Cửa hàng dược	Giáp đường rẽ vào Trường mầm non Thị trấn	800	
9	Đường Vành Đai	Đê năm căn	Đường 12B khu Phong Lai	1.600	
10	Đường sau bệnh viện (Tuyến 16)	Đường 12B	Giáp đất Đồng Phong (Đường vành đai)	1.600	
11	Đường vào chợ mới	Đường 12B	Cổng chợ mới.	2.000	
12	Khu dân cư Phong Nhất			1.200	
13	Khu dân cư phố Tiên Lạo			450	
14	Khu dân cư bám trục đường xương cá			650	
15	Khu dân cư khu vực chợ mới (Mới đấu giá)			1.400	
16	Khu dân cư còn lại			550	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 12B	Hết đất Thị trấn	Hết cửa hàng xăng dầu Đồng Phong	2.400	
		Cửa hàng xăng dầu Đồng Phong	Hết bờ máng nổi	2.000	
		Hết bờ máng nổi	Giáp Yên Thuỷ	1.800	
		Hết đất Thị trấn	Đến đường rẽ làng Ngải	1.400	
		Đường rẽ Làng Ngải	Đường rẽ nghĩa trang Liệt Sỹ (VP)	1.300	
		Đường rẽ Nghĩa trang Liệt Sỹ (VP)	Đường rẽ làng bến- Văn Phương	800	
		Đường rẽ làng Bến- Văn Phương	Trường Trung học Văn Phú	800	
		Trường Trung học Văn Phú	Đường vào Công ty May Văn Phú	1.000	
		Đường vào Công ty May Văn Phú	Đường Phùng Thượng	800	
		Đường Phùng Thượng	CH xăng dầu -ông Hồng -Phú lộc	1.900	
		CH xăng dầu -ông Hồng -Phú lộc	Cổng Trung đoàn 202	2.000	
		Cổng trung đoàn 202	Cầu Sòng Sanh	1.800	
		Cầu Sòng Sanh	Km 16 +300	1.500	
		Km 16 +300	Trạm điện Quỳnh Phong	1.700	
		Trạm điện Quỳnh Phong	UBND xã Sơn Hà	1.500	
		UBND xã Sơn Hà	Giáp thị xã Tam Điệp	1.000	
2	Đường 477	Cầu Nho Quan	UBND xã Lạc Vân (cũ)	2.200	
		UBND xã Lạc Vân (cũ)	Đường rẽ Phú Sơn	1.800	
		Ngã ba Phú Sơn	Đầu đê Đức Long rẽ vào làng Phú Nhiêu	1.000	
		Đầu đê Đức Long rẽ vào làng Phú Nhiêu	Hết Cầu Đế (Giáp Gia Viễn)	1.100	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
3	Quốc lộ 45	Ngã ba Phú Lộc	Hết Đập tràn	1.100	
		Đập tràn	Cầu gốc Sung (Chân dốc đá)	600	
		Cầu gốc Sung (Chân dốc đá)	Giáp Thanh Hoá	400	
4	Đường 12C Anh Trỗi	Ngã baAnh Trỗi	Cổng Nông trường Quỳnh Sơn cũ	1.400	
		Cổng N. trường Quỳnh Sơn (cũ)	Hết đất làng Me	1.000	
		Hết đất làng Me	Giáp Gia Viễn	900	
5	Đường du lịch Cúc Phương	Ngã tư Đồng Phong	Đường rẽ thương Binh C	1.500	
		Đường rẽ thương Binh C	Hết đất xã Đồng Phong	1.300	
		Hết đất xã Đồng Phong	Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang	1.000	
		Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang	Chân dốc Sườn Bò	900	
		Chân dốc sườn bò	Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương	900	
		Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương	Ngã ba Cây Phượng đường vào Vườn QG Cúc Phương	900	
		Ngã ba Cây Phượng đường vào Vườn QG Cúc Phương	Bưu điện Cúc Phương	900	
		Bưu điện Cúc Phương	Đường rẽ ao lươn	300	
		Đường rẽ ao lươn	Quốc lộ 45-Trại Ngọc (Phú long)	200	
6	Đường 479	Ngã ba chạ	Hết UBND xã Gia lâm	1.000	
		Hết UBND xã Gia Lâm	Hết thôn 7 xã Gia Lâm	1.000	
		Hết thôn 7 xã Gia Lâm	Hết đất xã Xích Thổ (Giáp Hoà Bình)	500	
7	Đường Phùng Thượng(Đường DL Núi Đính- Cúc Phương	Giáp đường12B	Hết đất xã Phú Lộc(Giáp Kỳ Phú)	800	
		Hết đất xã Phú Lộc (Giáp Kỳ Phú)	Hết Công ty Yên Phú(chân dốc Bệu)	500	
		Công ty Yên Phú (chân dốc Bệu)	Giáp đường Cúc Phương Trại Ngọc	400	

Tài liệu này được lưu trữ

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
8	Đường du lịch Núi Đính	Giáp đường 12 B	Hết đất xã Sơn Lai	800	
9	Đường Sơn Lai - Gia phong	Km 0	Giáp Gia Viễn(Cầu Chàng)	700	
10	Đường Lạc Vân - Thạch Bình	Ngã ba đường (Đường 477)	Hết xí nghiệp gạch Phú Sơn	600	
		Xí nghiệp gạch Phú Sơn	Đường rẽ J102	400	
		Đường rẽ J 102	Hết trường THCS Thạch Bình	300	
		Hết trường THCS Thạch Bình	Hết đất Thạch Bình (giáp Hoà Bình)	200	
11	Đường trước cửa Trường PTTH Đồng Phong	Giáp đất Thị trấn (Đường vành đai)	Giáp đường du lịch Cúc Phương	1.500	
12	Đường trục xã Đồng Phong	Đường Vành đai	Đường du lịch Cúc Phương	1.500	
		Đường DL Cúc Phương	Hết đất Đồng Phong (Giáp xã Yên Quang)	500	
13	Đường Nông trường Đồng Giao đi Phùng Thượng	Khe Gồi	Quốc lộ 45	400	
		Quốc lộ 45	Đường Phùng Thượng (Trung Tâm)	400	
		Đường PT đi Thường Xung- Đồng Chạo	Đường du lịch Cúc Phương	200	
14	Đường liên xã Thượng Hoà, Sơn Thành, Thanh Lạc	Đê hữu Hoàng Long	Đến trạm bơm Đồng Dược	350	
15	Đường liên xã Gia Thuỷ, Gia Sơn	Đường 479	Hết đất Gia Thuỷ, xã Gia Sơn	300	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanphapluat.vn

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đồng Phong, Lạng Phong, Phú Lộc, Quỳnh Lưu	Giáp đường trục chính của xã		350	
		Giáp đường trục thôn		300	
		Các thôn còn lại		200	
2	Thượng Hoà, Sơn Thành, Thanh Lạc, Gia Thuỷ, Gia Sơn, Xích Thổ, Thạch Bình	Giáp đường trục chính của xã		300	
		Giáp đường trục thôn		200	
		Các thôn còn lại		150	
3	Sơn Hà, Sơn Lai, Kỳ Phú, Phú Long, Cúc Phương, Văn Phong, Lạc Vân, Yên Quang, Phú Sơn, Gia Tường,Đức Long, Gia Lâm, Quảng Lạc, Văn Phú, Văn Phương	Giáp đường trục chính của xã		300	
		Giáp đường trục thôn		200	
		Các thôn còn lại		150	
4	Các thôn cận nhà máy xi măng Phú Sơn			400	
5	Khu dân cư Phong Thành			540	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

BẢNG SỐ 6: GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN YÊN KHÁNH

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN NINH (Đô thị loại V)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**KV1: Đường QL 10**				
	Đoạn 1	Cống đầm vít	Hết ngã tư đường vào trụ sở tiếp dân	3.000	
	Đoạn 2	giáp ngã tư đường vào trụ sở tiếp dân	Ngã tư đường vào bệnh viện huyện	4.000	
	Đoạn 3	Ngã tư đường vào bệnh viện huyện	Cầu Khương Thượng	3.500	
	Đoạn 4	Hết Cầu Khương thượng	Giáp ranh xã Khánh Nhạc	3.000	
	KV2: Đường Nội thị				
	Đoạn 1	Đường 10(Đường vào trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện)	Hết Trụ sở trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	2.000	
	Đoạn 2	Hết Trụ sở TT BD CT huyện	Giáp địa phận xã Khánh Hải	1.500	
	Đoạn 3	Giáp đường 10 (Đường Thanh Niên vào TT Y tế huyện)	Hết Doanh Nghiệp Cát Tường(Công ty Excel)	2.500	
	Đoạn 4	Hết Công ty Excel	Giáp địa phận xã Khánh Hải	1.700	
	Đoạn 5	Giáp Đường 10 (đường đi cống viềng)	Hết Trường THCS Lê Quý Đôn	900	
	Đoạn 6	Giáp đường đi vào TT BDCT(gần Toà án)	Hết Cống ông Tước	600	
	Đoạn 7	Đường từ giáp CT KTCT thuỷ lợi	Hết đường(đi xuống phía nam)	650	
	Đoạn 8	Đường giáp trường THCS Thị trấn	Hết đường(đi xuống phía nam)	600	
	Đoạn 9	Giáp đường 10 (đi Khánh Hải)	Hết khuôn viên Chợ Ninh	900	
	Đoạn 10	Giáp đường 10(ngân hàng NN)	Giáp địa phận Khánh hải	750	
	Đoạn 11	Giáp đường 10(Dưới trạm X. Khẩu)	Giáp địa phận Khánh hải	800	
	Đoạn 12	Giáp đường 480B hướng đi UBND xã Khánh Ninh cũ	Ngã ba đường đi Chùa Tây	700	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
2	Đoạn 13	Giáp đường 480B hướng đi xóm Thượng Đông	Hết đường xómThượng Đông	650	
	Đoạn 14	Giáp đường 10 (ngõ ông Thiêm, ông Sinh)	Ngã 3 đường xuống trường THCS Lê Quý Đôn	700	
	Đoạn 15	Giáp Trạm Xá Khánh Ninh(cũ) hướng đi đê Sông Vạc	Hết đường giáp đê sông Vạc	600	
	Đoạn 16	Giáp đường 10 (phố 5)	Ngã tư Khu đông (giáp tuyến 11)	700	
	Đoạn 17	Giáp đường 10 (phố 6)	Hết Xí nghiệp Tiền Tiến (cũ)	650	
	Đoạn 18	Giáp phòng khám đa khoa Thành Tâm (Đường đê sông mới)	Hết tuyến đường 11 (hướng đi Khánh Hội)	1.000	
	Đoạn 19	Giáp tuyến đường 11 (đường đê sông mới)	Giáp xã Khánh Hội	800	
	Đoạn 20	Giáp đường 10 Nam sông mới	Giáp địa phận xã Khánh Nhạc	1.000	
	Đoạn 21	Giáp đường quốc lộ 10 (giáp Nhà ông Tuấn đường tuyến 32)	Hết tuyến 32 giáp xã Khánh Hải	1.500	
	Đoạn 22	Đầu tuyến 11 giáp tuyến 32	Ngõ nhà ông Tư kéo dài đến tuyến 11	1.100	
	Đoạn 23	Ngõ nhà ông Tư kéo dài đến tuyến 11	Giáp đường khu tái định cư 2 (hết trụ sở viện kiểm sát)	1.200	
	Đoạn 24	Giáp đường khu tái định cư 2 (giáp trụ sở viện kiểm sát)	Giáp đường NHNN đi Khánh Hải	1.200	
	Đoạn 25	Giáp đường NHNN đi khánh Hải	Đường nhà ông Trạc (trường cấp I)	1.300	
	Đoạn 26	Đường nhà ông Trạc (trường cấp I)	Hết ngã tư đường xóm thôn khu đông	1.100	
	Đoạn 27	Ngã tư đường xóm thôn khu đông	Đường đê sông mới	900	
	Đoạn 28	Giáp đường QL10 (hướng đi Chùa Tây)	Hết ngã 3 đường đi trụ sở UBND xã Khánh Ninh cũ	750	
	KV3: Đường 480 B				

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
3	Đoạn 29	Đường 10	Hết trường Tiểu học Kim Đồng	2.200	
	Đoạn 30	Hết trường Tiểu học Kim Đồng	Giáp ngã 3 vào trụ sở UBND xã K.Ninh cũ	1.800	
	Đoạn 31	Ngã 3 đường xuống trụ sở UBND xã Khánh Ninh cũ	Cầu rào	1.200	
4	**KV4**	Khu dân cư mới phía Đông Nam đường Cầu kênh		1.800	
		Khu tái định cư 2 sau viện kiểm sát huyện		700	
5	**KV5**	Các đường còn lại		500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Đường QL10**				
	Đoạn 1	Giáp Thành phố Ninh Bình	Hết cầu Yên vệ	3.800	
	Đoạn 2	Hết cầu Yên vệ	Hết đất xã Khánh Phú	4.000	
	Đoạn 3	Hết đất xã Khánh Phú	Ngã 3 đường vào UBND xã Khánh An	3.500	
	Đoạn 4	Ngã 3 đường vào UBND xã Khánh An	Ngã 3 đường vào Trường THPT Yên Khánh B	2.800	
	Đoạn 5	Ngã 3 đường vào Trường THPT Yên Khánh B	Hết Bưu điện Văn hoá xã Khánh Cư	2.200	
	Đoạn 6	Hết Bưu điện Văn hoá xã Khánh Cư	Hết Cống Ngòi 30	1.800	
	Đoạn 7	Hết Cống ngòi 30	Giáp đường kênh ấp bắc (hết nhà ông Phương)	1.700	
	Đoạn 8	Giáp đường kênh ấp bắc (hết nhà ông Phương)	Hết Cống đầm Vít (Giáp địa phận TT Ninh)	1.900	
	Đoạn 9	Hết địa phận Thị trấn Yên Ninh	Hết đường vào Nghĩa trang nhân dân K.nhạc	2.000	
	Đoạn 10	Giáp đường vào Nghĩa trang nhân dân K.nhạc	Hết Bưu điện Văn hoá xã Khánh Nhạc	3.600	
	Đoạn 11	Hết Bưu điện Văn hoá xã Khánh Nhạc	Ngã tư đường vào xóm 6 xã Khánh Nhạc	4.500	
	Đoạn 12	Ngã tư đường vào xóm 6 xã Khánh Nhạc	Hết ao Miếu Thôn Đỗ	2.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanphap.ninhbinh.gov.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 13	Hết ao Miếu Thôn Đỗ	Hết Cầu ông Cúc	1.400	
	Đoạn 14	Hết Cầu Ông Cúc	Cầu giáp địa phận đất trại giống lúa Khánh Nhạc	1.100	
	Đoạn 15	Cầu giáp địa phận đất trại giống lúa Khánh Nhạc	Giáp địa phận huyện Kim Sơn	1.300	
	Đường tránh Quốc lộ 10				
	Đoạn 1	Giáp đường Quốc lộ 10 (Khánh Cư)	Hết sông Đầm Vít	1.300	
	Đoạn 2	Giáp sông Đầm Vít	Giáp đường chùa chè	1.700	
	Đoạn 3	Giáp đường chùa chè	Giáp đê sông Mới	2.000	
	Đoạn 4	Giáp đê sông Mới	Giáp đường QL 10 (Km số 11)	1.600	
	Đường 58 (cũ)				
	Đoạn 1	Ngã 3 Thông (giáp đất ở nhà ông Đức)	Giáp ngã ba chùa Trung	900	
	Đoạn 2	Ngã ba chùa Trung	Ngã 4 đường 481B và đường WB2 Khánh Lợi	700	
	Đoạn 3	Ngã 4 đường 481B và đường WB2 Khánh Lợi	Hết đất cây xăng Khánh Lợi	900	
	Đoạn 4	Hết đất cây xăng Khánh Lợi	Ngã 4 đường vào UBND xã K.Thiện	800	
	Đoạn 5	Ngã 3 đường vào UBND xã K.Thiện	Giáp Cầu Âu	2.500	
	Đoạn 6	Cầu Âu	Cầu Xanh	1.500	
	Đoạn 7	Cầu Xanh	Ngã ba hết đất bà Hiên (hết nhà văn hóa xóm 2NC)	1.000	
	Đoạn 8	Ngã ba hết đất bà Hiên (hết nhà văn hóa xóm 2NC)	Ngã ba hết đất ông Liên xóm 1NC	900	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luatvietnam.vn

	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 9	Ngã ba giáp đất ông Liên (khu vực cầu đầm)	Ngã ba hết đất ông Tiếu	1.200	
	Đoạn 10	Ngã ba hết đất ông Tiếu	Hết cống 61(giáp Khánh Trung)	900	
	Đoạn 11	Cống 61(giáp Khánh Cường)	Giáp đường thôn 20 (hết đất ông Tuy)	1.000	
	Đoạn 12	Giáp đường thôn 20	Giáp cống sang Khánh Mậu (hết đất ông Tâm đường thôn 21)	1.800	
	Đoạn 13	Cống Sang Khánh Mậu (giáp đường thôn 21)	Hết nhà thờ Khánh Thành	800	
	Đoạn 14	Hết Nhà Thờ xã Khánh Thành	Giáp đất ông Bảng	1.200	
	Đoạn 15	Đất ông Bảng	Hết bến xe Khánh Thành(giáp đất ông Hoàn)	1.800	
	Đoạn 16	Cầu đầm	Ngã ba đường đi xóm 7 K.Mậu (hết đất ô.Toàn, ô.Bốn)	1.200	
2	Đoạn 17	Ngã ba đường đi xóm 7 K.Mậu (hết đất ô.Toàn, ô.Bốn)	Cống sông bốt (đường vào trường THCS K.Mậu)	800	
	Đoạn 18	Cống sông bốt K.Mậu (đất bà Đề)	Ngã tư đường đi xóm 2, xóm 10 (hết đất ông Thắng, ông Chinh)	1.700	
	Đoạn 19	Ngã tư đường đi xóm 2, xóm 10 Khánh Mậu	Giáp trường THCS xã Khánh Hội	1.000	
	Đoạn 20	Trường THCS xã Khánh Hội	Giáp kênh đoạn cua tay áo	1.100	
	Đoạn 21	Giáp kênh đoạn cua tay áo	Hết đường vào trường THPT Yên Khánh A	1.200	
	Đoạn 22	Giáp đường vào trường THPT Yên Khánh A	Hết trạm bơm Tam Châu xã Khánh Nhạc	1.300	
	Đoạn 23	Trạm bơm Tam Châu Xã Khánh Nhạc	Giáp Trụ sở HTXNN Đồng tiến Khánh Nhạc	2.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đoạn 24	Trụ sở HTX NN Đồng Tiến Khánh Nhạc	Ngã 3 đường xuống xóm 8 (đường sau trụ sở UBND xã K.Nhạc)	2.500	
	Đoạn 25	Ngã 3 đường xuống xóm 8 (đường sau trụ sở UBND xã K.Nhạc)	Giáp địa phận đường QL 10	3.500	
	Đoạn 26	Ngã tư giáp Đường quốc lộ 10	Giáp ranh giới Trường bán công huyện Yên Khánh	3.500	
	Đoạn 27	Giáp ranh giới Trường bán công huyện Yên Khánh	Ngã 4 gốc gạo đường vào Chùa Nhạc (Xóm Chùa Khánh Nhạc)	2.500	
	Đoạn 28	Ngã 4 gốc gạo đường vào Chùa Nhạc (Xóm Chùa Khánh Nhạc)	Trạm biến thế Trung gian Khánh Nhạc	1.300	
	Đoạn 29	Trạm biến thế Trung gian Khánh Nhạc	Hết Cống Kỳ giang(Khánh Nhạc)	1.000	
	Đoạn 30	Hết Cống Kỳ giang(Khánh Nhạc)	Hết Trụ sở UBND xã Khánh Hồng (cũ)	1.200	
	Đoạn 31	Trụ sở UBND xã Khánh Hồng (cũ)	Giáp Ngã 3 đường đi K. sơn (xã Khánh Hồng)	900	
	Đoạn 32	Ngã 3 đường đi K.Sơn (xã Khánh Hồng)	Trạm bơm cổ Quàng	650	
3	**Đường Bái đính Kim Sơn**	Ngã ba đường cứu hộ đê Đáy (đầu KCN K.Cư)	Đến giáp cầu qua sông Đáy tại xã Khánh Thiện	715	

Tài liệu lưu trữ

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Xã Khánh Hoà**				
	Đường vào trụ sở UBND xã				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Ngã ba đường vào đền Đông	1.800	
		Ngã ba đường vào đền Đông	Hết trường THCS xã Khánh Hoà	1.200	
	Các đoạn đường trục xã còn lại			750	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		500	
		Khu dân cư còn lại		250	
2	**Xã Khánh Phú**				
	Đường xã				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Vào 300m (Các đường xã)	1.500	
	Khu tái định cư			800	
	Các đoạn đường trục xã còn lại			600	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		400	
		Khu dân cư còn lại		250	
3	**Xã Khánh An**				
	Đường vào trụ sở UBND xã và Trường THPT Yên Khánh B				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Hết trường THYKB và Hết trường mầm non Yên Văn	1.800	
		Hết trường Mầm non Yên Văn	Hết Trụ sở UBND xã K.An	1.400	
		Từ Trụ sở UBND xã K.An	Đến đình Yên Phú	1.200	
		Từ đình Yên phú	Đến Cống Đá	700	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://lawnet.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Hết trường THYKB	Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã (cửa ông Hiếu)	800	
	Đường dẫy 2 đường 10			1.000	
	Các đường trục xã còn lại			450	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		300	
		Khu dân cư còn lại		250	
4	**Xã Khánh Cư**				
	Đường 480C				
		Đường QL 10	Ngã ba đường vào UBND xã	1.000	
		Ngã ba đường vào UBND xã	Giáp huyện Yên Mô	800	
	Đường vào trụ sở UBND xã				
		Các đường từ giáp địa phận đường QL 10	Ngã ba đường vào UBND xã	700	
		Ngã ba đường vào UBND xã	Đến ngã 3 giáp đường 480 C	450	
		Các đường trục xã còn lại		350	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		300	
		Khu dân cư còn lại		230	
5	**Xã Khánh Vân**				
	Đường vào trụ sở UBND xã				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Ngã tư đường vào xóm 1 (giáp trạm Điện Vân Tiến)	1.200	
		Ngã tư đường vào xóm 1 (trạm Điện Vân Tiến)	Ngã tư hết Trụ sở UBND xã	900	
		Ngã tư hết Trụ sở UBND xã	Đến giáp đê sông vạc	600	
		Đường cứu hộ (xóm 2 Xuân Tiến)	Đến giáp đê sông vạc	800	
	Các đường trục xã còn lại			350	

Tài liệu được lưu trữ tại http://cafeland.vn

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	* Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		250	
		Khu dân cư còn lại		200	
6	**Xã Khánh Hải**				
	Đường Vân Lai đi xóm lẻ				
		Ngã ba giáp đường QL 10 (nhà ông Hiền)	Giáp đường tránh QL10 (giáp đất ông Phước)	700	
		Giáp đường tránh QL10 đi Vân Lai	Ngã ba hết đất ông Năng	600	
	Đường Hiệu sách đi UBND xã				
		Giáp thị trấn Yên Ninh	Giáp đường tránh QL10	1.100	
		Giáp đường tránh QL10	Ngã tư hết Trụ sở UBND xã	900	
	Đường Thanh Niên				
		Giáp thị trấn Yên Ninh	Đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai)	1.100	
		Đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai)	Giáp xã Khánh Lợi (trạm điện)	900	
	Đường chùa Chè				
		Từ giáp đường tránh QL10	Giáp đường 481B	600	
	Các đường trục xã còn lại			400	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		300	
		Khu dân cư còn lại		250	
7	**Xã Khánh Lợi**				
		Giáp xã Khánh Hải (Đường Thanh Niên)	Ngã tư (cầu bạc liêu)	650	
		Ngã tư (cầu bạc liêu)	Giáp ngã ba hàng	800	
		Giáp đường 481B	Giáp xã Khánh Thiện thuộc đường Thanh Niên	500	
		Các đường trục xã còn lại		300	
	Khu dân cư				

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Đường ô tô vào được		250	
		Khu dân cư còn lại		180	
8	**Xã Khánh Tiên**				
		Giáp xã K. Thiện(Đường Thanh Niên)	Đến Cống đám hát	400	
		Từ Cống đám hát	Hết cửa hàng mua bán Tiền phong cũ	500	
		Các đường trục xã còn lại		300	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		200	
		Khu dân cư còn lại		170	
9	**Xã Khánh Thiện**				
		Giáp xã Khánh Lợi (Đường Thanh Niên)	Giáp xã Khánh Tiên (đường Thanh Niên)	600	
		Ngã 3 đường từ đường 58 vào UBND xã Khánh Thiện	Hết Trụ sở UBND xã Khánh Thiện	700	
		Từ ngã ba đối diện nghĩa trang Liệt Sỹ	Giáp đường Thanh Niên	500	
		Các đường trục xã còn lại		400	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		300	
		Khu dân cư còn lại		270	
10	**Xã Khánh Hội**				
		Giáp Chùa lê	Hết Trạm xá xã Khánh Hội	600	
		Các đường trục xã còn lại		400	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		250	
		Khu dân cư còn lại		200	
	Xã Khánh Mậu				

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caferm.com

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Ngã ba đối diện UBND xã (đường chợ Trung)	Ngã ba cầu ông Phụ (hết đất ông Thuỷ)	800	
		Ngó ba bưu điện xã (giỏp đường 481B)	Nhà văn hoá xóm 3	550	
11		Ngã ba cầu ông Phụ	Ngã ba đối diện nhà bà Năm	450	
		Các đường trục xã còn lại		350	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		250	
		Khu dân cư còn lại		200	
	Xã Khánh Nhạc				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Vào 200 m(các đường xã trừ đường 58)	700	
12		Giáp địa phận Đường 58(cũ)	Vào 100m các đường trục xã	500	
		Các đường trục xã còn lại		450	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		400	
		Khu dân cư còn lại		250	
	Xã Khánh Cường				
		Ngã ba giáp đường481B đi UBND xã	Ngã ba (hết đất ông Cường)	900	
		Ngã ba (hết đất ông Cường)	Hết trụ sở UBND xã	500	
		Ngã 3 (cống xóm 6 nam cường nhà ông Quân)	Ngã ba xóm 9 Nam cường (hết đất ông Hanh)	450	
13		Ngã ba xóm 9 Nam cường (hết đất ông Hanh)	Hết đường gạo giáp khánh Trung	400	
		Các đường trục xã còn lại		300	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		200	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Khu dân cư còn lại		170	
14	**Xã Khánh Trung**				
		Giáp đường 481C	Ngã ba đường đi thôn 20 (hết đất bà Hoạt)	1.000	
		Ngã ba đường đi thôn 20 (hết đất bà Hoạt)	Ngã ba đường UBND xã (hết đất bà Đức)	650	
		Ngã ba đường UBND xã (hết đất bà Đức)	Cống ngã tư thôn 3 (hết đất nhà ông Hải)	500	
		Ngã ba UBND xã đi Khánh Cường (đường gạo)	Cống 61 giáp Khánh Cường	400	
		Các đường trục xã còn lại		300	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		300	
		Khu dân cư còn lại		200	
15	**Xã Khánh Thành**				
		Giáp bến xe Khánh Thành	Ngã tư đền xóm 8	800	
		Ngã tư đền xóm 8 (cống ông Quyền)	Hết ngã ba cống ông Hào	650	
		Ngã ba cống ông Hào	Giáp đường 481D (đường đi đò 10)	350	
		Đò 10 (đường 481D)	Giáp huyện Kim Sơn	550	
		Ngã tư cống nhà ông Quyền đi Khánh Trung	Cống hết đất ông Kết	350	
		Ngã tư cống nhà ông Quyền đi Khánh Công	Giáp cống ông Hào	350	
		Cống giao đường 481B (đường sông Tiên Hoàng)	Cầu xây (giáp ông Hưng - xóm 19)	350	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vbpl.vanbanfeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Cầu xây (giáp ông Hưng - xóm 19)	Giáp đê sông Đáy	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		200	
		Khu dân cư còn lại		170	
16	**Xã Khánh Công**				
		Ngã 3 giáp đường 58	Hết trụ sở UBND xã K.Công	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		200	
		Khu dân cư còn lại		170	
17	**Xã Khánh Thuỷ**				
		Khu vực UBND xã			
		Cầu giáp đường 58 (cống ông ái)	Cống ông Quân hết đất ông Tiến	400	
		Giáp cống ông Quân	Ngã tư (UBND xã)	400	
		Ngã tư UBND xã đi Khánh Mậu	Ngã ba (hết đất ông Vinh)	500	
		Ngã ba (hết đất ông Vinh)	Hết đất Khánh Thủy xóm mới (giáp Khánh Hội)	350	
		Ngã tư UBND xã đi Trại giống lúa	Cầu sông Tiến (nhà ông Khiển)	400	
		Ngã tư UBND xã đi Chính Tâm	Ngã ba giáp ông Tần	450	
		Ngã ba đường trại giống Khánh Nhạc	Hết đất ông Sài (giáp Khánh Hội)	350	
		Khu vực chợ Chính Tâm			
		Cống sang chợ Khánh Thành (đường 58)	Hết đất ông Giao	400	
		Hết đất ông Giao	Giáp cống ông Chu	370	
		Giáp cống ông Chu	Cống trạm xã cũ	400	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vcafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Cống ba nhà ông Hướng	Giáp ngã ba nhà ông Hướng	500	
		Ngã ba nhà ông Hướng	Ngã ba hết đất ông Tần	400	
		Nhà ông Công, Huệ giáp Chính Tâm	hết nhà văn hóa xóm 8	500	
		Nhà văn hóa xóm 8	Hết đất ông Thanh (cống ông Tường giáp xã Hồi Ninh)	350	
		Các đường trục xã còn lại		300	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		200	
		Khu dân cư còn lại		170	
18	**Xã Khánh Hồng**				
		Giáp địa phận đường 481B (đường 58 cũ)	Cách 100 m các đường xã	500	
		Các đường trục xã còn lại		350	
	Khu dân cư				
		Đường ô tô vào được		250	
		Khu dân cư còn lại		200	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeluat.com

BẢNG SỐ 7: GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN YÊN MÔ

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN YÊN THỊNH (Đô thị loại V)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 480	Cầu Yên Thổ 1	Đường vào nhà máy nước (Đường mới)	1.200	
		Cầu Yên Thổ 1	Hết cây xăng (Đường cũ)	1.000	
		Giáp đường vào nhà máy nước	Giáp cây xăng Anh Thảo	1.500	
		Giáp cây xăng Anh Thảo	Giáp DN Hồng Nhung	3.000	
		DN Hồng Nhung	Đường vào bệnh viện mới	3.500	
		Đường vào bệnh viện mới	Đường vào khu 2 (UBND TT cũ)	3.500	
		Đường vào UBND thị trấn (cũ)	Đường vào trạm Ytế Yên Phú	3.000	
		Đường vào trạm Ytế Yên Phú	Đường vào Bồ Vi	2.000	
		Đường vào Bồ Vi	Đường vào Đông Nhạc	1.500	
		Đường vào Đông Nhạc	Hết đất Thị trấn	1.200	
2	Đường đi Khánh Dương 480C	Ngã tư thị trấn Yên Thịnh	Đường vào cấp I thị trấn	2.500	
		Đường vào cấp I thị trấn	Cầu Kiệt	1.500	
3	Đường vào bệnh viện mới	Đường 480	Hết chợ Ngò	3.000	
		Giáp chợ Ngò	Hết bệnh viện	3.000	
		Hết bệnh viện	Ngã tư	3.000	
		Ngã Tư	Cầu Lạc Hiền	1.500	
4	Đường vào UBND Thị trấn	Đường 480 (cạnh nhà ông Vinh)	Hết đất ông Đức	1.000	
		Giáp đất ông Đức	Hết UBND Thị trấn	600	
		Hết UBND Thị trấn	Hết Trạm Bơm Yên Phú	400	
		Hết UBND Thị Trấn	Cầu chợ Chớp	400	
5	Đường vào nhà thi đấu	Đường 480	Đường vào cấp I thị trấn	1.600	

6	Đường vào phòng giáo dục	Đường Ngô Khánh Dương	Đường vào nhà thi đấu	1.200	
7	Đường cạnh truyền thanh	Đường Ngô Khánh Dương	Đường vào nhà thi đấu	1.000	
8	Đường vào cấp I thị trấn	Đường Ngô Khánh Dương	Trường cấp I TT Yên Thịnh	1.000	
9	Đường vào trạm Ytế Thị trấn	Đường Ngô Khánh Dương	Đình Vật	700	
11	Đường đi Khương Dụ	Đình Vật	Giáp Yên Phong	400	
10	Đường khu 2 (Vào UBND TT cũ)	Đường 480	Đình Vật	400	
12	Đường khu I	Cạnh nhà ông Chín	Đường đi Khương Dụ	300	
13	Đường vào xóm Mậu Thịnh	Đường 480	Hết đất ông Vương	300	
14	Đường vào Bồ Vi	Đường 480	Hết đất ông Chinh	300	
15	Đường vào Trung Hậu	Đường 480	Hết đất TT Yên Thịnh (ông Khang)	300	
16	Đường cạnh ao nhà thờ Yên Thổ	Đường 480	Nhà Văn hóa xóm Yên Thổ	400	
17	Đường cạnh anh Minh Yên Thổ	Đường 480	Hết đất TT Yên Thịnh	300	
18	Đi Đông Nhạc	Giáp ông Tác	Đường đi Khương Dụ	300	
19	Khu đấu giá	Giáp ông Tiền	Hết khu đấu giá	1.000	
		Giáp ông Luyến	Hết đường bê tông	800	
		Giáp ông Quang	Hết đường bê tông	800	
		Giáp ông Quyết	Hết đường bê tông	800	
20	Khu dân cư Phú Thịnh		Khu 3	1.500	
			Khu 4	1.200	
			Khu 5	1.000	
			Khu 6	1.200	
			Khu 7	1.200	
21	Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		300	
		Còn lại		250	

Tài liệu này được lưu trữ

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

1. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Quốc lộ 1A**	Cầu Ghềnh	Giáp cây xăng Công an tỉnh	3.700	
		Giáp cây xăng Công an tỉnh	Giáp cây xăng số 2	3.200	
		Giáp cây xăng số 2	Cầu Vó	3.000	
	Bên kia đường sắt	Cầu Ghềnh (Phía Nam)	Đường vào núi Mơ	550	
	Bên kia đường sắt	Đường vào núi Mơ (phía Nam)	Cầu Vó	600	
	Đường 480	Đường sắt	Hết Cổng trại trại giam	3.000	
		Hết Cổng trại trại giam	Hết nhà ông Nguyện xóm 3	2.500	
		Hết nhà ông Nguyện xóm 3	Hết Công ông Tôn	2.200	
		Hết Công ông Tôn	Đường ngõ bà Cảnh	2.200	
		Đường ngõ bà Cảnh	Hết Cống Mơ	1.700	
		Hết Cống Mơ	Hết Cầu Yên thổ 2	1.700	
		Hết Cầu Yên thổ 2	Đường vào UBND xã	2.000	
		Đường vào UBND xã	Cổng trường cấp 3	1.700	
		Cổng trường cấp 3	Hết cầu Yên Thổ 1 (Đường mới)	1.500	
		Cống ông Am	Cầu Yên Thổ 1 (Đường cũ)	1.000	
		Đường vào Trạm Máy Kéo	Đường vào nhà MN Y.Phong	2.600	
		Đường vào nhà MN Y.Phong	Đường vào xóm Vân Mộng	3.000	
		Đường vào xóm Vân Mộng	Hết công ty Thuỷ Nông	2.000	
		Hết công ty Thuỷ Nông	Cây gạo Ngoại thương	1.500	
		Cây gạo Ngoại thương	Đền Phương Độ	1.000	
		Đền Phương Độ	Cầu Lồng mới (Đường Mới)	700	
		Đền Phương Độ	Cầu Lồng Cũ (Đường cũ)	600	

2		Cầu Lồng cũ	Hết Cống Gõ (Đường cũ)	700	
		Hết Cống Gõ	Hết Đường vào XN gạch Yên Từ (Đ	800	
		Cầu Lồng mới (Đường Mới)	Hết Đường vào XN gạch Yên Từ	700	
		Hết Đường vào XN gạch Yên Từ	Đền cây Đa	700	
		Hết Đền Cây Đa	Hết Ngân hàng KV Bút	3.000	
		Hết Ngân hàng KV Bút	Hết Cầu Bút	3.500	
		Hết Cầu Bút	Hết Cống giáp trường cấp IIIB	2.500	
		Hết Cống giáp trường cấp IIIB	Đường vào Đông Sơn(Ô.Chính)	2.000	
		Đường vào Đông Sơn(Ô.Chính)	Đường vào trạm Ytế xã Y. Mạc		
			Hướng tây nam	1.500	
			Hướng đông bắc	1.300	
		Đường vào trạm Ytế xã Y. Mạc	Ngã ba Hồng Thắng	1.300	
		Ngã ba Hồng Thắng	Giáp Yên Lâm (Đường mới)	1.200	
		Ngã ba Hồng Thắng	Hết Cống Giếng Trại (Đường cũ)	800	
		Giáp Yên Mạc	Hội trường HTX Ngọc Lâm	1.200	
		Hội trường HTX Ngọc Lâm	Cầu Lợi Hoà	1.400	
		Cầu Lợi Hoà	Kim Sơn	900	
3	**Đường TT.Yên Thịnh-K.Dương**	Cầu Kiệt	Hết Đền xóm Gạo	1.000	
		Hết Đền xóm Gạo	Hết Cầu ông Trùy	900	
		Hết Cầu ông Trùy	Cầu Tràng	900	
4	**Đường 480B (Lồng - Cầu Rào)**	Ngã ba Lồng	Giáp UBND xã Yên Phong	2.300	
		Giáp UBND xã Yên Phong	Giáp trường cấp II Y.Phong	1.300	
		Giáp trường cấp II Y.Phong	Cầu Rào	1.000	
5	**Đường 480D (Cống Gõ - T.Điệp)**	Đường 480 (Cống Gõ)	Ngã 4 (Đường vào xã)	900	
		Ngã 4 (Đường vào xã)	Hết Cầu Lộc	850	
		Cống Dem	Cống Quán	600	
		Cống Quán	Đê hồ Eo Bát	700	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vbpl.vn

		Đê Eo Bát	Giáp Đông Sơn (TXTĐ)	600	
6	Đường 480E (Yên Phong - K.Sơn)	UBND xã Yên Phong	Đường vào xóm Mỹ Thành	1.300	
		Đường vào xóm Mỹ Thành	Trạm bơm Lái Bầu	800	
		Hết Trạm bơn Lái Bầu	Giáp Yên Từ	600	
		Giáp Yên Phong	Trạm Ytế xã Yên Từ	2.400	
		Trạm Ytế xã Yên Từ	Hết nhà ông Hợp	3.200	
		Hết nhà ông Hợp	Đường vào Xuân Đồng	2.200	
		Đường vào Xuân Đồng	Hết Cầu Phương Nại	1.600	
		Cầu Phương Nại	Ngã Tư xóm Trung	900	
		Ngã Tư xóm Trung	Cầu ông San	800	
7	**Đường trục các xã**				
	Xã Yên Từ	Ngã tư chợ Quán	Cổng làng Nộn Khê	4.000	
		Cổng làng Nộn Khê	Hết ao đình Nộn Khê(ông Phú)	2.000	
	Xã Yên Mạc (Đi Yên Nhân)	Đường 480	Cầu Hà Thanh	1.500	
	Xã Yên Thắng	Giáp Cầu Tu	Đường rẽ vào Vân Thượng 1	1.600	
		Đường rẽ vào Vân Thượng 1	Hết Trường cấp II	1.400	
	Xã Yên Hòa	Hết UBND xã Yên Hoà	Hết Cầu Lạc Hiền	1.500	

Tài liệu đã được lưu trữ tại

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
1	**Xã Yên Hưng**					
	Đường liên xã WB2	Hết Cầu chợ Chớp	Hết Chùa xóm Giò	550		
		Hết Chùa xóm Giò	Nhà máy nước	550		
		Nhà máy nước	Giáp Yên Mỹ	450		
		Cống ông Chuôi	Giáp cống vào UBND xã	400		
		Giáp cống vào UBND xã	Hết nhà ông Điền	300		
	Đường đê sông Ghềnh	Từ nhà ông Ới	Trường cấp I	250		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Còn lại	180		
2	**Xã Yên Mỹ**					
	Đường vào xã	Ngã 4 (Đường vào xã)	Hết Trạm biến thế	600		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống xóm 8	500		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống Mát Rồng	600		
		Hết Cống Mát Rồng	Hết Đền Cây Đa	500		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống xóm 10	400		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	300		
			Còn lại	250		
3	**Xã Khánh Thịnh**					
		Cầu Kiệt	Hết Cống trạm bơm(ông Chánh)	800		
		Hết Cống trạm bơm(ông Chánh)	Hết Cống cửa ông Nhậm	900		
		Từ nhà ông Đạt	Cổng nhà ông Huyên (xóm 11)	400		
		Từ nhà máy nước	Ao ông Nhật	250		
		Từ nhà ông Chuyên	Cống Đồng Vôi	450		
		Nhà ông Mậm	Hết nhà ông Chu	400		

Tài liệu này được luu trữ tại www.cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Nhà Ông Chuyên	Nhà ông Thiều	350		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	250		
			Còn lại	180		
4	**Xã Khánh Dương**					
	Ngã 3 xóm hàng đến giáp đê sông Vạc	Ngã 3 xóm Hàng	Hết xóm 2	500		
		Hết xóm 2	Giáp sông Vạc	450		
		Ngã 4 Thạch Lỗi	Hết xóm 4	300		
		Ngã 3 xóm Đình	Chùa Tam Dương	300		
	Đi khánh thịnh	Giáp nhà anh Giao	Giáp nhà anh Bốn	500		
		Giáp nhà ông Toàn xóm 1	Giáp nhà ông Đượng	300		
		Giáp Nhà ông Luân(cửa nhà bia)	Hết Trạm Ytế xã	350		
		Hết Trường cấp II	Xóm 1 Thạch Lỗi	300		
		Đường vào khu đấu giá Bệnh viện		800		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Còn lại	180		
5	**Xã Yên Phong**					
	Đi Khánh Thịnh	Đường 480	Giáp xóm Vân Mộng	400		
		Khương Dụ	Giáp Khánh Thịnh	400		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	250		
			Còn lại	200		
6	**Xã Yên Từ**					
		Cổng làng Nộn Khê	Hết chợ Nuốn	1.000		
		Hết chợ Nuốn	Hết Cầu Nuốn	700		
		Hết ao đình Nộn Khê(ông Phú)	Hết nhà ông Cam (Ao chăn nuôi)	700		
		Ngã tư chợ Quán(giáp ông Hùng)	Hết Nhà Văn hoá xóm Đông	500		

Tài liệu này được http://cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Ngã 3 Phúc Lại	Hội trường HTX Phúc Lại	500		
		Đường 480	Chợ mới	600		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	250		
			Còn lại	220		
7	**Xã Yên Nhân**					
		Cầu Hà Thanh	Đường vào Quyết Trung	900		
		Đường vào Quyết Trung	Hết Nhà ông Toản (Yên Sư)	750		
		Nhà ông Toản (Yên Sư)	Ngã Tư xóm Trung (Liên Phương)	900		
		Ngã Tư xóm Trung	Đê Sông Vạc	500		
		Hết Nhà ông Tặng	Hết nhà ông Định	300		
		Hết Nhà ông Tạo	Hết nhà ông Mậu	300		
		Hết Chợ Điếm	Hết nhà ông Nhật	350		
		Hết Nhà ông Chinh	Hết nhà ông Lộc	300		
		Nhà ông Hồng	Trạm bơm xóm Bắc	300		
		Nhà ông Toản (Liên Phương)	Hết nhà ông Duy	300		
		Nhà Văn hoá xóm ngoài	Nhà ông Khoan (xóm ngoài)	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Còn lại	180		
8	**Xã Yên Mạc**					
	ĐI Tây Sơn	Đường 480	Tây Sơn		300	
	Đi Hồng Phong	Đường 480	Hồng Phong (HTX)		300	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Còn lại		180	
9	**Xã Mai Sơn**					
		Đường 1A	Núi Thệu		600	
		Đường 480 (Cạnh nhà ông Bình)	Hết nhà ông Sinh xóm 3		500	

Tài liệu này được ... Landfeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Đường sắt cạnh nhà ông Liên	Hết Nhà ông Hào xóm 5		500	
		Đường sắt cạnh nhà ông Cửu	Hết Nhà ông Hào		450	
		Hết Nhà ông Sinh	Hết Trạm Ytế xã		500	
		Hết Trạm Ytế xã	Hết Nhà ông Hào		500	
		Hết Nhà bà Tính (đường 480)	Giáp trụ sở HTX		650	
		Giáp nhà bà Tiếp	Kho Lương Thực		450	
		Trạm biến thế	Hết nhà máy gạch		400	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		400	
			Còn lại		220	
10	**Xã Khánh Thượng**					
		Đường 480	UBND xã Khánh Thượng		500	
		UBND xã Khánh Thượng	Ngã 3 Láng Xoan		300	
	Đi Tịch chân	Ngã 4 Đồng Phú	Cầu Vó		250	
	Đi Thắng Động	Ngã 4 Đồng Phú	Hết Nhà ông Chúc		300	
	Đi Đồng Nhân	Ngã 3 Láng Xoan	Hết Nhà Ông Tuynh		300	
	Đi Thái Hoà	Ngã 3 Láng Xoan	Chùa Tràng linh		250	
		Hết Chùa Tràng Linh	Bến đò Bầu		250	
		Đường 480	Đình Trung (Lam Sơn)		300	
		Đường 480	Hết nhà ông Mấn (xóm 1 Lam Sơn)		300	
		Đường 480	Nhà ông Phú		300	
		Đường 480	Nhà ông Thuyết (xóm 1 Lam Sơn)		300	
		Nhà ông Bắc	Chùa Lam Sơn		250	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		250	
			Còn lại		200	
11	**Xã Yên Thắng**					
		Hết Trường cấp II	Ngã 4 xóm 3		1.000	
		Ngã 4 xóm 3	Cầu Xã		600	

Tài liệu này được chia sẻ từ thuvienphapluat.vietcafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Cầu Xã	Ngã 4 Quảng Thượng		600	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cống Mả La		450	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cầu Mễ		350	
		Ngã 4 xóm 3	Cây gạo xóm 4 (Ao Đình)		800	
		Ao cá tỉnh	Hết đất ông Cử (Giáp đê hồ Y. Thắng)		600	
		Ngã ba rẽ vào Vân Thượng 1	TBA Vân Du Thượng		400	
	Ven đê	Cầu Cọ	Đồi Dù		600	
	Đi Tam Điệp	Cầu Cọ	Nông trường chè Tam Điệp		350	
		Đồi Dù (Cống đầu kênh N2)	Giáp đất Tam Điệp		900	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Đồng Quan		500	
		Núi Cháy	Gi\áp Yên Hoà		500	
		Cầu Tu mới	Kênh cấp 1 (Cống Ao rau)		1.000	
		Kênh cấp 1 (Cống ao rau)	Ngã tư Xóm 4		800	
		Ngã tư xóm 4	Cống Sòi		800	
		Cống Cai (Yên Thành)	Cầu Cọ		600	
		Kênh cấp 1 (Cống ao rau)	Mả cụ		700	
		Mả Cụ	Nhà bà Nghiêm		400	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		250	
			Còn lại		180	
12	Xã Yên Hoà					
		Cầu Yên Thổ 2	Giáp ông Trung		500	
		Cầu Yên Thổ 2	Gốc Gạo		500	
		Giáp ông Roãn	Trạm biến thế Trung Hoà		600	
		Trạm biến thế Trung Hoà	Giáp Yên Thắng		500	
		Giáp ông Trung	Hết UBND xã Yên Hoà		800	
		Hết UBND xã Yên Hoà	Hết Cống Đa Tán		800	

Tài liệu này được tải từ https://luatvietnam.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Hết Cống Đa Tán	Giáp Yên Thành		600	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		300	
			Còn lại		200	
13	Xã Yên Đồng					
		Cống ông Cớt	Đến đê		450	
		Ngã 4 Tràng Yên	Hết Cầu Đằng		400	
		Ngã 4 Tràng Yên	Trụ sở HTX Thống Nhất		350	
		Hết Cầu Đằng	Cống ông Sự		300	
		Hết Cầu Đằng	Ông Dĩ		300	
		Ngã 3 ông Dĩ	Cửa ông Bẩm(Đông Sơn)		300	
		Cống ông Cớt	Cống ông Sự		250	
		Hết bà Nhũ	Giáp ông Địa		400	
		Trụ sở HTX Thống Nhất	Đến Đê(Bà Ngân cũ)		300	
		Giáp ông Chí	Giáp ông Châm		250	
		Giáp ông Châm	Đập tràn số 2		250	
		Giáp ông Chí	Giáp bà Nhũ		300	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Còn lại		180	
14	Xã Yên Thái					
		Cầu Hội	Giáp Yên Lâm		600	
		Cầu Hội	UBND xã Yên Thái		600	
		Cầu Hội	Đình Tiền Thôn		500	
		Hết Đình Tiền Thôn	Cống Bà Hường		500	
		Cầu Hội	Trạm bơm 4000		500	
		Trạm bơm 4000	Giáp Phú Trì (Cống Sành)		400	
	Đường trung tâm	Giáp Phú Trì (Cống Sành)	Cầu Giang Khương		500	

Tài liệu này được ... cafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
		Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
		Cống Bà Hường	Cống Thành Hồ		500	
		Trạm bơm 4000	Cống Yên Tế		500	
		UBND xã Yên Thái	Hậu Thôn		500	
		Núi Ô Rô	Cầu Mả ổi		300	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		250	
			Còn lại		200	
15	**Xã Yên Lâm**					
	Đi Phù Xa	Ngã 3 Lợi Hoà	Trạm biến thế Phù Xa		1.000	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Hết Chùa Hoa Khéo		800	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Ngã Tư Đông Yên		450	
	Đi Yên Thái	Hội trường Ngọc Lâm	Giáp Yên Thái		1.000	
	Đi Đông Yên	Đầu 480 đường WB2 đi Đông Yên	Cổng làng Đông Yên		600	
		Cổng làng Đông Yên	Cống Đầm Đa		400	
		Hết Chùa Hoa Khéo	Đập Hảo Nho		500	
		Hết Chùa Hoa Khéo	Cống Vũ Thơ		450	
		Hết Chùa Hoa Khéo	Đường mới giáp sông		450	
		Trường cấp II	Miếu Hạ		800	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		300	
			Còn lại		250	
16	**Xã Yên Thành**					
	Đường 480 cũ	Cầu Lộc	Hết cống Quán		600	
	Đi Trại Đanh	Ngã ba Lộc	hết Cống miếu Đanh		550	
		Hết Cống miếu Đanh	Hết Cầu Giang Khương		450	
	Đi Yên Hoà	Cống Quán	Giáp Yên Hoà		400	
		Cầu Thượng Phường	Hết Cống cây Duối		250	

Tài liệu này được tải từ https://caitaiand.vn

Đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		Ghi chú
	Từ	Đến	Đồng bằng	Miền núi	
	Cống Bạch Liên	Hết Cống ông Nghị		250	
Đường đê	Giáp đường 480D	Cống Cai (Chân Đê)		400	
	Ông Thùy - Yên Hóa	Đê Hồ		250	
	Cống Miếu Đanh	Ngã Tư Lăng Miễu		250	
	Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
		Còn lại		180	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caelaw.vn

BẢNG SỐ 8: GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN KIM SƠN

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn Đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	**THỊ TRẤN PHÁT DIỆM**				
1	Quốc lộ 10				
	Đường phố Kiến Thái	Cầu Thủ Trung	Cầu Kiến Thái (Phố Kiến Thái)	8.000	
	Đường phố Trì Chính	Cầu Kiến Thái	Đường số 3 (hết nhà ông Tiến)	8.000	
		Đường số 3 (hết nhà ông Tiến)	Đê Tả Vạc (giáp cầu Trì Chính)	8.000	
	Đường phố Phát Diệm	Đê Hữu Vạc (giáp cầu Trì Chính)	Hết cơ quan Xổ Số	8.000	
		Hết cơ quan Xổ số	Giáp cầu Lưu Phương	8.000	
2	Đường giữa Phát Diệm	Giáp Đường 10	Bờ hồ nhà thờ Đá Phát Diệm	5.500	
3	Đường ngang khu Bờ Hồ				
	Bên Tây	Ngã ba Đường giữa Phát Diệm (giáp Hồ)	Vòng quanh hồ đến cổng phía Tây nhà thờ	4.500	
		Cổng phía Tây nhà thờ	Đường Phát Diệm Tây	3.500	
		Từ nhà ông Hiệp	Đường Phát Diệm Tây	3.000	
	Bên Đông	Ngã ba Đường giữa Phát Diệm (giáp Hồ)	Vòng quanh hồ đến Đường Phát Diệm Đông	5.500	
		Từ nhà ông Cơ	Đường Phát Diệm Đông	3.500	
4	Đường Nam sông Ân	Trạm thuế Nam Dân	Đường Thống Nhất	7.000	
		Đường Thống Nhất	Cầu Trần (cầu Ngói)	4.500	
		Cầu trần (cầu Ngói)	Cầu Trần(Cầu Ngói) +150m (Hết đất bà Diệm)	3.500	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://luatvietnamcafeland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn Đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Cầu Trần (Cầu Ngói) +150m (Hết đất bà Diệm)	Cầu Lưu Phương	3.000	
5	Đường Thống Nhất	Cầu Thống Nhất	Trường THCS Thượng Kiệm	4.000	
6	Đường Thượng Kiệm	Đường 10	Doanh nghiệp Quang Minh	3.500	
7	Đường đê Hữu Vạc	Đường 10 (cầu Trì Chính)	Nhà khách huyện cũ	2.000	
8	Đường đê Tả Vạc	Đường 10 (cầu Trì Chính)	Ngã 3 Đường trước Trường cấp2 Kim Chính	2.000	
9	Đường Kiến Thái (ĐT 481B)	Cầu Kiến Thái	Cổng nhà thờ Kiến Thái	3.500	
		Cổng nhà thờ Kiến Thái	Hết đất Phát Diệm	2.500	
10	Đường Cống Tân Hưng	Đường 10	Cống Tân Hưng	3.500	
		Cống Tân Hưng	Vòng về phía đông hết nhà ông Vận	1.500	
		Cống Tân Hưng chạy theo đê Tả vạc	Hết địa phận TT Phát Diệm	700	
11	Đường vào T. Tân Y tế huyện	Đường 10	Hết trụ sở Toà án huyện	3.500	
		Hết trụ sở Toà án huyện	Cổng Trung Tâm Y tế	3.000	
12	Đường Phát Diệm Đông	Đường 10	Đường 10 + 200 m (hết nhà ông Phùng)	3.500	
		Đường 10 + 200m (hết nhà ông Phùng)	Giáp cầu sang TT Y tế	2.500	
13	Đất xung quanh bến xe	3 mặt trong khu vực bến xe	3 mặt trong khu vực bến xe	4.500	
14	Đường PK.Phương Đông (giáp nhà trẻ HH)	Đường 10	Đầu ngõ 12C	3.500	
15	Đường số 3 phố Trì Chính	Đường 10	Nhà thờ Trì chính		
	Đoạn 1	Đường 10	Hết nhà ông Bằng	2.500	
	Đoạn 2	Hết nhà ông Bằng	Nhà thờ Trì Chính	1.500	

Tài liệu này được lưu trữ

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn Đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
16	Đường số 1 (giáp Lương Thực cũ)	Đường 10	Đường cắt ngang	1.300	
17	Đường Kiến Thái (giáp Thủ Trung)	Đường 10	Hết khu dân cư	1.300	
		Đường 10	Ao nhà thờ Kiến Thái	1.300	
18	Đường đê Hữu Vạc nam sông Ân	Trạm thuế Nam Dân	Hết Địa giới Phát Diệm	2.000	
19	Đường 31 Năm dân	Đường Nam sông Ân	Hết Đường	2.000	
20	Đường 1 - Năm dân	Đường Nam sông Ân	Giáp đất xã Thượng Kiệm	1.300	
		Trường THCS Thượng Kiệm A	Đất dong chùa	1.300	
21	Đường Phát Diệm Nam	Cầu Ngói	Giáp đất xã Lưu Phương	1.300	
22	Đường Phát Diệm Tây	Đường 10	Cầu sang Trường THPT Kim Sơn A	1.300	
		Cầu sang Trường THPT Kim Sơn A	Đất xã Lưu Phương	1.200	
23	Đường phố Phú Vinh	Đường 10 (nhà ông Tân)	Đường 10 nhà ông Tân +200 m (hết nhà bà Mai)	2.500	
		Đường 10 nhà ông Tân +200 m (hết nhà bà Mai)	Khu Tập thể Bệnh Viện	2.000	
24	Đường 4 Phát Diệm Tây	Đường Giữa Phát Diệm	Đường Phát Diệm Tây	1.500	
25	Đường số 2 Phát Diệm Đông	Đường Giữa Phát Diệm	Đường phía Đông Phát Diệm Đông	1.500	
26	Đường trước Trường Cấp 2 Kim Chính	Đê sông Vạc	Đường ĐT 481 B	1.000	
27	Đường sau Huyện Đội	Đê Tả Vạc	Đến hết đường	1.000	

Tài liệu này được lưu trữ

T	Tên đơn vị hành chính	Đoạn Đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
28	Ven các trục đường còn lại khác			800	
29	Các khu vực còn lại			450	
II	**THỊ TRẤN BÌNH MINH**				
1	Đường 481	Giáp địa phận Kim Mỹ	Hết cổng Nông Trường	2.500	
		Hết cổng Nông Trường	Hết cổng Nông Trường + 100m	2.000	
		Hết cổng Nông Trường + 100m	Hết cổng Nông Trường + 200m	1.300	
		Hết cổng Nông Trường + 200m	Cầu Tô Hiệu - 100m	1.000	
		Cầu Tô Hiệu - 100m	Cầu Tô Hiệu	1.000	
		Cầu Tô Hiệu	Hết Doanh nghiệp Kim Đông	900	
		Hết Doanh nghiệp Kim Đông	Giáp đê Bình Minh 1	1.000	
2	Đường nội Thị Trấn	Cổng Nông Trường	Hết đường liên khối I+khối II	1.300	
		Hết đường liên khối I+khối II	Hết trường cấp III Bình Minh	700	
3	Đường WB2	Hết trường Cấp III Bình Minh	Cống C10	300	
		Giáp đường 481	Cống cuối kênh Cà mâu 2	350	
4	Đường Liên Khối	Đường nội thị trường cấp 1	Khối 11	500	
5	Các đường liên khối	Trục chính TT Bình Minh		300	
6	Đường nội thị liên xã	Từ cống Mai An	Cống giáp đê BM1 đi Kim Hải	270	
7	Đường ngã 3 Tô Hiệu - Cồn Thoi	Đường 481	Cống Điện Biên	300	
8	Ven các đường khác			270	
9	Các khu vực còn lại			250	

B. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	**Đường 10**	Đường lý (Giáp địa giới Yên Khánh)	Hết khu dân cư Bắc đường Quan (ông Chi)	1.000	
		Hết khu dân cư bắc đường quan (ông Chi)	Giáp đường Quan	1.100	
		Giáp đường quan	Giáp đường bản thôn	1.200	
		Giáp đường bản thôn	Hết Trường Tiểu học xã Ân Hòa	1.500	
		Hết Trường Tiểu học xã Ân Hòa	Hết nhà ông Kim	1.800	
		Hết Nhà ông Kim	Hết nhà ông Tài	2.500	
		Hết nhà ông Tài	Đường vào ruộng X 5 (trước nhà ông Nhi)	3.000	
		Đường vào ruộng X 5 (trước nhà ông Nhi)	Hết trung tâm Y tế Ân Hoà	3.500	
		Hết trung tâm Y tế Ân Hoà	Hết cầu Quy Hậu	4.500	
		Hết cầu Quy Hậu	Hết cầu Chí Tĩnh	6.500	
		Hết cầu Chí Tĩnh	Hết cầu Như Độ	5.000	
		Hết cầu Như Độ	Hết cầu chợ Quang Thiện	4.500	
		Hết cầu Quang Thiện	Hết cầu Quang Thiện giáp Đồng Hướng	5.000	
		Hết cầu Quang Thiện giáp Đồng Hướng	Hết cầu Đồng Đắc	5.500	
		Hết cầu Đồng Đắc	Đến cầu Kiến Trung	6.000	
		Giáp cầu Lưu Phương	Hết khu Lương Thực cũ	8.000	

Tài liệu này được lưu trữ https://caleandar.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Hết khu Lương Thực cũ	Giáp xã Tân Thành	7.000	
		Giáp xã Tân Thành	Hết cầu Xuân Thành	5.000	
		Hết cầu Xuân Thành	Hết địa phận xã Tân Thành	5.000	
		Hết địa phận xã Tân Thành	Hết cầu Yên Bình	4.000	
		Hết cầu Yên Bình	Hết cầu Sắt giáp xã Lai Thành	3.500	
		Hết cầu Sắt giáp xã Lai Thành	Giáp Điền Hộ - 300 m (Đường vào xóm 10)	3.000	
		Giáp Điền Hộ - 300 m (Đường vào xóm 10)	Giáp địa giới Nga Sơn - Thanh Hoá	3.000	
2	**Đường Tân Thành (ĐT 480 E)**	Giáp Đường 10	Hết Trạm điện Tân Thành	800	
		Hết Trạm Điện Tân Thành	Hết Địa phận Tân Thành	600	
3	**Đường ĐT 480**	Ngã 3 Lai Thành (giáp đường 10)	Hết trạm bơm xóm 5	800	
		Hết trạm bơm xóm 5	Hết địa giới xã Lai Thành	700	
		Giáp cầu Cà Mâu	Hết địa phận xã Yên Lộc	1.500	
		Hết địa phận xã Yên Lộc	Giáp địa giới Văn Hải	1.200	
		Giáp địa giới Văn Hải	Giáp chợ Văn Hải	600	
		Giáp chợ Văn Hải	Hết UBND xã Văn Hải	1.500	
		Hết UBND xã Văn Hải	Hết UBND xã Văn Hải + 800 m (Hết nhà ông Bình)	600	
		Hết UBND xã Văn Hải + 800 m (Hết nhà ông Bình)	Hết cầu Kim Mỹ	600	
		Hết cầu Kim Mỹ	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	550	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hoà)	800	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caelaw.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
4	**Đường ĐT 481**	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hoà)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	1.400	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	2.500	
		Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	1.500	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	Giáp địa Phận Bình Minh	1.200	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hoà)	800	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hoà)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	1.400	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	2.500	
		Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	1.500	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	Giáp địa Phận Bình Minh	1.200	
		Giáp địa phận Kim Mỹ	Hết cổng Nông Trường	2.500	
		Hết cổng Nông Trường	Hết cổng Nông Trường + 100m	2.000	
		Hết cổng Nông Trường + 100m	Hết cổng Nông Trường + 200m	1.300	
		Hết cổng Nông Trường + 200m	Cầu Tô Hiệu - 100m	1.000	
		Cầu Tô Hiệu - 100m	Cầu Tô Hiệu	1.000	
		Đê BM1	Hết cầu kênh tưới +100 m (Hết nhà ô Bảy)	1.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanfeia.com.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Hết cầu kênh tưới +100 m (Hết nhà ông Bảy)	ĐêBM2 - 600m (cầu trắng -200m) (hết nhà ông Khoan)	500	
		ĐêBM2- 600m (cầu trắng -200m), hết nhà ông Khoan	Giáp đê BM2	600	
		Cầu Tô Hiệu (Nhà ông Sơn)	Đường trục xã nhà ông Thượng	500	
		Đường trục xã nhà ông Thượng	Cống điện biên	400	
5	**Đường Định Hoá - Văn Hải - Kim Tân - Cồn Thoi (Đ WB2)**	Giáp Đường ngang Định Hoá	Giáp Đường ngang Định Hoá + 100m (Ngõ bà Dự)	600	
		Giáp Đường ngang Định Hoá + 100m (Ngõ bà Dự)	Giáp cầu ông Chiên - 100m (Ngõ ông Dậu)	600	
		Giáp cầu ông Chiên - 100m (Ngõ ông Dậu)	Giáp cầu ông Chiên + 100m (Ngõ ông Bảo)	600	
		Giáp cầu ông Chiên + 100m (Ngõ ông Bảo)	Giáp địa phận xã Văn Hải	400	
		Giáp địa phận xã Văn Hải	Giáp Kim Tân	400	
		Giáp Kim Tân	Giáp Cồn Thoi	300	
		Giáp Cồn Thoi	hết đường trục Cồn Thoi giáp ĐT 481 kéo dài từ cầu Tô Hiệu đi cống Điện Biên	400	
6	**Đường Quy Hậu đò 10 ĐT 481D**	Cầu Quy Hậu	Hết chi nhánh Ngân Hàng NN	3.000	
		Hết chi nhánh Ngân Hàng NN	Hết cầu Duy Hoà	3.000	
		Hết cầu Duy Hoà	Hết cầu Hồi Thuần	2.500	
		Hết cầu Hồi Thuần	Hết cầu Chất Thành	2.300	
		Hết cầu Chất Thành	Giáp địa phận Xuân Thiện	1.500	
		Giáp địa phận Xuân Thiện	Giáp cầu Đen (hết địa phận Xuân Thiện)	1.000	

Tài liệu này được lưu trữ tại https://thuvienphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
7	**Đường Ngang liên xã tiểu khu 1**	Giáp đường 10	Hết nhà ông Công	2.500	
		Hết nhà ông Công	Hết cầu Duy Hoà - Ân Hòa	2.000	
		Hết cầu Duy Hoà - Ân Hoà	Hết cầu Tức Hưu (xã Kim Định)	1.500	
		Hết cầu Tức Hưu	Hết cầu Dục Đức	1.000	
		Hết cầu Dục Đức	Hết cầu Định Hướng	900	
		Hết cầu Định Hướng	Nhà thờ dưỡng điềm	550	
		Nhà thờ dưỡng điềm	Hết địa giới xã Hồi Ninh	500	
		Hết địa giới xã Hồi Ninh	Chất Bình giáp Chính Tâm	500	
		Chất Bình giáp Chính Tâm	Hết Thôn Hàm Phu	500	
		Hết Thôn Hàm Phu	Giáp Xã Xuân Thiện	500	
		Giáp Xã Xuân Thiện	Giáp xã Khánh Thành - Yên Khánh	300	
8	**Đ. Liên xã L.Phương - Đ. Hoá - Thượng Kiệm**	Giáp đường Nam sông Ân	Nhà thờ Phương ngoại	6.000	
		Nhà thờ Phương ngoại	Đường N1 Lưu Phương	5.500	
		Đường N1 Lưu Phương	Hết khu Trung tâm hành chính huyện	5.000	
		Hết khu Trung tâm hành chính huyện	Hết khu dân cư xóm 10	2.000	
		Ngã ba cống Tân An	Đường trục Thượng Kiệm	500	
		Đường trục Thượng Kiệm	Đê Hữu Vạc	400	
		Hết khu dân cư xóm 10	Giáp cầu qua sông Cả Mâu	1.200	
9	**Đường WB2 (liên 3 xã)**	Giáp đường 481	Hết UBND xã Kim Trung		
		Giáp đường 481	300m về phía Đông giáp nhà ông Thu	300	
		300m về phía Đông giáp nhà ông Thu	Hết UBND xã Kim Trung	350	
		Hết UBND xã Kim Trung	Giáp đường BM5	250	

Tài liệu này được lưu trữ tại

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
		Cống Tôn Đạo	Hết cầu chợ Quy Hậu	2.000	
		Hết cầu chợ Quy Hậu	Giáp địa giới Quang Thiện	1.000	
		Giáp địa giới Quang Thiện	Giáp địa giới Kim Chính	1.000	
		Giáp địa giới Kim Chính	Hết HTXNN Thủ Trung (2 nhánh Đông Tây)	1.000	
10	**Đường Nam sông Ân**	Hết HTXNN Thủ Trung (2 nhánh Đông Tây)	Hết khu dân cư	200	
		Giáp cầu Lưu Phương	Giáp cầu Lưu Phương +300m (Hết ông nhà ông Nghĩa)	2.000	
		Giáp cầu Lưu Phương +300m (Hết ông nhà ông Nghĩa)	Giáp cầu Tân Thành	1.000	
		Giáp cầu Tân Thành	Giáp xã Yên Lộc	600	
		Giáp xã Yên Lộc	Hết xóm 10	300	
11	**Đường Kiến Thái**	Giáp Địa phận Phát Diệm (trạm xá Kim Chính)	Hết nhà bà Thu	700	
		Hết nhà bà Thu	Hết Trụ sở HTX Kiến Trung	500	
		Hết Trụ sở HTX Kiến Trung	Đường vào Miếu Kiến Thái	250	
		Đường vào Miếu Kiến Thái	Giáp địa giới Yên Mật	200	
		Giáp địa giới Yên Mật	Hết địa phận xã Yên Mật	250	
12	**Đường tránh Quốc lộ 10**	Nhà ông Ninh - xã Ân Hoà	Hết đường	200	
13	Đường Trục xã Lưu Phương	Giáp Đường QL10	Hết nhà trẻ	3.000	

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Xuân Thiện				
1	Đường trục xã Xuân Thiện	Đường đi đò 10	Hết UBND xã	300	
	Xã Chính Tâm				
1	Đường Thôn Mông Hưu - Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1500 m về phía Bắc (Giáp Xuân Thiện)	400	
2	Đường Cách Tâm - Chính Tâm	Bưu điện văn hoá xã	Hết chợ Cách Tâm	300	
3	Đường thôn Lưu Thanh - Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1200 về phía Bắc (Hết nhà ô Thới)	200	
4	Đường thôn Hàm Phu - Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1200 về phía Bắc (Hết nhà ô Đức)	200	
5	Đường ngang xã Chính Tâm	Thôn Lưu Thanh	Thôn Mông Hưu	400	
6	Đường ngang xã Chính Tâm	Bưu điện văn hoá xã	Giáp Xuân Thiện	500	
7	Đường Thành Đức	Đường ngang xã	Giáp Đông xẻ	200	
8	Đường thôn Thanh Đức Chính Tâm	Cầu Thành Đức	+ 1200 về phía Bắc (giáp xã Khánh Thuỷ)	200	
	Xã Chất Bình				
1	Đường trục xã Chất Bình				
	Đường trục Cộng Thành	Đường liên xã	Hết đường	250	
	Đường trục Hợp Thành	Áp Khánh Thủy, Yên Khánh	Đò Chất Thành	300	
	Đường trục Cộng Nhuận	Đường liên xã	Đường Quy Hậu đò 10 (481D)	250	
	Đường trục Quân Tiêm	Đường liên xã	Đường Quy Hậu đò 10 (481D)	250	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Hồi Ninh				
1	Đường trục xã	Từ cầu bà Hiệu (đi đò 10)	Đến nhà thờ Lục Bình	350	
		Đến nhà thờ Lục Bình	Đến ngã 3 đường ngang liên xã đi Kim Định	300	
	Xã Kim Định				
1	Đường Tức Hưu (xóm 8)	Từ đường đi đò 10	Đường ngang liên xã	250	
	Xã Hùng Tiến				
1	Đường Chí Tĩnh - Hùng Tiến	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc (Hết nhà ô Hà)	600	
2	Đường Đông Quy Hậu	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc (hết nhà ông Hợp)	800	
3	Đường Tây Quy Hậu	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc (Hết nhà bà Cao)	600	
	Xã Như Hoà				
1	Đ. Hoà Lạc - Tuần Lễ - Như Độ	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc		
	Đường Hoà Lạc	Giáp đường 10	Trường Tiểu học	800	
	Đường Tuần Lễ	Giáp đường 10	Ngang trường Tiểu học	800	
	Đường Như Độ	Giáp đường 10	Hết nhà ông Bắc	800	
2	Đường trục Như Độ-Hoà Lạc-Tuần Lễ	Giáp đường Nam sông Ân về phía Nam	Đường Nam sông Ân về phía Nam +500 m		
	Đường trục Như Độ	Giáp đường Nam sông Ân	Đến hết nhà ông Quốc	300	
		Đến hết nhà ông Quốc	Hết đường	150	
	Đường trục Hoà Lạc	Giáp đường Nam sông Ân	Đến hết nhà ông Phấn	500	
		Đến hết nhà ông Phấn	Hết đường	400	
		Giáp đường Nam sông Ân	Đến nhà trẻ xóm 9	400	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caseland.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Đường trục Tuần Lễ	Đến nhà trẻ xóm 9	Đến nhà trẻ xóm 9 +500m	250	
		Đến nhà trẻ xóm 9 +500m	Hết đường	200	
	Xã Quang Thiện				
1	Đường Lưu Quang -Lạc Thiện Ứng Luật - Phúc Điền	Giáp đường 10 (N-B)	+ 500 m (Hết nhà ông Vì)	400	
		+ 500 m (Hết nhà ông Vì)	+ 500 m (Hết nhà ông Tưởng)	250	
		Giáp đường Nam sông Ân (B-N)	+ 300 m (Cống 15)	400	
		+ 300 m (Cống 15)	+ 200 m (Hết nhà ông Kiều)	300	
	Xã Đồng Hướng				
1	Đường Hướng Đạo - Đồng Đắc	Giáp đường 10	Đường ngang trạm điện	650	
		Đường ngang trạm điện	Cầu xóm 3	500	
		Đường cầu xóm 3	Hết dân cư	350	
2	Đường bể Hướng Đạo	Điểm đầu Cụm công nghiệp Đồng Hướng (tính từ sông Ân về phía Nam)	Hết cụm công nghiệp Đồng Hướng	500	
		Hết cụm công nghiệp ĐH	+1200 m (cống đạc 20)	450	
		Cống Đạc 20	Đến Đê đáy	300	
3	Đường bể Đồng Đắc (X7)	Giáp đường nam sông Ân	+ 1000 m (cống Đạc 20) xóm 7	500	
		+ 1000 m (cống Đạc 20) xóm 7	Cống đạc 50	300	
		Cống đặc 50	Đê Đáy	200	
	Xã Kim Chính				
1	Đường Kiến Trung	Giáp đường 10	+300m (Hết khu dân cư)	500	
2	Đường đê sông Vạc	Cầu Đại Đồng	Hết Miếu Trì Chính	500	
		Hết Miếu Trì Chính	Hết địa phận xóm 1 Kim Chính	250	

Tài liệu này có giá lưu trữ tại http://caldoc.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Yên Mật				
1	Đường trục xã Yên Mật	Giáp đường 481 B	Hết đường	250	
2	Đường trục thôn Ninh Mật	Đầu đường Kiến Thái	Đầu Thôn Ninh Mật	250	
3	Đường trục thôn Yên Thổ	Đầu thôn Yên Thổ	Hết UBND xã Yên Mật	250	
4	Đường trục liên thôn	Cuối thôn Yên Thổ	Đến Giáp Khánh Hồng	250	
5	Đường trục thôn Mật Như	Đầu Thôn Mật Như	Cuối thôn Mật Như	250	
	Xã Thượng Kiệm				
1	Đường trục Thượng Kiệm	Xí Nghiệp Quang Minh	Hết TT giáo dục thường xuyên	1.500	
		Trường THCS Thượng Kiệm (phía Nam)	Hết trường Tiểu học	1.400	
		Hết trường Tiểu học(phía Nam)	Hết khu dân cư	700	
		Xóm An Cư	Xóm 5	600	
		Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Hết xóm 4	700	
		Đường trục còn lại		200	
2	Khu trung tâm hành chính xã Thượng Kiệm	Đường N9	Đường 14		
	Phía Đông	Khu dân cư Quay hướng Bắc		1.200	
		Khu dân cư hướng Nam		1.200	
3	Đường trong khu quy hoạch xã Thượng Kiệm	Đường trục xã	Trạm điện 110KW	600	
4	Đường trước TTGDTX Thượng Kiệm	Đường trục xã phía Bắc	Giáp đê Hữu Vạc	600	
5	Đường quy hoạch khu chăn nuôi	Đường trục Thượng Kiệm	Đê Hữu Vạc	300	
	Xã Lưu Phương				
1	Đường Trục xã Lưu Phương	Hết Nhà trẻ	Hết khu dân cư liền kề	2.000	
		Giáp Đường QL10	Hết nhà thờ Lưu Phương	2.000	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
2	Các đường ngang qua khu Trung Tâm, hành chính, chính trị huyện	Đường trục Lưu Phương - Định Hóa	Giáp xã Tân Thành (đường Tân Thành - Định Hóa)		
		Khu dân cư hướng Bắc		1.000	
		Khu dân cư hướng Nam		1.100	
		Đường trục Lưu Phương - Định Hóa	Giáp Thượng Kiệm (đường cầu ngói đi xuống)		
		Khu dân cư hướng Bắc		900	
		Khu dân cư hướng Nam		1.000	
3	Đường Trục xã Lưu Phương xóm 6,7 giáp TT Phát Diệm	Phía Đông từ nhà ông Thành	Đến nhà ông Phát	300	
		Phía Tây từ nhà ông Hiển	Đến nhà ông Bình	500	
	Xã Tân Thành				
1	Đường Tân Thành (ĐT 480 E)	Giáp Đường 10	Hết Trạm điện Tân Thành	800	
		Hết Trạm Điện Tân Thành	Hết Địa phận Tân Thành	600	
2	Đường Trục Xuân Thành	Giáp QL 10	Hết Trạm xá	400	
		Hết Trạm xá	Giáp địa giới Yên Mô	400	
3	Đường Nam sông Ân	Giáp cầu Tân Thành	Giáp xã Yên Lộc	600	
	Xã Yên Lộc				
1	Đường cầu chùa Yên Lộc	Chùa xóm 1	Xóm 9 (Hết xóm 9)	300	
2	Đường Yên Bình - Yên Lộc	Xóm 2	Xóm 3 (hết xóm 3)	1.000	
3	Đường Yên Hoà - Yên Lộc	Chợ Yên Lộc	Hết trường THCS	1.200	
4	Đường sông 3 Yên Lộc	Giáp đường QL 10	Hết nhà ông Nhì xóm 13	500	
5	Đường sông Cà Mâu	Giáp đường QL 10	Hết nhà ông Kính xóm 11	300	
6	Đường tránh Quốc lộ 10	Giáp Tân Thành	Giáp Lai Thành	200	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://caitieuend.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
	Xã Lai Thành				
1	Đường WB2 - Lai Thành	Ngã 3 đường 10	Hết trạm bơm xóm 5	450	
	Xã Định Hoá				
1	Đường trục xóm 7, 9 xã Định Hoá	Giáp đường 481 B	Giáp đường ngang xã Định Hoá		
		Giáp đường 481	Đập ông Thân	500	
		Giáp đập ông Thân	Giáp đường ngang xã - 100m (ngõ Ô. Oanh)	500	
		Giáp đường ngang xã - 100m (ngõ Ô. Oanh)	Giáp đường ngang xã Định Hoá	500	
2	Đường đê càn	Giáp địa giới Lai Thành (đầu nghĩa địa)	GIáp địa giới xã Văn Hải	250	
	Xã Văn Hải				
1	Đường ngang Đông Hải	Giáp cầu Trung Chính	Đường WB2 phía Bắc	300	
	Xã Kim Đông				
1	Đường mới phía Tây đường 481	Chợ Kim Đông	Chợ Kim Đông +200m (Hết nhà ông Sơn)	400	
2	(Dãy 2 // với đường 481)	Chợ Kim Đông +200m (Hết nhà ông Sơn)	Hết đường	300	
3	Đường Kim Đông - Kim Trung	Giáp đường 481	+300 m về phía đông (Hết nhà ông Thu)	300	
	Xã Kim Trung				
1	Đường BM6-Kim Trung	Nam kênh tưới cấp 1	Giáp sông tiêu mặn	200	
	Xã Kim Hải				
1	Đường C10-Kim Hải	Đê BM1	Đê BM2	500	
2	Bắc kênh cấp 1	Đê BM2	Đường C10	350	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://vanbanphapluat.vn

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	Ghi chú
		Từ	Đến		
3	Đường BM1	Đê BM1	Đê BM2	350	
4	Đường BM 2	Đê BM1	Đê BM2	400	
5	Đường 700	Đê BM2	Đường C10	350	
6	Đường Thanh Niên	Đê BM1	Đường C10	250	
Khu dân cư nông thôn còn lại					
1	Khu vực các xã Xuân Thiện, Chính Tâm, Chất Bình, Yên Mật, Kim Tân, Kim Hải: - và từ xã Ân Hoà đến hết xãLưu Phương có vị trí cách đường Quốc lộ 10 trên 3 km về phía Nam, Khu vực từ xã Ân Hoà đến hết xã Yên Lộc phía Bắc đường Quy Hậu đò 10, đường Quốc lộ 10 tính từ tiếp giáp khuôn viên đất ven trục đường về phía Bắc 500 m		Đường ô tô vào được	180	
			Khu dân cư còn lại	150	
3	Các khu vực còn lại	Đường ô tô vào được		180	
		Khu dân cư còn lại		150	
4	Đường 481 nối dài	Đê BM2 đến đê BM3		200	
5	Khu vực còn lại đê BM2 đến đê BM3			130	

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

Phần III

BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP

I. GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Địa điểm	Giá đất	Ghi chú
1	Khu công nghiệp Gián Khẩu	1.330	
2	Khu công nghiệp Khánh Phú	1.210	
3	Khu công nghiệp Tam Điệp	400	
4	Khu làng nghề Ninh Phong	1.100	
5	Khu công nghiệp Khánh Cư	281,6	Chưa xây dựng CSHT
6	Khu công nghiệp Phúc Sơn	1.300	Chưa xây dựng CSHT
7	Cụm công nghiệp Đồng Hướng	300	Chưa xây dựng CSHT

II. GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp ngoài Khu công nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố tính bằng 70% giá đất ở cùng loại đường phố và vị trí theo bảng giá đất ở các huyện, thị xã, thành phố.

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn